N38
(1)

洪德國音詩集

VI

三山二一

Chủ quán kính cáo:
Quán Ven Đường mượn quyển sách nầy từ Thư Viện Trường Đại Học Yale để quí khách cần thì tham khảo
Đây chỉ là miếng giấy ghi note, có thể gở ra không làm hư quyển sách.

洪德國音詩集.

Hồng đức quốc âm thi tập.

黎聖宗撰.

Lê-Thánh-tông, soạn.

AB. 292.

Lời thơ đời có có câu sáu chữ, bảy có câu năm chữ, mà nhiều những chữ tiếng khó hiểu lắm, và lại viết sai, và viết mất.

洪德國音詩集
Hồng đức quốc âm thi tập.

1a

元旦
Nguyên đán.

机年儻化罩勝運.
Cơ mầu thợ hoá bốn muà vận.
冬臸巴迸瞢汶春.
Đông cuối ba mươi, mông một xuân.
爍爍剗鐳暟嶂燜.
Rỡ rỡ cửa vàng ngày Thuấn sáng.
瀇瀇尼王曆尭分.
Lâu lâu phiến ngọc lịch Nghiêu phân.
高位岦蝟皇極.
Cao vời vợi ngôi hoàng cực.
泣凌凌福庶民.
Khắp lăng lăng phúc thứ dân.
倅愩預隊行玉笋.
Tôi muốn dự đoàn hàng ngọc duẩn.
嬴高敬祝韄明君.
Non cao kính chúc tuổi minh quân.

又 元 旦.

Lại Nguyên đán.

陰 陽 台二 氣 默 磋 運.
Âm dương hai khí mặc xoay vần.
氪 過 時 冬 到 節 春.
Nếu quá thời đông đến tiết xuân.
頭 馭 娶 欺 雪 湆.
Chân ngựa giong khi tuyết tạnh.
行 鴦 拉 暝 更 分.
Hàng loan rập thuở canh phân.
珍 重 占 占 巍位 皇 極.
Chín trùng chem chẻm ngôi hoàng cực.
南五 福 熙 熙 帶下 庶 民.
Năm phúc hây hây dưới thứ dân.
遽 合 殿 南 朝 喳 劇.
Mấy họp đền nam chầu chực sớm.
边 聰 豢 嘶 啃 韶 鈞.
Bên tai dường nẳng tiếng thiều quân.

又 元 旦
Lại Nguyên đán.

巴陽免迨暝時運.
Ba dương đã gặp thuở thời vận.
畢波調恊沃主春.
Bốn bể đều mừng một chúa xuân.
嗳凱鑓香余斛.
Nức ngại vàng hương mấy hộc.
粧剿鳳玉迸分
Trang của phượng ngọc muôn phân.
尭弄弄哈憲聖.
Giêu lòng lòng hay lòng thánh.
邕熙熙泣閂民.
Gió hây hây khắp muôn dân.
恠如陰固欺馨霏曠.
Nhờ ấm có khi hêng bóng nắng.
約登閂穢祝吾君.
Ước giàng muôn tuổi chúc ngô quân.

又元旦
Lại Nguyên đán.

恰畢勝調造化運.
Gặp bốn mùa điều tạo hoá vận.

鐫 冬 𣍐 也 更 頭 春.
Cuối đông mừng đã lại đầu xuân.
節 巴 陽 盛 熙 熙 鬧.
Tiết ba dương thịnh hây hây mở.
恩 忩 重 豬 買 買 分.
Ơn chín tưng nhiều mới mới phần
𠓨 合 帶 巾 術 沒 准.
Vậy hợp đai cân về một chồi.
達 安 禛 語 泣 閂 民.
Đạt yên chăn chiếu khắp muôn dân.
會 鐥 也 迊 瓢 南五 福.
Hội lành đã gặp gồm năm phúc.
攜 嶽 南 祝 聖 君 𠀧.
Trỏ núi nam chúc Thánh quân.

2a.

春 詩.
Xuân thơ.
沒 氣 歪 搭 拱 運.
Một khí giời đắp đổi vần.
巴 腦 冬 更 巴 腦 春
Ba tháng đông lại ba tháng xuân.

生 成 每 物 調 鮮 卒.
Sinh thành mọi vật đều tươi tốt.
潭 廕 吊 暐 拯 淡 潤.
Đầm ấm nào ngày chẳng dượm nhuần.
象 鬱 泰 和 堯 撫 治.
Tượng mở thái hoà Nghiêu phủ trị.
恩 夥 賑 貸 漢 餧 民.
Ơn nhiều chẩn thải Hán nuôi dân.
臺 春 眾 被 調 囘 合.
Đài xuân bốn bể đều vầy hợp.
忝 千 倅 祝 聖 君 ./.
Tám nghìn tôi chúc Thánh quân./

夏 詩.
Hạ thơ.

式 春 沒 氣 駭 群 嘷.
Thức xuân một khí hay còn khoe.
ノ 免 南 訛 節 鉏 肹.
Phút đã nam ngoa tiết đến hè.
蕩 蕩 暐 迟 張 傘 曝.
Dãng dãng ngày chầy giương tán nắng.

屯 屯 霧 靄 撫 幔 槐.
Đun đun bóng rợp phủ màn hoè.
曲 和 虞 舜 彈 琴 玉.
Khúc hoà Ngu Thuấn đàn cầm ngọc.
眡 倘 羲 和 劃 效 縰.
Giác thoảng Hy Hoà của sổ the.
衆 仄 囲 戦 棋 汶 局.
Trong ấy vây nên cờ một cuộc,
嗃 兜 嘵 嘲 丐 蜗 蜗 /
Kêu đâu vang tiếng cái ve ve.

2B.

秋 詩.
Thu thơ.

汶 雁 和 傳 令 蓼 收.
Một nhạn hoà truyền lệnh náu thu.
窓 疎 吃 吃 律 唏 秋.
Song thưa hột hột lọt hơi thu.
鑲 舖 堦 菊 欺 霜 用.
Vàng phô vườn cúc khi sương dụng.
鉑 點 岸 葦 暴 雪 霓.
Bạc điểm ngàn lau thuở tuyết mù.

烟 册 連 檯 芸 學 子.
Đèn sách trên yên nghê cử tử.

干 戈 逖 隘 役 征 夫.
Can qua ngoài ải việc chinh phu.

清 台 朕 固 彊 腠 煬.
Thanh thời đêm có vâng giảng giải.

燄 漏 漏 泣 尬 洲.
Có lâu lâu khấp chín châu.

冬 詩.
Đông thơ.

運 暴 勝 尼 屯 固 功.
Vận thuở mưa nay đã có công.

朕 賤 罷 沃 暴 巴 冬.
Đêm dài bởi một thuở ba đông.

窓 梅 月 燄 清 朋 諾.
Song mai nguyệt tỏ thanh bằng nước.

劌 竹 霜 侵 冷 女 銅.
Cuả trúc xương xâm lạnh nứa đồng.

點 雪 帝 嫩 頭 拯 泊.
Điểm tuyết nào non đầu chẳng bạc.

烘 炉 周 客 麵 漆 紅.
Hồng lô có khách mặt thêm hồng.
沒 梅 邀 到 春 潭 陰.
Một mai sang đến xuân đầm ấm.
塘 紫 眄 花 鏡? 馭 容.
Đường tía xem hoa ruổi ngựa dong.

春詩.
Xuân thi.

自 睟 東 皇 韶 祕 權.
Tự thuở đông hoàng chiêu lấy quyền
韶 光 吟 景 糊 春 天.
Chiêu quang lâm cảnh sáng xuân thiên.
塘 花 熱 烬 咁 信 蜂 恩.
Đường hoa trấp trới tin ong nhắn.
黮 柳 蓊 升 使 蝶 傳.
Đậm liễu thung thăng sứ điệp truyền.
奈 魏, 娘 桃 誇 雞 鴃.
Nay Ngụy, nàng Đào khoe tiếp đế.
得 詩, 客 腦 道 吐 囉 勸.
Người thơ, khách nuốu rộn mời khuyên

3a

男 兒 迢 睏 衆 欺 欠.
Nam nhi gặp thuở trong khi ấy.
騣 馭 長 安 買 亟 願.
Ruổi ngựa Trường an mấy phỉ nguyền.

夏 詩.
Hạ thi.

自 睏 朱 明 節 令 鈞.
Tự thuở Chu minh chiu lệnh hè.
乘 涼 亭 永 朗 朋 絀.
Thừa lường đình vắng lặng bằng the.
暯 迟 朕 急 愁 魂 蚿.
Ngày chầy đêm kíp sầu hồn buồn.
蔓 用 花 殘 動 殼 蜕.
Loá dụng hoa tàn động xác ve.
逆 剿 屯 屯 散 霽 竹.
Ngoài cửa đuồn đuồn tan bóng trúc.
公 堂 汰 汰 撫 幔 槐.
Công đường thấy thấy phủ màn hoè.
詩 人 欺 欠 之 心 伴.
Thi nhân khi ấy chi lòng bạn.

沒 篆 沉 香 汶 戰 茶 y.
Một nén trầm hương một chén trà.

秋 詩
Thu thi.

落 度 梧 桐 余 葉 悉,
Lạc đác ngô đồng mấy lá bay.
唁 秋 緊 迄 律 唏 霧,
Tiễn thu hiu hắt lọt hơi may.
岸 箕 隔 沼 掬 嗝 留,
Ngàn kia cách nước so le dịch.
廣 怒 边 墻 董 鼎 榛,
Mái nọ bên tường dựng đỉnh chầy.
蘆 董? 壠 南 斬 黯 拉,
Lau đồng bãi nam ngàn đậm lấp,
鴈 蹴行 隘 北 買 菲 行,
Nhạn về ải bắc mới vài hàng.
季 - 膺, 宋 - 玉 兼 包 女,
Quí - Ưng, Tống - Ngọc dường bao nữa.
欺 意 殼 得 感 景 台 y.
Khi ai nhiều người cảm cảnh thay.

3B.

冬詩.
Đông thi.

自 曙 玄 明 韶 令 冬.
Tự thuở huyền minh chiêu lệnh đông.
吠 吠 隊 淮 陣 金 風.
Phệ phệ đội chối trận kim phong.
更 遲 玉 漏 沖 朋 雪.
Canh chậy ngọc lậu trong bằng tuyết.
禪 牌 琉 蘇 冷 女 銅.
Đệm bài lưu tô lạnh nữa đồng.
上 宛 菊 殘 南五 點 夢.
Thượng uyển cúc tàn nam, hậy lá.
羅 浮 梅 占 沃 菲 花.
La phù mai chiếm một vài bông.
果 勝 罵 渚 漏 更 竭.
Bốn mùa mai chứa lậu canh hết.
湯, 武 隊 心 沛 道 中.
Thang, Vũ đội lâm phải đạo trung.

新月.
Tân nguyệt.

東 邊 西 廣 窖 如 江.
Đông bên tây xưởng khéo như giàng.
爐 悉 得 世 喻 罗 膛.
Có lòng người thế gọi là giàng.
映 尚 弓 撩 鴟 忒 慘.
Ánh núi cung treo chim thắc thảm.
炀 湖 鈎 且 魴 舂 升.
Giải hồ câu thả cá thung thăng.
哈 悉 年 少 哈 朋 渚.
Hay lòng niên thiếu hay bằng chơ.
悯 事 人 情 悯 凭 庄.
Biết sự nhân tình biết vưng chăng.
喃 乙 固 欺 贖 固 暴.
Méo ắt có khi trơn có thuở.
罕 勝 汶 節 糊 康 康 小
Bốn mùa một tiết sáng khăng khăng.

4a.

新 月.

Tân nguyệt.

玉 鑰 迸 分 揾 渚 浩.
Ngọc thúc mười phân vằn chứa đầy.

半	暈	煬	煬	買	賣	西.
Nửa	vầng	dâng	dậng	mới	về	tây.
边	棘	緘	戟	女	棋	鋒	戮.
Bên	cầu	Chúc	-	nữ	kề	vong	trước.
蹈	鬢	開	元	擰	鼽	痴.
Giáu	cư	khai	nguyên	bấm	móng	tay.
魚	語	鈎	沉	啾	伴	另.
Cá	ngữ	câu	chìm	xuống	bạn	lánh.
鴟	怙	弓	翔	保	懺	鞿.
Chim	ngữ	cung	bắn	bảo	nhau	bay.
欺	尼	雖	駭	哏	群	鬧.
Khi	nay	tuy	hai	răng	còn	bé.
固	睬	暈	罢	天	下	哈.
Có	thuở	vầng	ra	thiên	hạ	hay.

月

Nguyệt.

困	奇	鞘	戟	害	有	情.
Khuôn	cơ	sao	nên	khéo	hữu	tình.
和	高	和	糊	吏	和	清.
Hoà	cao	hoà	sáng	lại	hoà	thanh.

羣 扣 爐 烟 曦 閃 黯.
Gương gió vắng vặc Sao muốn dặm.
霽 燥 漏 漏 淬 南五 更.
Bóng tỏ lậu lậu Suốt năm canh.
翁 瞋 為 兜 揀 織 覷.
ông nọ vì dâu xe chỉ tỏ.
娘 吊 謝 帝 扯 遽 撐.
Nàng nào chòi dãy trải mấy xanh.
嚥 貼 氣 象 形 容 仄.
Ngẫm xem khí tượng hình dung ấy.
秩 露 罌 時 澥 衆 星 ㄚ.
Chịt lỏ ra thời nhạt chúng tinh.

4B.

和 前 韻 十 首.
Hoạ tiền vận thập thủ.

其 一.
Kỳ nhất.

露 蓮 連 覽 恪 常 情.
Lỏ lên liền thấy khác thường tình.
周 鍒 高 和 周 鍒 清.
Có vè cao hoà có vè thanh.

樓 玉 鬲司 扣 瞳 每 渚
Lâu ngọc giường gió soi mọi nước.
傘 鐀 車 擱 騷 南五 更
Tán vàng xe gác rưỡi năm canh.
鵲 驚 睟 燦 移 梗 緣
Thước kinh thuở giải rời cành lục.
鯨 慱 欺 穿 絡 昧 撐
Kình sợ khi xuyên rối mắt xanh.
宮 仄 堪 堪 戚 格 仄
Cung ấy khắm khắm nên cách ấy.
停 台 說 糊 固 台 星
Dành hay chớp sáng có thái tinh.

其 二.
Kỳ nhị.

率 人 間 恰 每 情
Suất nhân gian khắp mọi tình.
高 位 位 糊 清 清
Cao vời vợi sáng thanh thanh.
鐀 閉 象 吏 歐 分 霽
Đức muôn tượng lại vầng phân bóng.

收 拎 洲 雖 汶 刻 更.
Thu chín chaû vẽ một khắc canh.
穰 睞 篩 鑌 鏘 閣 轟.
Nhiều thuở dậy vang tường các đỏ.
憎 番 吨 王 鋉 宮 撐.
Ghê phen nhà ngọc thép cung xanh.
弦 高 弦 糊 連 嶝 仄.
Cang cao cang sáng trên ngồi ấy.
弦 爐 勳 名 儔 將 星.
Cang lò huân danh đáng tướng tinh.

5a

其 三.
Kỳ tam.

登 高 双 拱 透 人 情.
Đ' cao song cũng thấu nhân tình.
為 固 滷 滷 性 糊 清.
Vì có lâu lâu tính sáng thanh.
瞶 泣 頭 脈 連 鎍 腊.
Sai khắp đầu giêng liền cuối chạp.
率 徐 汶 刻 忍 南五 更.
Suốt từ một khắc nhẫn năm canh.

傘 鑼 醜? 吏 茉 梅 鉑.
Tán vàng dủ lại chòi mai bạc.
霹 玉 篩 包 櫟 竹 撐.
Bóng ngọc rây vào khóm trúc xanh.
監 嗨 仍 之 衝 檜? 束.
Giám hỏi những gì trong cỏi thúc.
料 歐 群 玉 糊 南 星.
Liệu âu cơn ngọc mặt nam tinh.

其 四.
Kỳ tứ

硬 閉 餓 秋 嫁 每 情.
Trải bấy nhiêu thu giải mọc tình.
沙 彭 燦 屬 假 心 清.
Sá nhiều tơ hết giả lâm thinh.
沼 弓 滝 鉑 欺 霓?.
Rứa cung sông bạc khi sáng.
張 傘 塘 鑼 促? 吏.
Trương tán đường vàng xúc canh.
淋 戰 淵 - 明 衝 內 綠.
Lâm chén Uyên_Minh trong nội lục.

撦 船 范 - 蠡 准 溫 撑.
Neo thuyền Phạm - Lãi chới danh xanh.
听 願 閧 劫 高 弓 仄.
Thuở nguyền muốn kiếp cao cung ấy.
澥 边 尘 黙 客 星 小.
Nhạt bến giới mặc khách tình.

其 五.
Kỳ ngũ.

吊 准 吊 畏 極 固 情.
Nào chới nào lại chẳng có tình.
沒 暈 抛 爓 罩 勝 清.
Một vầng gió sáng bời mưa thanh.
江 山 城 市 燸 閧 黕.
Giang sơn thành thị soi muôn dặm.
草 木 昆 蟲 烘 余 更.
Thảo một côn trung rỗ mấy canh.
傤 膛 孤 臣 頭 扽 鈾.
Tôi bụng cô thần đầu đốn bạc.
燥 愴 棄 婦 嶷 戈 撑.
Eo niềm khí phụ tuổi qua xanh.

油 和 朗 蕩 心 高 女.
Dù hoà lãng đãng lâm cao nuã.

拯 兌 儼 穷 汶 醒 星 y.
Chẳng đoái nhau cùng một tỉnh tỉnh.

其 六.
Kỳ lục.

5B.

燶 澠 陀 曾 硬 每 情.
Nồng nhạt đà tưng thái mọi tình.

迸 分 諸 忍 汶 分 清.
Mười phần chúa nhẫn một phần thanh.

乾 坤 腦 泣 机 運 轉.
Can khôn rõn khấp cơ vãn chuyển.

桅 波 瞳 彭 事 変 更.
Giàu bể soi nhiều sự biến canh.

暎 灉 誠 匡 秋 色 鉑.
Ánh tóc thành thân thu sắc bạc

燥 悉 淑 女 韈 胖 撑.
Eo lòng thục nữ tuổi còn xanh.

室 高 油 憫 朱 高 女.
Rất cao dù muốn cho cao nuã.

朗 蕩 牢 諸 兒 老 星.
Lãng đãng sao chửa đoái lão tinh.

其 七.
Kỳ thất.

邊 邊 遙 遙 忍 菹 情.
Gió gió mây mây nỡ bạc tình.
愜 胺 煉 沒 節 胺 清.
Vui giãng luyện một tiết giãng thanh.
瞳 連 鄱 閂 閂 准.
Soi trên dưới muôn muôn chốn.
率 磐 矜 余 余 更.
Suốt xưa nay mấy mấy canh.
得 忸 耋 瞷 沙 粧 玉.
Người nhớ vua nhìn sa đuã ngọc.
仉 瞳 鼓 嚼 綴 遙 撐.
Kẻ trông chồng ngẩm rối mây xanh.
閂 秋 斨 刻 篦 壞 仄.
Muôn thu nghìn kiếp lòng đeñ ấy.
左 右 朱 豹 輔 弼 星.
Ta hữu cho nhiều phụ bật tinh.

6a

其 八.
Kỳ bát.

噸 扔 弦 數 弦 有 情.
Ngẫm nghĩ càng lâu càng hữu tình.
弦 高 弦 糊 揾 弦 清.
Càng cao càng sáng vẫn càng thanh.
瞨 世 界 閂 坡 墳.
Soi thế giới muôn bờ cõi.
煬 楼 臺 余 刻 更.
Giải lâu đài mấy khắc canh.
鑕 點 詩 埃 句 帳 紲.
Vàng điểm thơ ai câu trướng vóc.
玉 坡 酳 客 嘴 洞 撐.
Ngọc pha rượu khách chén dòng xanh.
余 得 淡 特 形 容 仪.
Mấy người mạc dược hình dung ấy.
執 煳 庄 時 汉 景 星.
Chộp sáng chẳng thì một cảnh tinh.

其 九
Kỳ cửu.

遽 遽 霖 霖 忍 無 情.
Mây mây móc móc nỡ vô tình.
爛 域 腔 強 節 瀝 沖.
Vằng vặc giăng căng tiết sạch trong.
露 睍 水 潮 登上 矢 矢.
Lồ thuở thuỷ chiều giăng thề thề.
嶄 欺 习 斗 拈 更 更.
Eo hèo deo dầu gỡ canh canh.
鉑 印 猥 畨田 萌 腮 蠶.
Bạc in con ruộng manh tai cũ.
鐄 論 翁 鈎 葉 簌 撐.
Vằng lộn ông cầu lá nón xanh.
殘 慳 從 之 醉 扒 霹.
Rại rột việc chi say bắt bóng.
呵 嗔 呵 惜 奇生 庚 星.
Khá cười khá tiếc gã Canh tinh.

其 十.
Kỳ thập.

6B. 技 技 娘 弟 窖 有 情.
Kẻ kẻ nàng nào khéo hiểu tình.

糌	溜	溜	朴	兒	清	清
Mặt	lau	lau	phác	thỏ	thanh	thanh
圓	圓	喵	喵	印	喙	暎
Tron	tron	méo	méo	in	tai	buổi
界下	界下	連	連	率	余	更
Dưới	dưới	trên	trên	suất	mấy	canh
腦	腦	瞟	戈	樓	灨	灨
Thang	thang	lưu	qua	lau	tỏ	tỏ
脮	脮	連	細	帳	撐	撐
Đêm	đêm	liên	tối	trường	xanh	xanh
慼	慼	嗨	嗨	彈	埃	抜
Yêu	yêu	dấu	dấu	đạn	ai	gấy
性	性	情	情	性	性	星
Tính	tính	tình	tình	tính	tính	tinh

嘲月.

Chao nguyệt.

世	界	冬	戚	玉	沃	囲
Thế	giới	đông	nên	ngọc	một	vây
悉	貧	清	選	屬	和	楼
Lưng	tham	thanh	lạ	hết	hoa	cây

滝 銀 漢 滂 彡 蹴 杳.
Sông - ngân - hán phảng di vê lãn.
宮 廣 寒 高 唵 餧 迟.
Cung - quảng - hãn cao ẩn ơ' chậy.
禁 拱 匣 楼 收 斟 遷.
Cấm cũng hạp lâu thu bầu giá.
拫 時 悲 戮 扯 ? 遷.
Ngăn thì bậy trước trải ? mây.
畢 勝 拱 糊 秋 添 嗯.
Bốn mùa cũng sáng thu thêm hứt.
兼 次 歐 哭 固 意 咍 ※
Dường ấy ấu là có ý hay.

秋 天 月 朗
Thu thiên nguyệt lãng.

7a

畢 勝 做 畢 少 勝 芾.
Bốn mùa no bốn thiếu mùa nào.
膠 沒 秋 迟 炾 炾 高.
Giảng một thu chậy vặc vặc cao.
唏 嗨 邊 鐲 通 隘 鳳
Hậy hậy' gió vàng thông ải nhạn.

瀏 瀏 霽 玉 律 如 蛟.
Lâu lâu bóng ngọc lọt nhà giao.
嫋 淋 戰 客 掑 軒 菊.
Giải lâm chén khách kề hiên cúc.
弭 渚 船 埃 滬 洞 桃.
Nhẹ chờ thuyền ai ngược dòng đào.
囿 仉 憃 胖 憂 愛 貓.
Có kẻ long còn ưu ái cũ.
越 對 瞳 忍 熾 樓 墾.
Dậy ngồi trông nhịn xé lâu sao.

姮 娥 月.
Hằng nga nguyệt.

徐 暊 逻 特 藥 丹 砂.
Êu ngày gặp được thuốc đan sa.
占 廣 寒 宮 巾 剿 如.
Chiếm quảng hàn cung lâm của nhà.
樓 玉 高 和 世 界.
Lâu ngọc cao hoà thế giới.
娥 眉 糊 泣 山 河.
Nga mi sáng khắp sơn hà.

南五 湖 仍 祕以 心 双： 曰：
Năm hồ nhưng lấy lam song viết.
罘 波 調 辰 体 惶 那.
Bưu ba điều thời thể nề na.
上 帝 雖 嚴 哈 禁 斷.
Thượng đế tuy nghiêm hay cấm đoán.
固 脽 覺 探 到 房 些 ½.
Cố đêm lỡm thám đến phòng ta.

詠 五 更 詩.
Vịnh ngũ canh thi.

其 一 更.
Nhất canh.

7B. 塾 鳥 乖 波 木 斗 星.
Xảy xảnh giời nửa mọc đầu tinh.
班 欺 鼓 汶 買 收 更.
Ban khi trống một mới thu canh.
頭 茹 爐 鎖 籠 霜 鉑.
Đầu nhà khói toả lồng sương bạc.
膝 岗 鴟 嚇 隱 葉 撑.
Suối núi chim gù ẩn lá xanh.

巡	店	箕	埃	摳	棋	魡.
Tuần	điếm	kia	ai	khua	mõ	cá.
豇	香	怒	饥	揉	榯	鯨.
Giăng	hương	nọ	kẻ	nẹn	chầy	kình.
茹	南	茹	北	調	飯奴	麵.
Nhà	nam	nhà	bắc	điều	no	mặt.
唆	吶	穷	歌	曲	太	平.
Lường	lấy	cung	ca	khúc	thái	bình.

二 更.

Nhị canh.

噪	哇	則	賒	客	往	来.
Vắng	vắng	gần	xa	khách	vãng	lai.
曲	蝀	更	缶	轉	邈	台二.
Khúc	rồng	canh	tà	chuyển	sang	hai.
楼	撩	弓	月	得	悤	眡.
Lâu	treo	cung	nguyệt	người	êm	giấc.
塘	邊	茹	村	剌	秩	棋.
Đường	quạnh	nhà	thôn	cúả	chật	cài.
景	物	坫	坫	鼷	炤	蜡.
Cảnh	vật	chơn	chơn	hay	lúả	đơm.

鞚 花 榕 榕 淡 香 庄、
Cỏ hoa gốc gốc đượm hương trang.
固 得 得 趣 翀 欺 仄、
Có người đắc thú trong khi ấy.
短 笛 群 空 嘵 願 逝、
Đoản địch còn vang thoảt mái ngoài.

三 更
Tam canh.

脂 放 敉 窖 台二 罘、
Đêm chia nửa khéo hai lần.
翀 爽 更 班 藏 巳、
Giữa giáp canh ban trống ba
塘 覓 拂 披 楼 岂 遙、
Đường quạnh phất phơ cây ngất gió
8a
連 空 落 度 雪 糂 花、
Trên không lác đác tuyết bay hoa.
氷 傾 仉 癈 魂 神 女、
Băng khuâng kẻ mệt hồn thần nữ
彷 彿 歪 高 霽 素 娥、
Phảng phất giữa cao bóng Cô-nga.

妒 主 箕 埃 南風 拯 耳.
Nhớ chuá bìa ai nằm chẳng nhậy.
輸 脤 陳 濁 特 更 鵯.
Đêm thâu giấn giục tội canh gà.

四 更
Tứ canh.

喈 漏 更 尒 刻 餘.
Kẻ lậu canh mấy khắc dư.
脤 戝 藤 蕩 買 迎 罰.
Đêm dài đằng đẵng mới sang tư.
灢 抹 茉 蒙 摳 鴟 式.
Gió lay choi ấy khua gà thúc.
淄 洒 腋 斜 喻 淜 逶.
Nước rưới giường tà giục sóng đưa.
髖 矧 踈 尋 崗 覮.
Vạc thần thơ tìm núi quạnh.
歪 落 度 鍬 墅 踈.
Giời lác đác vẻ sao thưa.
沒 點 世 界 熙 熙 邏.
Một bầu thế giới hây hây lạ.

余 仉 鍾 情 𠊚 眡 諸 ㄌ.
Mấy kẻ chung tình đã thức chứa.

五 更.
Ngũ canh.

更 迟 烟 杏 林 湜.
Canh chầy đến hạnh lâm dầm.

嗷 喨 滿 更 鼕 點 南 五.
Xao xác lầu canh trống điểm năm.

月 頭 嫩 撩 隻 隻.
Nguyệt đầu non treo chếch chếch.

霜 粔 坦 過 潭 潭.
Sương mặt đất vượt đầm đầm.

棱 箕 布 穀 群 搥 啄.
Rừng kia bố-cốc còn khua giọng.

廊 怒 農 夫 𠊚 跩 南 卧.
Làng nọ nông phu đã dậy nằm.

8B. 霎 鶵 東 丘 𠊚 糊.
Bóng ác đông giới đã sáng.

啃 鶵 催 名 啃 寒 砧 ㄌ.
Tiếng gà thôi rồi tiếng hàn chầm.

又 體 一 更.
Hựu thể, Nhất canh.

抄 錯 班 被 汶 起 更.
Xao xác ban vừa một khởi canh.

角 埃 咱 說 睏 江 城.
Giốc ai thính thoát thuở giang thanh.

某 梅 點 雪 花 鋪 鉑.
Thời mai điểm tuyết hoa tường bạc.

烟 杏 銀 衝 霉 燦 撐.
Đến hạnh ngân cư bóng choáng xanh.

寒 寺 鐘 箕 催 買 帝.
Hàn tự chuông kia thôi mãi đấy.

樵 樓 得 怒 瞶 包 惇.
Tiều lâu người nọ ngủ bao đành.

巡 翳 心 事 軸 欺 仄.
Tỉ nhiều tâm sự trong khi ấy.

汝 審 哈 強 ? ? ? ✕
Nhớ thẩm hay cang

二 更.
Nhị canh.

淈 泮 銅 壺 更 轉 台二.
Nước cạn đồng hồ canh chuyển hai.
脤 戝 藤 蕩 似 離 戝.
Đêm dài đằng đẵng tựa năm dài.
噤 午 怒 耕 高 湿.
Vang ngọ nọ chày cao thấp.
騾 楼 箕 當 吹 呸.
Ruồi lâu kia dịch bẻ bai.
朡 糊 巴 斬 世 界.
Giăng sáng ba nghìn thế giới.
邋 退 余 踏 楼 臺.
Gió đưa mấy xớn lâu đài.
侈 南卧 欺 仪 群 痳 夢.
Sấy năm khi ấy còn mơ mộng.
噤 咜 韶 鈞 嗜 餐 腮 ㄚ.
Vắng vẳng thiều quân tiếng ở tai.

9a

三 更
Tam canh.

到 巴 更 玾 轂 巴.
Đến ba canh ban trống ba.

連 垄 落 度 雪 襯 花.
Trên giới lác tác tuyết bay hoa.
剪 營 柳 謹 康 康 揀.
Cửa doanh liễu kín khăng khăng dứng.
船 擺 蘭 棋 咿 咿 歌.
Thuyền bãi lan kê giọng giọng ca.
鉄 石 悉 紅 庄 女 煬.
Thiết thạch lòng bền chăng nuã giải.
關 山 塘 遠 碍 之 戈.
Quan san đường viễn ngại chi qua.
珍 重 潮 勉 安 瞰.
Chín trùng nằm miễn an giấc.
渚 奄 安 路 嗨 如 ㇒.
Nước đã yên lọ hỏi nhã.

四 更.
Tứ canh

過 粧 脂 班 藪 罰.
Quá nửa đêm ban trùng tư.
廊 箕 圻 怒 眡 能 諸.
Lang kia ngõ nọ thức hay chưa.

連 空 爣 煂 腇 醜.
Trên không vắng vặc giảng x_o^2.
滖 渃 鬙 鬙 邊 邃.
Dậy nước hửu hửu gió đưa.
寒 寺 鐘 兜 寬 吏 日.
Hàn tự chuông đâu khoan lại nhặt.
樵 楼 角 怒 日 辰 踈.
Tiều lâu giốc nọ nhặt thời thưa.
周 得 恚 渚 愔 斜 主.
Có người lòng chửa niềm thơ chuá.
𠓨 南五 吏 式 鼠 碧 ½
Suốt năm canh thức dảo xưa.

五 更.
Ngũ canh.

9B. 到 南五 更 到王 藪 南五.
Đến năm canh ban thống năm.
房蓬 蘭 烟 杏 𥪡 烨林 烨.
Buồng lan đèn hạnh đã mờ dần.
慲 怯 霎 月 棋 窓 瞰.
Mơ màng bóng nguyệt kẻ song hé.

澄 濺 樹 秋 隔 渚 抛.
Thành thoát chảy thu cách nước tăm.
得 戟 樓 紅 胖 懈 懶.
Người giác lầu hồng còn bến lẽn.
馭 悁 塘 紫 笆 踪 寢.
Ngựa quen đường tía đã lâm xâm.
栲 重 欺 仄 到 朝 笆.
Chín trùng khi ấy ban chiều đã.
無 事 油 些 默 眠 鄰.
Vô sự dù ta mặc giác năm.

月中丹桂.

Nguyệt trung đan quế.

仄 拯 蟾 虫? 丹 桂 為.
Ấy chẳng thiềm Cung đan quế vậy.
世 間 少 仉 悧 味 辣.
Thế gian thiếu kẻ biết mùi cay.
秋 清 霽 燦 迸 分 糊.
Thu thanh bóng tỏ mười phần sáng.
壺 瀝 香 冬 余 斛 浩.
Hồ bạch hương đong mấy hộc đầy.

檜 梅 蜀 勝 吳 唯 鉍.
Cửi hai tư mua Ngô rối buá.
糠 挽 汶 戰 兜 顯 梯.
Thuốc dâm một chén thỏ ngủng chảy.
悇 欺 騙 弭 戚 聽 猴.
Chỡ thi mình nhẹ nên bay liệng.
占 特 蹴 高 罕 波 咍.
Chiếm được ngồi cao bỏn bể hay.

夏 暑.
Hạ thử.

愠 暄 孚 嗚 嗚 琴 螞.
Buồn nghe giọng tiếng tiếng cầm ve.
啄 客 嘲 埃 閉 唉 夥.
Giọng khách chào ai bảy hỏi hè.
唻 咻 頭 峭 猥 布 - 穀.
Véo vỏn dầu ghềnh con bố - cốc.
泠 汀 粗 淈 丐 魚昆 鯨.
Lênh đênh mặt nước cái đé - he.
暊 迟 彷 彿 塊 蝴 蝶
Ngày chảy phảng phất hồn hồ - điệp

10 a

朕店 眈入 慷麻 怪怪 喈啃 子子 規規.
Đêm nhập mơ mãng tiếng tử qui.
燶燶 奶奶 心心 之之 棋棋 教教 局局.
Nóng nậy lắm chi cờ giỏ cuộc.
南南 薰薰 鞘鞘 糙糙 律律 窓窓 緪緪.
Nam huân sao chưa lọt song the.

其 二.
Kỳ nhị.

梅梅 疵疵 柳柳 瘸瘸 草草 離離 卑卑.
Mai gầy liễu gọc cỏ le te.
悧悧 骰骰 心心 鞘鞘 塊塊 曬曬 鼜鼜.
Bủi chậy lắm sao khỏi nắng hè.
豆豆 蔓蔓 痔痔 鑕鑕 狵狵 蚿蚿 蚿蚿.
Đỏ lá vo vắng con buồm buồm.
揩揩 棲棲 疵疵 瘸瘸 巧巧 螞螞 螞螞.
Gỉ cây gầy gọc cái ve ve.
說說 之之 仉仉 迍迍 南南 連連 閣閣.
Thuyết chi kẻ đã nằm trên gác.
傷傷 沒沒 得得 群群 淒淒 罟罟 潑潑.
Thương một người con lọc dưới khe.

弦 點 遷 霜 強 縐 緣.
Cāng diểm mây mưa cāng rói lục.
哈 心 朱 補 客 慢 縰 y.
Hay lam cho bõ khách man the.

其 三.
Kỳ tam.

拱 辰 坦 道 拱 歪 雯.
Cũng thì đất chở cũng giời che.
燶 炧 心 之 余 唉 駭.
Nóng nậy lam chi mấy hỏi hè.
克 快 迍 疠 悬 丐 鯛.
Khắc khoái dã đau lòng cái - cuốc.
哵 嘫 添 息 臆 猥 螞.
Bản khoăn thêm tức ức con - ve.
得 喃 帳 糾 蒲 淚 沫.
Người nằm trường vóc bồ hôi muối
仇 揮 荽 蘋 渚 滂 疾.
Kẻ hái rau tần nước bọt se.
吊 曲 南 薰 鞘 拯 救.
Nào khúc nam huân sao chẳng giậy.

10 B.

極 傷 蒲 柳 分 離 卑 ½.
Chẳng thương bồ liễu phận le te.

其 四
Kỳ tứ.

嗆 嘢 徐 聽 餐 院 秩 口.
Gọi quẹt tứ nghe ơ' ngọn tre.
買 哈 鄧 笔 報 遛 鬱.
Mới hay tiết tã báo sang hè.
諾 燶 直 直 頭 鯛 磊.
Nước nồng bực bực đầu rô nhói.
瞪 曝 眶 眶 裕 狂 喝
Ngáy nắng chang chang lười chó lè.
鵬 國 國 恒 摳 棋 國.
Cuốc cuốc cuốc hằng khua mõ cuốc.
蜗 蜗 蜗 吏 朗 琴 蜗.
Ve ve ve lại lảng cầm ve.
鞦 饉 群 固 秋 冬 女.
May lạnh còn có thu đông nữa.
如 世 辰 埃 韶 特 咳 ½.
Như thế thời ai chịu được ê.

春日.

Xuân nhật

潏	潏	屏	風	鸊	余	吝.
Luật	luật	bình	phong	nỏ	mấy	lần.
泣	和	准	准	汶	尽	春.
Khấp	hoà	chuẩn	chuẩn	một	giời	xuân.
囂	囂	遶	嗯	香	籠	襖.
Hiêu	hiêu	gió	thổi	hương	lồng	áo.
泐	泐	霜	沙	玉	淡	頭.
Phối	phối	mưa	sa	ngọc	tuộm	chân.
柳	鶗	鬚	撑	鶯	熝	熠.
Liễu	vẽ	mấy	xanh	oanh	nhấp	nhấy.
梅	蘇	膲	粉	蛵	村	頭.
Mai	tỏ	má	phấn	buồm	chon	chân.
塘	蹟	車	馭	腮	嗦	樂.
Đường	chen	xe	ngựa	tai	vang	nhạc.
芾	准	芾	哭	極	堎	仁
Não	chuẩn	não	lã	chứng	cõi	nhân.

夏日

Hạ nhật.

11 a

煊 炕 岸 遙 傘 炤 雯.
Nghi ngủl ngaṅ mây tán liả che.
恫 得 台 貝 噲 畀 勢.
Giũng ngưởi thay mới gọi hā hē.
紅 鼳 榴 慢 囲 柳.
Hhồng bay lựu mān vây liễu.
香 嚗 蓮 霉 靄 槐.
Hhương núc sen bóng nợp hoè.
墻 怒 日 寬 嗦 啃 鵬鳥.
Tường nọ nhật khoan vang tiếng cuốc.
梗 箕 哮 唯 掇 琴 蜴.
Cảnh hia giọng nỏi gảy cầm ve.
樓 高 邊 沫 得 無 事.
Lâu cao gió mát người vô sự.
曲 南 薰 唯 唯 暄.
Khúc nam huân vẳng vẳng nghe.

秋 日.
Thu nhật.

唏 霞 唏 嗨 律 茉 梧.
Hhởi may hây hảy luật chởi ngô.

隊 陣 擄 離 鴈 怯 秋.
Đội trận so le nhạn khiếp thu.

殘 寨 鐄 花 蕅 菊.
Xan xái vàng bông nụ cúc.

披 披 鉑 拂 猜 廬.
Phô phô bạc phất cỏ lư.

槐 披 襟 玉 鴟 鵻 玉.
Hoè pha khóm ngọc chim bay ngọc.

月 燧 洞 沖珠 魡 吸 珠.
Nguyệt giải dòng châu cá ngáp châu.

喟 嗨 箕 埃 衆 雪 滋.
Vội hỏi kia ai trong tuyết tạnh.

听 蹡 念 念 余 滝 吳.
Thuả vè niệm niệm mấy sông Ngô.

冬 日.
Đông nhật.

11B.

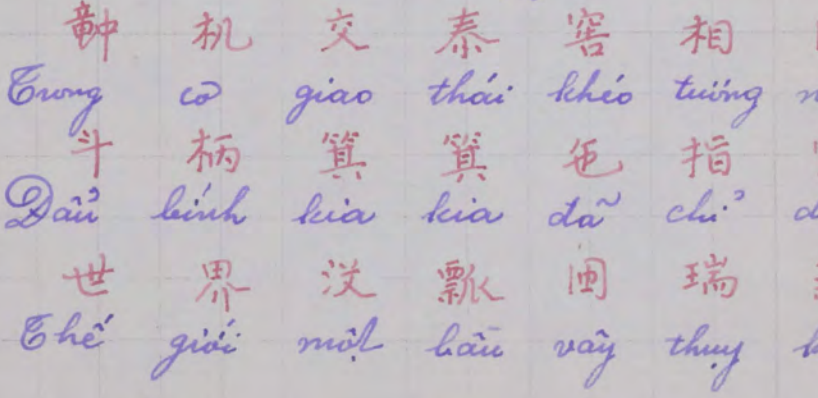
隊 方 辣 辣 陣 寒 風.
Đội phương luật luật trận hàn phong.

他 切 得 台 余 唉 冬.
Tha thiết người thay mấy hỡi đông.



正月.

Chính nguyệt.



江 山 參 幅 淡 陽 春
Giang Sơn tam bức đượm dương xuân.
登 嘈 嘯 樂 遄 隊 蟄.
Giăng tâu tiếng nhạc duyên đoi chợp.
洒 泣 味 蕡 悧 余 綌.
Dưới khắp mùi thơm biết mấy lần.
埃 壽 青 青 強 跬 跐.
Coi thọ thênh thênh càng khoẻ bước.
閧 斾 全 隊 德 洪 鈞 ⅄
Muôn ngàn toàn đội đức hồng - quân.

12a.

二 月.
Nhị nguyệt.

淑 氣 熙 熙 今 遥 兼.
Thục khí hây hây chiu lạ dường.
中 和 潭 陰 嘔 天 香.
Trung hoà đầm ấm nức thiên hương.
市 城 恫 覭 時 貞 正.
Thị thanh mừng thấy thời trinh chính.
海 宇 擯 遰 盍 麗 光.
Hải vũ đua chơi áng lệ quang.

巴 禮 至 誠 悉 謹 念.
Ba lễ chí thành lòng cẩn niệm.
森 官 會 賞 席 嗦 唆.
Trâm quan hội thưởng tiệc vang lừng.
嚴 明 德 氏 榮 榮 豐.
Nghiêm minh đức ấy vinh vinh rộng.
潤 澹 凌 凌 泣 果 方 以.
Nhuần gội lăng lăng khắp bốn phương

三 月.
Tam nguyệt.

秩 儉 三 雲 暎 鳳 庭.
Chật thấy tam vân ánh phượng đình.
尼 尼 罕 迍 細 清 明.
Nơi nơi hẳn đã tới thanh minh.
景 星 炆 燦 怙 隆 盛.
Cảnh tinh giải tỏ đêm long thịnh.
嘉 慶 恤 囤 暝 太 平.
Gia khánh vui vầy thuở thái bình
奇 烘 場 文 醝 聖 道.
Giã rỡ trường văn say thánh đạo.

客 洞 波 月 縐 歌 声.
Khách dong bến nguyệt nơi ca thanh.
斬 鑼 倣 度 坤 番 称.
Nghìn vàng phỏng đọ khôn phẹn xứng
物 卒 調 和 揾 有 情 ½.
Vật tốt điều hoà vốn hữu tình.

四 月.
Tứ nguyệt.

憐 恤 盤 泊 眷 春 風.
Mảng mùi bàn bạc quyến xuân phong.
呂 呂 絡 迎 令 祝 融.
Lứa lứa lần sang lệnh chúc dung.
梆 拂 絲 撑 爨 橦 橦.
Liễu phất to xanh mềm thuốt thuốt.
槐 張 傘 綠 揮 重 重.
Hoè trương tán lục sải trùng trùng.
得 棋 意 北 囂 囂 沫.
Người kẻ sang bắc hiu hiu mát.
仉 鴐 意 禪 汀 汀 沖.
Kẻ giốc lòng thuyền leỏ leỏ trong.

12B.

尼 買 正 當 時 些 好.
Nay mới chính đương thời tá hảo.
功 資 育 伎 咍 無 穷 y.
Công tư dục ấy kể vô cùng.

五 月.
Ngũ nguyệt.

三 光 烓 烓 色 昭 明.
Tam quang chơi chói sắc chiêu minh.
乃 乃 端 陽 钟 節 節.
Nay nay đoan dương giữa tiết lành.
停 冷 錢 蓮 澑 碧 水.
Đình lạnh tiền liên dành bích thuỷ.
烘 烁 錦 榴 准 金 城.
Rỡ đang gấm lựu chốn kim thành.
邋 仁 撫 泣 潤 閇 户.
Gió nhân phủ khắp nhuần muôn hộ.
琴 嚣 嗦 移 斐 每 情.
Cầm thuần vang rời phỉ mọi tình.
沃 沃 界 下 蓮 慲 閘 嘔.
Thay thấy dưới trên mừng náo nức.

詩 登上 歌 頌 董 丹 庭 ½
Thơ giảng ca tụng giống đan đình.

六 月.
Lục nguyệt.

百 鐘 探 覽 路 尋 深.
Bách chung thám lãm lọ tìm thăm.

屈 計 焰 焰 屯 女 南 年.
Khuất kể' danh danh đã nuả năm.

法 拙 衣 冠 恒 恳 恳.
Phép suả y quan hằng khẩn khẩn.

禮 拥 郊 廟 本 針 針.
Lể' dựng giao miếu vốn chăm chăm.

氷 盤 眞 嘔 味 清 邏.
Bựng bàn sực nức mùi hương lạ.

蓮 酒 嚐 吁 嘆 祝 斟.
Sen tửu tưởng bựng chén chước chăm.

嚐 听 素 青 鞘 駕 閉.
Khen thuả tố' thanh sao nghiệm bấy.

功 戚 斐 在 志 碧 啉 ½
Công nên phi' tại chí' xuả lâm.

13 a

七　月.
Thất nguyệt.

吳　江　修　覽　蕖　梧　鞦.
Ngô giang sầy thấy lá ngô bay.
蠭　覽　唁　秋　的　冉　台.
Ngầm thấy tiến thu dịch nhiệm thay.
倢　倢　和　團　烇　鸞　鳳.
Tiệp tiệp hoà đoàn giong đưới phượng.
囂　囂　買　發　嗨　唏　霖.
Hiêu hiêu mới phát hầy hỏi may.
哓　嗷　怒　僄　揲　擲　桂.
Nghêu ngao nọ lữ bởi chèo quế.
董　鼎　箕　埃　騾　嗚　特.
Đổng đỉnh kìa ai nuôi tiếng chầy.
約　迋　女，牛　麝　此　嗨.
Ước gặp Nữ, Ngưu mà thủ hỏi.
梂　爲　事　仄　圄　庄　為 //.
Cầu ô sự ấy có chăng vậy.

八　月.
Bát nguyệt.

鼈 壽 星 貼 映 式 籠.
Vé thọ tinh xem ánh thức lồng.
停 台 南 呂 正 秋 中,
Dành thay nam lã chính thu trung.
盡 閒 丈 瀋 瀟 瀟 灑.
Giới muôn trượng thẩm lâu lâu sạch.
月 汶 暈 印 烕 烕 沖.
Nguyệt một vầng in vặc vặc trong.
眷 客 詩 吟 憑 派 派.
Quyến khách thơ ngâm lồng phới phới.
嬌 得 鐘 揱 喘 芃 芃.
Gheo người chuông nện tiếng bồng bồng.
楼 臺 帓 慌 彡 層 錦.
Lâu đai bỗ ngờ nghìn tầng gấm.
坤 扔 滿 扒 及 余 重 又
Khôn nghĩ vơi lúa kịp mấy trùng.

13 B.

九 月
Cửu nguyệt.

驗 蒸 性 物 悯 暩 尽.
Nghiệm chưng tính vật biết ngày giới.

三 令 尼 期 智 應 来.
Tam lệnh nay kỳ trí nhạn lai.
霖 洒 金 英 羊 慕 卒.
Mộc rưới kim anh mầu sói tốt.
霜 涞 翠 竹 色 嗜 鮮.
Mùa dây thuý trúc lá khoe tươi.
拋 帆 拫 邊 塵 吊 擂.
Phao buồn ngăn gió trần não vơi.
燥 嘶 攔 秭 伴 合 謝.
Ráo chén lan tay bạn họp chơi.
噬錦 抔 每 朝 異 每 院.
Ngẫm nghĩ mọi chiều lạ mọi vẹn.
閱 之 題 品 捽 賒 滿.
Nhẫn chi đề phẩm chuốt xa vời.

十 月.

Thập nguyệt.

選 台 乾 造 窖 素 運.
Lạ thay cân tạo khéo oanh vần.
色 狸 玄 英 節 小 春.
Đã đến huyền anh tiết tiểu xuân.

琼 榴 斟 行 花 雪 淡.
Quỳnh lưu ngẫu hàng hoa tuyết đượm.

瑶 池 余 准 瑞 浆 潤.
Dao trì mấy chốn thụy tương nhuận.

祇 蘇 穌 燻 悬 忠 疑.
Hộ Tô nên tỏ lòng trung khoản.

鹙 李 添 凌 啸 義 仁.
Gã Lý thêm lăng tiếng nghĩa nhân.

恠 妆 宋 皇 欺 决 策.
Lỗi nhỏ Tống hoàng khi quyết sách.

脂 粤 唳 哈 貝 良 臣.
Đêm khuya hỏi hợp mới lương thần.

十 一 月.
Thập nhất nguyệt.

14a. 黃 律 自 然 率 運 行.
Hoàng luật tự nhiên suốt vận hành.

盃 被 退 撑 一 陽 生.
Giới vừa gặp gỡ nhất dương sinh.

絲 添 度 刻 誇 才 遲.
Tơ thêm đỏ khắc khoe tài lạ.

遽	援	呈	怙	應	治	膳.
Mây	vén	trình	đêm	ứng	trị	lành.
去	揲	胖	陰	光	汰	汰.
Khứ	giệp	quần	âm	quang	thấy	thấy.
糊	抛	七	曜	燻	焰	焰.
Sáng	phau	thất	riệu	tổ	danh	danh.
唉	須	玩	味	韌	耜	序.
Hỡi	tu	ngoạn	vị	trong	thời	tự.
郢	悧	天	机	工	屯	惇.
Nghiệm	biết	thiên	cơ	công	đã	đành.

十 二 月.
Thập nhị nguyệt.

踈	貼	曆	紀	本	精	詳.
Trải	xem	lịch	ký	vốn	tinh	tường.
忍	忍	磋	戩	睞	二	陽.
Nhẫn	nhẫn	xây	nên	thuở	nhị	dương.
梅	孀	抛	抛	年	點	玉.
Mai	trắng	phau	phau	mấn	điểm	ngọc.
橋	誇	突	突	志	凌	霜.
Thông	khoe	tột	tột	chí	lăng	sương.

閧 方 貢 款 塱 奇 物.
Muôn phương công khoản giãng kỳ vật.
汶 盞 清 怙 淡 異 香.
Một tám thanh điềm đượm dị hương.
推 悯 畧 勝 唁 法 令.
Suy biết bốn mùa tin pháp lệnh.
權 綱 儻 𠓨 合 天 綱.
Quyền cương thảy đã hợp thiên cương.

14 B.

自述
Tự thuật.

憑 為 天 下 仍 碁 歐.
Lòng vì thiên hạ nhưng xưa âu.
誠 役 尽 監 摧 兜.
Thay việc giới giám trẻ dâu.
轍 移 更 群 讀 册.
Trông rời canh còn đọc sách.
鉦 熾 霽 渚 催 朝.
Chiêng xé bóng chưa thôi chầu.
因 欺 机 変 貼 得 悯.
Có khi cơ biến xem người biết.

渚 睟 經 權 燦 鑒 年.
Chú thuở kinh quyền xét nhẽ mãu.
嗎? 吠? 襖 鑌 庄 固 役.
áo vàng chăng có việc.
缶 閂 事 冉 戮 包 嘆 ɣ.
Dã muốn sự nhiệm trước vào tâu

漢 高 祖.
Hán Cao-tổ.

膾 膕 點 迸 台二 癖 蛛.
Giải vẻ bảy mười hai nỗi nuôi.
鐮 聲 巴 焚 捽 扲 杻.
Giám thiêng ba thước tuốt cầm chuôi.
逐 包 崗 雉 狌 掫 古.
Trục vào núi Trĩ hiêu co cổ.
對 鉭 滝 鳥 獊 及 雔.
Đuổi đến sông ô chi cụp đuôi.
朱 鬻 極 慲 得 揬 箱.
Cho tuốc chẳng quên người xách giỏ.
封 侯 胖 忸 仉 扲 媒.
Phong hầu còn nhỏ kẻ cầm mối.

罘 罳 漢 業 既 數 尒.
Bốn trăm Hán nghiệp đãi lâu mấy.
過 魯 為 蒸 怵 待 盃 ½
Quá lỗ vi chưng chuốt đãi bôi.

15a.

又 漢 高 祖.
Hựu. Hán Cao-tổ.

汶 艄 欺 隱 尚 芒-陽.
Một mình khi ẩn núi Mang-dương.
南 式 遷 雯 怙 帝 王.
Nam thức mây che đềm đế vương.
滾 滾 蟲 鼆 岸 浦 邑.
Ngồn ngồn rồng bay ngàn Bái-ấp.
同 同 狨 貔 壠 咸-陽,
Đùng đùng hiếu chầy bãi Hàm-dương.
拮 軍 仁 義 安 隊 准.
Cất quân nhân nghĩa yên đòi chốn.
秋 德 寬 和 治 罘 方.
Lấy đức khoan hoà trị bốn phương.
烃 烃 醭 鼡 功 業 漢.
Chói chói gầy nền công nghiệp Hán.

為 能 收 特 仇 賢 良.
Vi hay thu duộc kẻ hiền lương.

項 羽.

Hạng - Vũ.

學 通 閂 敵 監 埃 題.
Học thông muôn địch giám ai đề.
埤 伯 王 箕 毛 標 幕.
Nên bá, vương kia dã khám vi.
迸 沒 番 摳 秦 飲 與.
Mười một phen khua Tần ẩm cạy.
七 迸 二 陣 漢 腥 鮸.
Bảy mười hai trận Hán tanh mè.
拯 拥 亞 - 父 倅 昌 恬.
Chẳng dụng Á - phủ tôi xướng rằn.
戚 沛 陳 - 平 砑 嘍 嗎.
Nên phải Trần - Bình chước éo le.
志 士 矜 油 盤 泊 帝.
Chí sĩ nay dầu bàn bạc đấy.
可 恨 可 惜 可 鮸 泥.
Khá giận khá tiếc khá mè nè.

15B.

張 良.

Trương Lương

扶 漢 功 戚 躓 躓 踧.
Phù Hán công nên rén rén ngay.
赤 - 松 仙 子 尋 尋 邂.
Xích - tùng - tiên - tử nàu tìm chơi.
墩 楓 做 傚 群 辞 陛.
Đến phong chóm nóm còn từ bệ.
城 穀 慘 懞 魚 細 圮.
Thành cốc mờ mông đã tỏi nỏi.
船 蹟 五 湖 汀 沒 蓼.
Thuyền tích ngũ hồ đình một lá.
功 欣 三 傑 忍 堆 得.
Công hớn tam kiệt nhẫn đôi người.
世 間 兜 固 神 仙 唉.
Thế gian đâu có thần tiên hỡi
吟 許 翁 尼 沙 砾 眴.
Ô hô ông nay sa chước người.

蕭 何.

Tiêu - Hà.

俎 刀 筆 吏 閑 餘 數.
Vả dao bút lại bấy nhiêu lâu.

倏 及 高 皇 福 開 餘.
Sấy gặp Cao hoàng phúc bấy nhiêu.

躬 卷 圖 書 形 勞 惻.
Mình quản đồ thư hình thế biết.

秉 拎 墨 笔 智 謀 深.
Cầy cầm mực thước trí mưu sâu.

運 粮 鎮 隘 餒 奴 軍 漢.
Vận lương trấn ải no quân Hán.

分 垣 封 侯 隊 爵 周.
Phân đất phong hầu đội tước Chu.

諸 將 讓 朱 功 第 一.
Chư tướng nhường cho công đệ nhất.

卒 名 三 傑 登 連 頭.
Cốt danh tam kiệt ở trên đầu.

韓 信.
Hàn - Tín.

東 征 元 帥 扔 權 鄂.
Đông chinh nguyên soái nay quyền sang.

盟 府 敦 功 埃 竪 當.
Minh phủ nhiều công ai giám đang.

襖 漢 王 平 赦 諾.
Đó Hán-vương bình sấu nước.

16a

粗 漂 母 者 斯 鐄.
Cơm Phiếu-mẫu giả nghìn vàng.

鼓 旗 威 仪 群 停 冷.
Cổ kỳ uy ấy còn đình lạnh.

弓 鳥 歌 兜 窖 燻 詳.
Cung điểu ca đâu khéo tỏ tường.

烝 暴 功 名 咍 處 特.
Chửng thuở công danh hay xử được.

傑 喈 三 傑 聘 簫, 張.
Kiệt khen tam kiệt sánh Tiêu, Trương.

其 二.
Kỳ nhị

燒 蟌 暴 式 磌 躺 扶.
Cháy rừng trám thuở nặng mình phù.

寧 執 罕 才 余 丈 夫.
Nanh, vuốt vốn tài mấy trượng phu.

鼠 搏 觸 東 齊 冷 煨.
Mũi vác xúc đông Tề lạnh khói.
莞 旗 糟 北 趙 飄 灰.
Ngọn cờ trở bắc Triệu bay gió,
斬 鎲 寸 寸 田 恩 姥.
Nghìn vàng thon thỏn đền ơn mụ.
沒 梗 群 群 把 嫺 靠.
Một gánh còn còn già nợ vua.
欣 女 南五 湖 埃 奄 禁.
Hớn nữa nam hồ ai đã cấm.
弓 藏 扔 客 惜 台 朱.
Cung tàng nghĩ khách tiếc thay cho.

蘇 武.
Tô - Vũ.

粗 氈 極 管 餧 穷 餓奴.
Cỏm chiên chăng quản đói cùng nô.
迸 念 秋 餘 蓋 坦 胡.
Mười tám thu dư ở đất Hồ.
腮 搭 極 瞳 的 衛 - 律.
Cai lại chăng nghe người Vệ - Luật.

悉 紩 帛 屈 琅 單 - 于.
Lòng bên nào khuất tuá Thuyên - vu.
霜 嚴 包 揣 樅 南 悶.
Sương nghiêm bao chủy thông năm muộn.
雪 燥 弦 高 月 腦 秋.
Tuyết ráo cung cao nguyệt tháng thu.
旗 使 沒 最 鄰 坦 漢.
Cờ sứ một mai về đất Hán.
功 高 位 位 屈 戟 圖 /.
Công cao vời vợi hoạ nên đó.

16B.

其 二.
Kỳ nhị.

旗 使 紩 拎 沒 幹 空.
Cờ sứ bên cầm một cán không.
迸 南 極 燄 鄧 孤 忠.
Mười năm chẳng giải tiết cô trung.
坦 胡 霜 雪 瘨 騎 鶴.
Đất Hồ sương tuyết gãy mình hạc.
墢 漢 脽 暱 忸 栺 蜧.
Đến Hán lệm ngày nhớ mặt rồng.

波 北 春 遲 羙 極 勝.
Bê bắc xuân trì giê chẳng nghén.
盡 南 秋 瀋 鴈 坤 通.
Giời nam thu thẳm nhạn khôn thông.
應 麒 麟 像 龜 群 亭 冷.
Ứng lân tượng vẽ cơn đình lạnh.
伯 卒 漢 吊 埃 監 嗤 穷.
Bởi Hán nào ai giám ví cùng.

王 - 陵 母 送 使 者.

Vương - Lăng mẫu tống sứ giả.

亭 舖 藤 藩 馭 停 頭.
Đình phô đằng đằng ngựa giừng chân.
儜 媄 猥 劓 救 使 君.
Nỡ mẹ con dây gửi sứ quân.
恠 漢 悉 群 毋 沒 忄心.
Nhớ Hán lòng còn dạn một tấm.
傷 陵 頭 毛 泊 迸 分.
Thương Lăng đầu đã bạc mười phần.
憮 忠 孝 坤 台二 院.
Niềm trung hiếu khôn hai vẹn.

會 功 名 恥 余 綰.
Hội công danh rẻ mấy lần.
鳴 妾 鞋 尼 包 女 惜.
Mình thiếp giầy nay bao nứa tiếc.
嘶 辰 勸 做 義 君 臣 ɣ.
Về thì khuyên nó nghĩa quân thần.

17a

吊 黎 - 料
Điếu Lê - Khôi.

揲 安 斬 塊 買 攏 揲.
Giệp yên tám cõi mới buông tay.
路 路 台 星 洙 朵 遠.
Lộ lộ thai tinh một đoá mây.
宰 相 炉 残 梅 冷 鐲.
Tể tướng bếp tan mai lạnh vạc.
將 軍 營 永 柳 珠 髻.
Tướng quân dinh vàng liễu châu mấy.
風 流 富 貴 已 哉 覽.
Phong lưu phú quý bỏ đời thấy.
事 業 功 名 單 波 能.
Sự nghiệp công danh bỏn bể hay.

傷 亾 惜 夛 坤 擊 嗟計.
Thương ít tiếc nhiều khôn xiết kể.
廟 堂 侯 駕 楣 吊 誄 文.
Miếu đường hầu rể cột nào thay.

吊 梁 狀 元.
Điếu Lương trạng nguyên.

詔 書 上 帝 歡 脽 戈.
Chiếu thư thượng đế xuống đem qua.
喙 客 仙 臺 急 細 茹.
Giống khách tiên đài kíp tới nhà.
錦 綉 尒 行 蹴 洞 玉.
Cẩm, tú mấy hàng rể động ngọc.
聖 賢 已 戰 濕 魂 花.
Thánh, hiền bỏ chén thấp hồn hoa.
氣 靈 垂 陡 收 山 岳.
Khí thiêng đã thải thu sơn nhạc.
名 遝 胖 傳 底 國 家.
Danh lạ còn truyền để quốc gia.
屈 稅 釆 嘆 才 葢 世.
Đốt ngón tay than tài cái thế.

祕 埃 心 狀 渚 南 些 ½
Lấy ai lãm trạng nước Nam ta.

17B. 咏 義 邦 狀 元.
Vịnh Nghĩa bang trạng nguyên.

𢦚 唯 儒 尊 發 邑 邦.
Đãi vì nho tôn phát ấp bang.

融 道 德 固 詞 章.
Trong đạo đức có từ chương.

緡 洞 詩 禮 如 傳 宝.
Nối dòng thi, lễ nhà truyền báu.

爭 解 魁 元 榜 煜 鑌.
Tranh giải khôi nguyên bảng chói vàng.

南 北 台 二 朝 名 吠.
Nam bắc hai triều danh giậy

風 流 汶 剿 祇 鄙.
Phong lưu một cửa họ sang.

祠 堂 蓋 帝 念 私 冷.
Từ đường ơ' dạy niềm tư lãnh.

頹 貓 弦 添 麝 周 香 ½
Giải cứ càng thêm xạ có hương.

媚醞夫人.

Mị - Ôê phu nhân.

鼾余主鼾獃腭學傷.
Thơ chuá thơ chứng hết tác thương.
汶騁論道伎細常.
Một mình thọn đạo việc cưỡng thường.
嬤彀易已化魄精-術.
Non thiêng rẻ hoá hồn tinh-vệ.
渚碧坤瞻糊楚-王.
Nước biếc khôn nhìn mặt Sở-vương.
洞鉑嚮穷秋固月.
Đồng bạc thề cùng thu cố nguyệt.
史撑劉底筆群香.
Sử xanh chép để bút còn hương.
剔悯覧嗆蝀狟.
Rầy mừng thấy tin vừng đến.
撫雫霊泣罩方.
Phủ cõi đào khắp bốn phương.
黃江吊武氏.
Hoàng giang điếu Vũ thị.

8a

岸	犖	狼	察	鞠	青	青.
Ngàn	lau	xan	xát	cô	thanh	thanh.
忡	忸	暱	碧	仉	節	貞.
Sôi	nhỏ	ngay	xủa	kẻ	tiết	trinh.
隔	阻	閉	数	恒	守	分.
Cách	trở	bấy	lâu	hằng	giữ	phận.
嫌	与	沒	丿	俸	無	情.
Hiềm	nghi	một	phút	bỗng	vô	tình.
台	悬	付	默	暈	高	濬.
Hay	lòng	phó	mặc	vầng	cao	thẳm.
礼	膵	尋	坭	准	永	清.
Lễ	bụng	tìm	nơi	chốn	vắng	thanh.
油	恩	埃	埃	戈	狙	帝.
Dù	nhắn	ai	ai	qua	đến	đây.
傷	娘	和	吏	責	張 -	生 ㄚ.
Thương	nàng	hoà	lại	trách	Trương -	Sinh.

其 二.

Kỳ nhị.

煊	炕	頭	嵾	瑣	媿	香.
Nghi	ngút	đầu	ghềnh	toả	khói	hương.

廟 埃 如 廟 嫱 扎 張.
Miếu ai như miếu vọ chăng Trương.
霽 烟 油 忍 停 暄 祕.
Bóng đèn dù nhẫn dừng nghe trẻ.
宮 諾 之 朱 累 狟 娘.
Cung nước chi cho luỵ đến nàng.
証 果 迍 堆 暈 日 月.
Chứng quả đã đòi vầng nhật nguyệt
解 寃 拯 路 余 垓 場.
Giải oan chẳng lọ mấy đân trăng.
戈 低 盤 泊 麾 遰 丕.
Qua đây bàn bạc mà chơi vậy,
呵 責 扎 張 塞 負 愣 ɣ.
Hà trách chăng Trương lhéo phụ phàng.

貂 - 嬋.
Điêu - Thuyền.

府 紫 徐 曰 特 韜 緣.
Phủ tía từ ngày được thấm duyên.
噠 名 貢 嗆 奈 貂 - 嬋.
Đặt tên mới gọi ả Điêu - Thuyền.

18B.

莱 梅 鬢 柳 牟 鸞 暎.
Choi mai ve liễu mau loan ánh.
唱 竹 空 絲 嘴 蝶 連.
Xướng trúc vang to tiếng dịp liền.
鎌 粉 挾 空 傾 董 呂.
Giám phấn quél không loài Đổng, Lã.
刀 鑲 撫 吏 漢 山 川.
Giao vàng đem lại Hán sơn xuyên.
拜 鼈 馬 女 尋 妮 痂.
Bái lòng mã nữ tìm nơi vél.
拱 圄 欺 經 拱 圄 權.
Cũng có khi kinh cũng có quyền.

昭 - 君.
Chiêu - Quân.

洞 洞 粧 玉 淡 包 器.
Đổng đổng đuã ngọc đượm bao lai.
妾 沛 彡 剧 為 渚 如
Thiếp phải đi đây vì nước nhà.
雪 律 尒 層 襖 翠 翡.
Tuyél lạt mấy tầng chăn thúy phi.

愁 縈 隊 斷 曲 琵 琶.
Sầu tuôn đoài đoạn khúc tì bà.

傾 傾 殿 漢 巴 更 月.
Khuâng khuông điện Hán ba canh nguyệt.

忏 悴 城 胡 沒 朵 花.
Vô vo thành Hồ một đoá hoa.

延 - 壽 責 戚 座 倚 渚.
Diên - Thọ trách nên chang ỷ chứa.

沒 身 域 特 漢 山 河 ɣ.
Một thân vực thước Hán sơn hà.

昭 - 君 出 塞.
Chiêu - Quân xuất tái.

粗 玉 徐 離 准 欽 宮.
Mặt ngọc tuôn lìa chốn sáu cung.

花 愁 柳 塢 劍 形 容.
Hoa sầu liễu ủ kém hình dung.

琵 琶 曲 切 秋 斬 黯.
Tì bà khúc thiết thu nghìn dặm.

悴 悴 頭 移 隘 余 重 ɣ.
Vô vo chân đòi ải mấy trùng.

邊 沒 兼 抹 歷 囘
Gió một dường lay lệch dặt.
腔 吊 肯 吶 詎 穷.
Giọng nào chẳng nói hay cùng.
埃 嚇 恩 吶 宮 妃 漢.
Ai về nhắn nhủ cung phi Hán.
潭 廕 辰 傷 仉 冷 涛.
Đầm ấm thì thương kẻ lạnh lùng.

19a.

昭 君 自 敘.
Chiêu-Quân tự tự.

極 責 奎 極 責 身.
Chẳng trách giời chẳng trách thân.
彡 尼 為 黜 道 交 鄰.
Dì nay vì bởi đạo giao lân.
糆 花 貎 遣 緣 無 分.
Một hoa rẽ khiến duyên vô phận.
鼾 筆 坤 奈 儡 不 仁.
Mũ bút khôn nài thợ bất nhân.
沒 妾 冷 涛 迸 劑 隘.
Một thiếp lạnh lùng ngoài của ải.

忺 重 潭 廕 暝 擻 春.
Chín trùng đàm ấm thuở đến xuân.

停 蹎 馭 傳 唁 嗨.
Gừng chân ngựa truyền tin hỏi.

鑲 贖 倅 侯 碾 余 斤.
Vàng chuộc tôi hầu nặng mấy cân.

劉 阮 入 洞.
Lưu, Nguyễn nhập động.

棲 藥 嬃 仙 泛 壞 分.
Cây thuốc non tiên một néo phân.

坦 庄 堷 堷 鞜 悤 蹎.
Dải chàng bụi bụi có êm chân.

熩 撐 霿 渶 眙 當 粨.
Khói xanh bóng tiện xem đường mặt.

渃 碧 緣 忺 馭 圄 身.
Nước biếc duyên ưa ngựa có thân.

帶 嬃 高 庄 塊 月.
Giải non cao chàng khỏi nguyệt.

盪 滝 瀋 泛 羔 春.
Dành sóng thẳm một đường xuân.

極 能 得 伊 蹔行 兜 佐.
Chẳng hay người ấy về đâu tá.
念 到 桃 源 嗨 主 人.
Niệm đến đào nguyên hỏi chủ nhân.

19B.

其 二.
Kỳ nhị.

景 天 台 今 極 賒.
Cảnh thiên thai chín chẳng xa.
埃 槭 劉, 阮 到 低 罗.
Ai đem Lưu, Nguyễn đến đây là.
冬 遼 綴 藥 籠 手 玉.
Đông liêu tuí thuốc lồng tay ngọc.
重 蟄 如 仙 美 麵 花.
Chồng chập như tiên mỡ mặt hoa.
漫 興 侈 吟 勾 碧 洞.
Man hứng sảy ngâm câu bích động.
慏 饒 日 勝 餉 胡 麻.
Mừng nhau nhật thắng bữa hồ ma.
拥 扛 仍 惜 怪 遡 朕.
Giường giăng những tiếc mang chơi nơi.

? ? 天 鷄 促 嘴 鶩 ½.
Rộn dã thiên kê xúc tiếng gà.

劉 阮 洞 中 遇 仙 子.
Lưu, Nguyễn động trung ngộ tiên tử.
樓 熄 撑 撑 式 碧 鋪.
Cây khói xanh xanh thức biếc trường.
歟 春 睍 姯 霽 池 塘.
Cuộc xuân thuở giải bóng trì đường.
遷 雯 剿 鴿 聽 閣.
Mây che cửa chim bay hết.
濕 舐 琴 嘴 日 空.
Suối thay cầm. tiếng nhật vang.
滝 圄 碧 桃 嫩 渚 氾.
Sông có bích đào non nước dậy.
塋 翳 紅 杏 腩 暱 長.
Cõi nhiều hồng hạnh tháng ngày trường.
隔 花 油 極 得 仙 綿?
Cách hoa dù chẳng người tiên xuống.
狂 嚕 歐 罟 罕 意 廊 ½.
Chó xưa âu là hẳn ấy lang.

20 a.

劉 阮 辭 仙 子.
Lưu, Nguyễn từ tiên tử.

沒 憾 忸 主 沒 歐 如.
Một niệm nhớ chủ một âu nhã.

翠門 洞 拥 拭江 碍 趾 罢.
Thuở động giường giăng ngại bước ra.

鄉 思 漂 欺 遬 嗯.
Hương tứ xiêu khi gió thổi.

故 園 落 睞 腹 斜.
Cố viên lạc thuở giường tà.

嶽 高 遷 撫 餘 斬 黔.
Non cao mấy phủ dư ngăn dặm.

滝 瀋 愁 刀 余 丿 花.
Sông thẳm sầu deo mấy phút hoa.

油 忍 北 南 塘 圀 隔.
Dù nỡ bắc, nam tường có cách.

包 饒 景 鬱 罵 涓 腐.
Bao nhiêu cảnh cũ dã quên mà.

仙 子 懷 劉 阮.
Tiên tử hoài Lưu, Nguyễn.

拯 群 忕 到 曲 覓 棠.
Chẳng còn nhớ đến khúc nghê thường.

沒 丿 占 包 沒 丿 傷.
Một phút chiêm bao một phút thương.

睟 崗 暼 迟 霜 永 鎍.
Thuở động ngày chầy sương vắng vẻ.

欺 得 群 隔 月 慲 恍.
Khi người còn cách nguyệt mờ màng.

坦 彭 鞊 玉 戈 於 碧.
Dặt nhiều cỏ ngọc qua ừa biếc.

渚 園 花 桃 陽 卿 香.
Nước có hoa đào hết tác hương.

灂 嗯 烟 殘 淦 冷 冭.
Gió thổi đến tàn thêm lạnh leo.

身 尼 坤 斫 嗨 劉 郎.
Thân này khôn chước hỏi Lưu lang.//

劉 阮 再 到 不 見 仙 子.
Lưu, Nguyễn tái đào bặt kiến tiên tử.

玉 眞 吏 到 嗨 慘 低.
Ngọc chân lại đến hỏi chừng tây.

劇 色 ? 蓼 倍 倍 潛.
Dây da xanh rêu bụi bụi dây.

歌 曲 連 連 ? 尚
Ca khúc liên liên núi.

廟 傴 永 永 睏 遷.
Láng riềng vàng vàng thuở mây.

式 樓 拯 沛 撐 番 怒.
Thức cây chẳng phải xanh phen nọ.

默 塊 吊 胖 碧 令 遞.
Mặc khói nào còn biếc mấy chầy.

20 B. 粗 渚 花 濡 停? 冷? 帝.
Mặt nước hoa trôi dành lạnh dãy.

得 仙 噠 醐 荅 兜 劇 ?.
Người tiên mới rượu ở đâu đây.

仙 子 送 劉 阮.
Tiên tử tống Lưu, Nguyễn.

客 唉 嘲 埃 急 女 辭.
Khách hay chào ai kíp nỡ từ.

吹 得 八 吹 沛 輒 退.
Xui người bát ngát phải nên lui.

拥 捋 尚 玉 被 欺 嚣。
Giũng giăng dọng ngọc vứa khi sáng。

迢 迭 廊 花 忍 刻 猪。
Giu giật lang hoa nhịn khắc trứa。

塘 客 黯 斩 扎 骇 吏。
Đường khách dạm nghìn chang hai lại。

祯 鸾 奴 幅 妾 胖 馀。
Chăn loan nứa búc thiếp còn chờ。

嫩 撑 渚 碧 欺 停？ 冷？
Non xanh nước biếc khi dành lạnh。

拱 渚 朱 能 怵 義 碧。
Cũng chờ cho ai chứt nghĩa xưa。

其 二。
Kỳ nhị。

坤 禁 悉 得？ 審 於。
Khôn cấm lòng người thẩm ưa。

退 憿 買 買 糊？ 穷 退
Đứa nhau mãi mãi mặt cũng đứa。

吸 哴 咽 嗤說 珠 沙 淚。
Ngậm ngùng miệng nói châu sa lệ。

迢	迭	梯	拎	曠	熾	豬.
Giu	giật	tay	cầm	năng	xe'	trúa.
辣	登	餒	悬	低	隆	躭.
Cay	đăng	nói	lòng	đây	lường	chịu.
險	鼈	塘	世	帝	須	馭.
Hiểm	nghèo	đường	thế'	đây	tu	ngựa.
急	遮	吏	覽	穷	儌	合.
Kíp	chay	lại	thấy	cùng	nhau	hợp.
矯	負	緣	豬	磊	哏	豬.
Kheo	phụ	duyên	xưa	lòi	hẹn	xưa.

21a.

其 三.

Kỳ tam.

迢	迭	椿	仙	劙	忍	豬.
Giu	giật	xuân	tiên	sớm	nhẫn	trúa.
穷	儌	吣	哎	每	唑	遨.
Cùng	nhau	cận	kẻ	mọi	nhời	đưa.
事	些	諸	嘺	皮	絲	邐.
Sự	ta	chúa	hở'	bề	to	tơ.
塘	世	須	辰	餒	邋	霤.
Đường	thế'	tu	thời	nói	gió	mưa.

鑌 碌 低 群 紆 義 鬻.
Vàng đá đáy cơn bến nghĩa cũ.
討 瑄 帝 海 院 愴 智.
Cháo ngay đáy hỏi vẹn niềm xưa.
傲 岦 緣 吏 穷 双 鳳.
No nao duyên lại cùng song phượng.
午 矯 禛 鸑 姅 特 憐 ⁄.
Ngọ kẻo chăn loan nửa đợi chờ.

其 四.
Kỳ tứ.

責 台 造 化 負 緣 於.
Trách thay tạo - hoá phụ duyên ưa.
女 遣 扎 蹡 妾 添 退.
Nữ khiến chàng về thiếp phải đưa.
恚 怒 駭 群 愁 駭 促.
Lòng nọ hãi cơn sầu hãi xúc.
頭 箕 弦 弭 跐 弦 踈.
Chân kia cang nhẹ bước cang thưa.
洛 嫩 妾 拯 慲 愴 鬻.
Nước non thiếp chàng quên niềm cũ.

恩 愛 払 須 忸女 義 智。
Ân ái Chang tu nhớ nghĩa xưa.

沒 曲 離 騷 愴 悵 讀。
Một khúc ly tao buồn buồng đọc.

堆 行 淚 玉 淡 平 霜。
Đôi hàng lệ ngọc đượm bằng sương.

劉 阮 恢 仙 子。
Lưu. Nguyễn hoài tiên tử.

21 B.

洞 玉 停 冷 象 蹔 封。
Động ngọc đình lãnh tượng giấu phong

沒 番 忸 忸女 沒 番 瞳。
Một phen sửi nhớ một phen trông.

特 餘 恒 想 得 宮 闈。
Đợi chờ hằng tưởng người cung lãng.

眠 臥 帋 忉 客 崩 蓬。
Giấc nhập nào khuấy khách đình bồng.

嫩 渚 邏 斾 鴈 魦 演。
Non nước lạ nghìn nhạn, cá diễn.

鳳 鸞 兼 沒 袷 禎 終。
Phượng, loan dường một gối, chăn chung.

約 之 蘭 蕙 囿 心 汶.
Ước gì lan, huệ vậy lâm mội.
吏 覽 籠 橋 嶽 曠 橋.
Lại thấy buồng thông to nắng thông.

其 二.
Kỳ nhị.

客 登 天 台 隔 余 重.
Khách ơ thiên-thai cách mấy trùng.
暇 暇 恒 妓 汶 愴 懞.
Ngày ngày hằng nhớ mặt niềm mong.
想 得 玉 女 添 疼 麵.
Tưởng người ngọc nữ thêm ngày mặt.
忸 餒 巫 山 駑 慚 悤.
Nhớ nỗi mưa sơn rẽ trạnh lòng.
啄 容 霜 愁 寬 吏 日.
Giục khách mưa sầu khoan lại nhặt.
朝 埃 遷 慘 濕 時 燶.
Chiều ai mấy thảm nhạt thời nồng.
餓奴 岌 春 吏 平 願 蟨.
No nao xuân lại bằng nguyện cũ.

午 餒 堆 方 明 祝 慘.
Ngọ nãi đoi phương buổi chốc mông.

牛 郎 辭 織 女.
Ngưu - Lang từ Chức - nữ.

吨 得 朱 客 吏 河 西.
Giả người cho khách lại hà - tây.

坤 擘 源 干 餒 帝 低.
Khôn xiết nguồn còn nãi đay đay.

八 吸 糊 冷 滇 滨 玉.
Bát ngát mật ngưng chan giọt ngọc.

拥 挣 頭 碍 跐 墻 遷.
Giũng giăng chân ngại bước dường mây.

氷 瞳 棣 鵲 愁 添 實.
Băng trông cầu thước sầu thêm chất.

兌 憊 溫 銀 慘 鼻 磋.
Đoái thấy danh ngàn thảm rẽ xây.

迟 急 哏 僐 唁 吏 合.
Chậy cập hẹn lãnh tin lại hợp.

秋 黏 弦 籐 女 秋 尼
Thu vẽ cung thắm nữa thu này.

22a

織 女 憶 牛 郎.
Chức - nữ ức Ngưu - lang.

汶 躬 忏 悖 淮 河 東.
Một mình vô vô chồn hà - đông.

怀 客 提 滿 隘 仍 瞳.
Nhớ khách đề vái lưỡng nhưỡng trông.

襘 玉 瞰 恍 悢 俺 鄂 襘.
Gối ngọc giấc mang êm dưới đệm.

梭 鑲 痂 砀 攥 連 空.
Thoi vàng tay ngại mắc trên không.

脂 清 吝 想 台二 方 月.
Đèn thanh lần tưởng hai phương nguyệt.

暇 永 愠 眙 汶 滯 淹.
Ngày vắng buồn xem một giải bồng.

嗹 覽 汶 秋 罢 汶 合.
Ngẫm thấy một thu là một hợp.

群 欣 仉 嗔 廣 寒 宮.
Còn hơn kẻ chực quảng hàn cung.

其 二.
Kỳ nhị.

忙 想 得 錯 洶 曷 珠.
Sợ tưởng người lánh vẫn hạt châu.
極 座 極 悯 唉 扒 牛.
Chẳng chẳng chẳng biết hỏi chăng Ngâu.
詩 排 序 錦 幹 行 慘.
Thơ bảy chữ gấm nghìn hàng thảm.
紋 繅 梭 鐄 余 段 愁.
Gửi mấy thoi vàng mấy đoạn sầu.
宮 桂 高 撑 淡 煨.
Cung quế cao xanh thuận khói.
洞 銀 淨 碧 印 秋.
Dòng ngân tỉnh biếc in thu.
約 挽 悉 狸 穷 仙 說.
Ước đem lòng đến cùng tiên thuyết.
22 B. 劇 悶 嘆 花 白 雪 榆.
Sớm muộn than hoa bạch tuyết dầy.

為 人 子
Vi nhân tử.

23 a 歪 付 性 登 身 些.
Gửi phó tính ở thân ta.

道 奇 綱 常 南五 免 巴.
Đạo cả cương thường năm miễn ba.
僻 擾 瑄 扶 撤 主.
Tôi gìn ngay phù giúp Chúa.
孰 秘 討 敬 斂 吒.
Con lấy thảo kính thờ Cha.
英 婀 潛 唑 欣 舌.
Anh em chớ nhìn hớn thiệt
歌 伴 餐 惶 寔 哋.
Bầu bạn ở nết thực thà.
義 道 婦 戠 貼 室 重.
Nghĩa đạo vợ chồng xem rất trọng.
心 頭 風 化 法 慘 如.
Làm đầu phong hoá phép chừng nhà.

君 臣.
Quân thần.

南五 俸 道 恒 院 戮 黏.
Năm dâng đạo hằng vẹn trước sau.
壽 僻 道 奇 餐 連 頭.
Vua tôi đạo cả ở trên đầu.

僥 垂 坦 毚 高 湿.
Thấy giới đất ngòi cao thấp.
為 諾 民 睬 哂 歐.
Vì nước dân thuở dầu âu.
霎 忉 舉, 愛 慍 德 合.
Thuấn nay Cao, Quì vui thuế hợp.
湯 拥 伊, 祉 祕 仁 收.
Thang dùng Y, Thủy lấy nhân thu.
劇 悶 主 聖 倅 賢 撿.
Dấy mừng chúa thánh tôi hiền giúp.
共 享 尊 榮 祚 唯 數.
Cộng hưởng tôn vinh tộ roi lâu.

兄 弟.

Huynh đệ.

23 B.

穷 悉 胖 媄 吒 生.
Cùng lòng nuột mẹ cha sinh.
英 默 怏 婘 婘 敬 英.
Anh mến yêu em em kính anh.
貼 侥 頾 痂 倭 余 重.
Xem vững chân tay hầu mấy trọng.

嗟 朋 昌 肉右 監 兜 輕.
Vi bằng xương thịt giám đâu khinh.
簪 啾 洞 竇 梗 丹 桂.
Thâm tho đông Đậu cành đan - quế.
潭 廕 墀 田 檫 紫 荊.
Đầm ấm sân Điền khơm tử - kinh.
潴 潴 番 祭 欺 煮 荳.
Chó chó phiên lễ khi chử đậu.
英 婑 討 順 福 如 鐕.
Anh em thảo thuận phúc nhã lành.

教 子.
Giáo tử.

魯 蜆 穌 婁 黜 蜆 吨.
Lỗ kiến nên sâu bỏi kiến tuồn.
徐 寅 寅 扒 買 侯 坤.
Tuồi giần giần bắt mới hầu khôn.
日尋 日尋 澹 沁 汝 兜 愛.
Ngày ngày gội tắm nhớ đâu ái.
腩 腩 錐 砬里 矽 乙 痢.
Tháng tháng giùi mài đá ắt mòn.

性 諾 的 油 能 急 改.
Tính nước người dư hay kíp cải.
業 如 佃 罕 悧 黏 胖.
Nghiệp nhà tớ hẳn biết sau còn.
唑 能 吶 畧 能 惡.
Nhỏi nàng nói lã nàng oán.
悧 掷 朱 埃 吠 咻 猥.
Biết đổi cho ai giây giờ con.

子 道.
Tử đạo.

道 吒 德 媄 質 齊 嫩.
Đạo cha đức mẹ chất tày non.
秘 討 麽 斈 仄 道 猥.
Lấy thảo mà thờ ấy đạo con.
猪 晚 記 悄 恩 鞠 育.
Bú mớm rể quên ơn cúc dục.
咏 咁 曾 翥 睬 晨 昏.
Vuông thăm tưng chửa thuở thần hôn.
箕 埃 繼 志 名 傳 底.
Kìa ai kẻ chí danh truyền để.

24 a

怒 仉 登上 漢 事 駭 群.
No ke giăng canh sự hai con.
役 爾 箕 裘 咍 纘 妥.
Việc cũ cơ cưu hay nối.
特 名 贅 糊 听 尊 門.
Được danh thơm sáng thuả tông môn.

愛 子.
Ái tử.

養 育 朱 戒 奇 顯 坤.
Dưỡng dục cho nên cả lớn khôn.
生 孤 念 舍 周 慈 孤.
Sinh con niệm xá dầu chưng con.
歇 殺 免 篤 悉 哺 域.
Hôm mai đã đốc lòng bò việc
哎 旺 停 朱 貝古 吒 唁.
ân uống đừng cho của ngọt ngon.
吠 潴 悚 芸 擘 子.
Giáy chớ lười nghề cử tử
嚟 罵 細 剃 權 門.
Dẫu mai tới cửa quyền môn.

世 科 花 固 哈 番 返.
Thế khoa đời có hay phen gặp.
午 丕 悉 明 暝 麵 群 小
Ngộ vậy lòng mừng thuở mặt còn.

久 旱 逢 甘 雨,
Cửu hạn phùng cam vũ.

免 餘 尒 腦 暝 枯 熇.
Dã dư mấy tháng ngày khô khao.
明 覩 叓 朱 汶 陣 靈,
Mừng thấy giời cho một trận dào.
花 淡 汶 牟 嗎 濮 許.
Hoa đượm một mầu cười hớn hở.
魴 明 渚 沉 貝 牢 敲,
Cá mừng nước ngọt rảy lao xao.
蔀 朝 每 士 調 歌 咏.
Trong triều mọi sĩ đều ca vịnh.
逊 坳 巴 農 矯 約 吆,
Ngoài nội ba nông kẻo ước ao.

瀾 泣 罩 方 造 化.
Gian khắp bốn phương tạo-hoá.

24 B.

遽 滌 南五 式 矜 重 高 ½
Mấy tuồn năm thúc chín trùng cao.

他 鄉 遇 故 知.
Tha hương ngộ cố tri.

嫩 淄 圭 得 今 遐 逓.
Non nước quê người chín lạ lùng.

劇 恫 迭 伴 妥 悬 瞳.
Dạy mừng gặp bạn thoả lòng trông.

緣 陀 吏 覚 金 蘭 合.
Duyên đã lại thấy kim lan hợp.

書 矯 群 傳 鮹 鴈 通.
Thư kẻo còn truyền cá, nhạn thông.

恫 糊 平 安 詩 噎 竹.
Mừng mặt bình an thơ người trúc.

悁 悬 契 濶 嚼 囉 橋.
Quen lòng khế khoát chén khuyên thông.

黔 青 雲 滂 交 情 翫.
Đậm thanh vân phẳng giao tình cũ.

瑞 豬 長 安 哏 吏 穷 ½
Thẳng trở Trường an hẹn lại cùng.

洞 房 花 燭 夜.
Động phòng hoa chúc dạ.

啼 陽 浩 剌 玉 浩 墻.
Hoài dương dãy cuả ngọc dãy thêm.

燃 灺 篷 蘭 奄 糊 脂.
Nến dài buồng lan đã sáng đêm.

牖 覓 糢 花 鬠 柳 卒.
Choáng thấy mặt hoa mày liễu tốt.

炤 封 帳 紈 淡 香 掩.
Lưả phong trướng vóc đượm hương êm.

双 双 鸞 鳳 穹 終 霹.
Song song loan, phượng cùng chung bóng.

拉 拉 熊 羆 奄 報 恬.
Lớp lớp hùng, bi đã báo êm.

恫 仄 吏 恫 金 榜 女.
Mừng ấy lại mừng kim bảng nưã.

兼 平 錦 吏 固 花 添 ㄚ.
Dường bằng gấm lại có hoa thêm.

金 榜 掛 名 時.
Kim bảng quải danh thì.

25 a.

唓 策 丹 墀 埃 矮 招.
Chùa sách đan trì ai bén chiều.
榜 鑮 愣 匾 憊 粺 撩.
Bảng vàng mừng đã thấy tên treo.
湿 高 位 峚 罈 行 鷹.
Thấp cao vời vợi chen hàng nhạn.
蓮 界 瀾 瀾 現 鎩 豹.
Trên dưới lấu lấu hiện vè beo.
遘 到 吝 吝 蓬 鼠 遥.
Thẳng đến lần lần bồng đào lạ.
矯 歐 巴 澾 禹 門 尭.
Kẻo âu ba đợt vũ. môn nghiêu.
榜 尼 拯 負 名 吨 吠.
Bảng này chẳng phụ danh đôn giáy.
憊 後 生 胖 鼜 仉 跣 //.
Thấy hậu sinh còn lắm kẻ theo.

25B.

瀟 湘 八 景..
Tiêu - tương bát cảnh.

1. 山 市 晴 嵐.
Sơn thị tình lam.

嫩 翼 屏 風 參 幅 圖.
Non mơ bình phong tám bức vây.
聚 圭 暑 滋 綠 印 榜.
Chợ quê ngày tạnh lục in cây.
鮹 鮮 嗊 柳 得 術 急.
Cá tươi dấu liễu người về kịp.
酩 妙 燶 花 客 登 迟.
Rượu chín nồng hoa khách ở chậy.
店 怒 猜 群 捲 邊.
Điếm nọ cỏ còn quấn gió.
蔡 質 簫 毛 捲 遲.
Lều hia rèm dã quấn mây.
翁 帝 嗯 留 清 台 些.
Ông nào thôi dịch thanh thời tá.
騎 鸛 鞲 蹴 岸 岗 西 ㄨ
Cưỡi hạc bay về ngàn núi tây.

Xem liệp quyển 2.

N38
(2)

洪德國音詩集

V.2
三山二

漁 村 夕 照
Ngư thôn tịch chiếu.

立 藝 边 江 罢七 参八 妛口.
Lập nghệ bên giang bảy, tám nhà,
至 秋 霹 鵸 烋 他 羅.
Giới thu bóng ác giải tha la.
滇 滇 舟占 杜 頭 崇 柳.
Chan chan thuyền đỗ đầu ghềnh liễu.
察 察 紂 披 孱 溱 花.
Xát xát chài vỡ cuối vũng hoa.
坡 媿 鴣 啾粁 楼 點 粉.
Bờ khói chim về cây điểm phấn.
壙 洞 魡 哈 渃 滌 羅.
Quảng đông cá họp nước tuôn la.
26B. 固 得 待 月 擧朝 寬 擱.
Có người đợi nguyệt chèo khoan gác.
渃 滄 浪 汶 嗚 歌.
Nước thương-lang một tiếng ca.

江 天 暮 雪.
Giang thiên mộ tuyết

煊 炕 岸 湘 霽 鶩 收.
Nghi ngút ngàn Tương bóngác thu,
至 和 固 雪 景 添 牟.
Giới hoà có tuyết cảnh thêm mầu.
虛 空 捾 泣 花 閧 莢.
Hư không vãi khắp hoa muôn khóm.
世 界 冬 穒 玉 汶 獃.
Thế giới đông nên ngọc một bấu,
帆 照 拋 拋 舟占 遖 月.
Buồm chiếu phau phau thuyền chở nguyệt.
襖 戩 路 具 客 蚓 勾.
Áo tới lụ cụ khách ngồi câu.
頭 吳 鋍 楚 曾 趁 吏.
Đầu Ngô cuối Sở tưởng dư lại,
咏 嗨 君 山 仄 叁 兜 ½.
Vịnh hỏi Quân Sơn ấy ở đâu.

煙 寺 晚 鐘.
Yên tự vãn chung.

塊 綠 囲 城 世 界 仙.
Khói lục vây thành thế giới tiên,

鐘 兜 到王 最 燻 机 禪.
Chuông đâu ban tối tỏ cơ thuyền.
坡 霜 沒 嘴 得 掑 剩
Pha sương một tiếng người kẻ của.
揍 月 巴 更 客 滓 船
Nện nguyệt ba canh khách nổi thuyền.
虐 昧 貼 怙 仍 渚.
Ngược mắt xem ngõ nhưng nước.
融 腮 愣 貫 能 墨.
Trong tai nẳng mấy hay chiến.
巛 頮 人 我 叅 欺 仄.
Ít nhiều nhân, ngã chẳng khi ấy.
攙 凌 凌 屬 每 緣 ㄨ
Giữ lâng lâng hết mọi duyên.

26 B.

平 沙 落 鴈.

Bình sa lạc nhạn.

炭 炭 岍 湘 葛 沒 堆.
Than than ngàn Tương cát một đợi.
連 空 漫 漠 陣 鴈 退.
Trên không man mác trận nhạn thôi.

岸 鬚 灘 馬 鼙 褸。
Ngān hữu gió cái bay lể.
渚 落 潮 行 杜 堆。
Nước lạc trời hàng đỗ thôi.
鑌 泣 滿 秋 啖 易 楚。
Vàng khắp ruộng thu ăn rể dử.
鉑 印 壩 楚 篆 碧 耒。
Bạc in bãi Sở truyện xưa rồi.
禪 花 潭 萌 欺 南 式。
Đệm hoa đầm ấm khi năm thước.
嗯 嗯 芾 腦 道 主 倅 ㄨ
Khẩn khẩn nào quên đạo chúa tôi.

遠 浦 歸 帆
Viễn phố qui phàm.

壩 淨 船 埃 霾 柳 耗。
Bãi lĩnh thuyền ai bóng liễu rồi.
帆 徘 唸 唸 買 边 尼。
Buồm vể lem lém mãi bên nơi.
繚 啖 灘 油 准 直 尚。
Leo ăn gió dư chốn thẳng.

翹 報 遷 默 滔 濶.
Cánh báo mây mặc sóng khói.
舡 蹟 清 清 棹 弭 弭.
Thuyền tích thênh thênh chèo nhẹ nhẹ.
煨 散 式 式 綠 依 依.
Khói tan thức thức lục y y.
固 得 托 興 慘 欺 伊.
Có người thác hứng chừng khi ấy.
浙 楚 滝 吳 默 顦 淘.
Nước Sở, sông Ngô mặc vẽ vời.

瀟 湘 夜 雨.
Tiêu Tương dạ vũ.

岸 湘 暴 用 曷 霜.
Ngàn Tương thuở dụng hạt mưa.

烯 烘 輸 脂 灤 逗.
Rõ ràng thâu đêm gió dựa.
泏 嚼 鑕 高 吏 湿.
Rót chén vàng cao lại thấp.
撘 梗 玉 日 辰 踈.
Dùng cây ngọc nhật thời thưa.

嚀 嚀 腮 客 南臥 庄 日八。
Dành hạnh tại khách nằm chẳng nhấp.
涞 溯 悉 疎 興 周 乘。
Lai láng lòng thơ hứng có thừa.
劏 趣 眙 蜂 木 招。
Sáng dậy xem ong mục chầu.
斩 行 董 遝 欣 智。
Ngần hàng đứng lạ hỏn xưa.

洞庭秋月。

Động đình thu nguyệt.

秋 高 湖 瀝 月 朋 暳。
Thu cao hồ sạch nguyệt bằng ngày.
滊 渚 蓮 空 汶 像 齋。
Dáy nước trên không một dáng tây.
棲 桴 嫩 燕 撑 鼐 覮。
Cây dặng non Yến xanh rẽ thấy.
垢 印 壒 楚 洎 坤 浩。
Cát in bãi Sở bạc chồn tây.
洞 藍 斩 黚 絹 滂。
Đông lam nghìn dặm quyến phẳng.

香 桂 巴 更 颺 颼.
Hương quế ba canh gió bay.
固 客 照 洞 潯 范 - 蠡.
Có khách chiếu dòng tìm Phạm - Lãi.
掬 ? 恩 覽 月 朋 秫.
Cuốc cày tưởng thấy nguyệt bằng tay.

27 B.

桃 源 八 景.
Đào nguyên bát cảnh.

進 中 村 俗.
Tiến trung thôn tục.

鞚 雯 蔡 塊 曝 霜.
Cưa che lều khỏi nắng, mưa.
俗 熙 熙 礼 迪 遂.
Tục hây hây lề dời đưa.
耕 暔 畨 秋 淹 菹 絲.
Cày thuở ruộng thu ếm cỏ lục.
歌 期 儽 月 眷 梅 疎.
Ca hứ bóng nguyệt quyến mai thưa.
得 群 態 厚 茂 群 厚.
Người còn thói hậu đời còn hậu.

如 固 庫 乘 禿 固 乘。
Nhā có kho thuā thóc có thuā.

撫 治 別 之 罗 所 重。
Phủ trị biệt chi là sở trọng.

保 喪 仁 義 祕 心 碧 ㄚ
Bảo rāng nhân nghiā laý lām xúa.

茶山沙居。

Trà sơn sa cư.

褸 矢 南五 巴 如 泣 准。
Lẻ thẻ năm, ba nhā khắp chớn.

鍋 棋 詭 惜 陣 露 催。
Cuốc cāy xá tiếc trận dao thôi.

補 紂 鑪 壞 船 隊 隻。
Bổ chaū cuổi bāi thuyền doī chiếc.

海 檜 頭 嫩 鈽 唫 堆。
Hải cửi đaū non buá kẻ doī.

宁 特 坫 魚羊 揚 勞 興。
Cá duộc cál tuổi giường thẻ hưng.

詩 吟 隊 陣 日果 欺 来。
Thơ ngâm doī trận thuở khi rơī.

醃 訶 客 到 茶 巴 戰.
É a khách đến chè ba chén.
柑 橘 滋 園 衣 仍 碎.
Cam, quít đầy vườn ấy những tôi.

28B.

囊沙駐營.

Nang-sa chú đinh.

坦 跬 囊 沙 壘 合 圍.
Đất khoẻ Nang-sa luỹ hợp vây.
兵 餼 撤 渚 墓 窓 樓.
Binh nhiều giúp nước cổ cũng cây.
挽 招 圖 黌 形 高 濕.
Đâm, chiêu đồ nơ hình cao thấp.
主 客 憃 恩 勞 急 遲.
Chủ, khách lòng mừng thế kíp chậy.
岏 怒 滌 渿 威 灘.
Ngăn nọ tuôn thêm uy gió.
頂 箕 董 合 陣 霿.
Đỉnh kia đứng hợp trận mưa.
陝 州 民 屯 歌 的 范.
Thiểm-châu dân đã ca người Phạm.

逦 壘 滿 滿 永 賊 西.
Ngoài cõi lâu lâu vắng giặc tây.

洞 林 曉 景.
Động - lâm hiểu cảnh.

轢 東 桑 磔 景 侯 暱.
Trước đông tang tảng cảnh hầu ngay.
渡 洞 林 箕 拱 錦 齋.
Bến Động - lâm kia cũng cẩm tây.
翹 固 嫩 撐 鴟 鄙 覽.
Của có non xanh chim rẽ thấy.
窓 彰 梅 泊 炤 碧 咍.
Song nhiều mai bạc lúa xửa hay.
个 哎 糊 渚 昆 牽 貶.
Cá ăn mặt nước còn quyên nhảy.
鴟 弭 嫩 撐 丐 杜 羆.
Chim vẩn non xanh cái đỗ bay.
其 仄 筆 神 心 怲 劄.
Khi ấy bút thần lâm biếng chép.
江 山 恰 沒 迎 痶 ∥.
Giang sơn gộp một nghiêng tay.

蓮溪夜月.

Liên-khê dạ nguyệt.

壁隔台二岸朵煙收.
Vách cách hai ngàn doá khói thu.
洞擁月現覺札竿.
Dòng xanh nguyệt hiện thấy cỏ mầu.
梗真嚊香习桂.
Cành sực nức hương theo quế.
冷凊鄉玉翥歌.
Lạnh lùng hương ngọc chứa châu.
咽太-眞嗐其冯膦粉.
Miệng Thái-Chân cười ngửng má phấn.
壠西湖驕渼蹟駒.
Bãi Tây-hồ rủng tiện chân câu.
箕埃虛海船漁隱.
Kìa ai hỡ hải thuyền ngư ẩn.
學咿歌沃嘴兜.
Giọng giọng ca một tiếng đâu.

松檜晴雲.

Tùng-cối tình vân

嫩 淨 濕 雯 屈 茹.
Non tạnh mây che khuất nhà.
睞 椄 松 檜 怙 墨.
Thuở cay tùng. cối đẽn ra.
催 每 嶺 梗 梗 玉.
Thôi mọi lĩnh cành cành ngọc.
芙 隊 岸 朵 朵 花.
Nở đoá ngàn đoá đoá hoa.
貼 塋 陽 兜 鼠 仄.
Xem cỏi dương đâu đảo ấy.
語 園 文 氣 仄 罢.
Ngỏ vườn văn nẻo ấy lạ.
鬧 节 橋 碧 恒 徘 杜.
Nhăn nào thông biếc hằng về đỗ.
竟 墊 登 耳宣 嗜 踏 歌.
Nhiều chặp giảng nghe tiếng đạp ca.

丹 霞 晓 望.
Đan hà hiểu vọng.

轉 東 炤 燻 峥 仙.
Chuốc lòng lửa choáng ngàn tiên.

班 最 棱 篷 屈 剌 禪.
Ban tôi cây long khuất của thuyền.
褸 矢 頭 嫩 得 掛 櫓.
Lê thề đầu non người quấy cửi.
噷 啐 鼤 壠 客 徘 船.
Xôn xao cuối bãi khách về thuyền.
棋 喿 谷 谷 边 箕 波.
Mờ vang cốc cốc bên kia bến.
鍾 揀 工 工 價 怒 墨.
Chuông giúng công công mái nọ chuỗn.
南五 式 紅 雲 箕 帝 听.
Nam thức hồng vân kia đế sở.
身 晷 香 火 囿 困 緣 /.
Thân xứa hương hoả có nhân duyên.

茶 上 汎 舟.
Trà thượng phiếm chu.

弭 弭 船 埃 波 柳 移.
Nhẹ nhẹ thuyền ai bến liễu rời.
藍 嗆 斻 黤 染 朋 尖.
Lơm tkơm nghĩn dạm nhuộm gia giời.

算 曰 猥 諾 潮 蘭 客。
Toan ngày con nước chèo lan lắn.

対 餉 粗 齋 囀 菊 開。
Đối bữa cỏm chay chén cúc khai,

塊 凈 丹 霞 牟 紫 孕。
Khối tịnh Đan hà mầu tía dạng,

遽 龍 碧 樹 式 撑 依,
Mấy lòng bích thụ thức xanh y.

江 山 到 准 遡 隊 准。
Giang sơn đến chốn chơi đuổi chốn.

楼 割 殺 南 厩 賣 怒 滿 〃。
Lấp cửa mui nằm mái nọ vời.

数 行 紅 蓼 一 漁 舟。
Số hàng hồng liễu nhất ngư chu.

台二 巴 莞 沒 點 霤。
Hai ba ngọn một điểm mưa.

沒 隻 船 紵 演 諾 退。
Một chiếc thuyền chài diễn nước đưa.

屈 檎 鈎 苑 芹 弭 弭。
Khuất khóm câu buông cần nhẹ nhẹ.

棋 花 殺 午 劑 疎 疎
Kê hoa mui ngo' cuả thưa thưa.

蝶 扦 風 月 務 務 楚
Vê' then phong nguyệt mua mua tư'.

餓奴 吧 魚 鰕鮫 餓語 餓語 乘
No miệng nguy', hà bưa bưa thưa.

罵' 吶 江 湖 安 某 趣
Mà nói giang hồ an mo' thú.

鄭 悉 魏 關 嘴 鐘 習 1.
Trạnh lòng Ngụy khuyết tiếng chưng xưa.

又
Bai' thư' hai'.

29a
江 天 滂 溯 淨 霜.
Giang thiên phảng lảng tạnh sương.

壩 沒 船 埃 逐 洟 退.
Bai' một thuyền ai' trục sóng lưa.

花 煲 味 簪 欺 仔 吸.
Hoa bén mùi thơm khi cá ngáp.

襟 淹 霉 鬼 睏 窓 疎.
Khôm êm bóng thỏ thuở song thưa.

溪 山 景 遶 弟 兜 少.
Khê, sơn cảnh lạ nào đâu thiếu.

風 月 庫 乘 伊 貯 乘.
Phong nguyệt kho thừa ấy cuả thừa.

技 固 圮 坤 漠 特.
Kỹ có nơi khôn mạc được.

愛 憂 恩 恩 沒 念 碧.
Ai ưu khẩn khẩn một niệm xứa 1.

殘 春 旅 舍.
Tàn xuân lữ xá.

花 鼏 諾 泣 拱 無 情.
Hoa bay nước chảy cũng vô tình.

邊 眷 春 逗 到 楚 城.
Gió quyến xuân đưa đến Sở thành.

蝴 蝶 慲 性 如 余 黯.
Hồ-điệp mơ mang nhã mấy dặm.

子 規 克 快 月 巴 更.
Tử-quí khắc khoái nguyệt ba canh.

書 鴈 馳 隔 悉 鍼 泊.
Thư nhạn rẽ cách lòng nên bạc.

邊 雪 坤 拎 式 吏 撐.
Bóc tuyết khôn cầm thức lại xanh.

裊 仄 拯 術 精 衛.
Néo ấy chẳng về tinh vệ.

南五 湖 景 永 固 埃 爭.
Năm hồ cảnh vắng có ai tranh.

初 秋 旅 舍.
Sơ thu lữ xá.

30a

沒 陣 金 風 覓 覓 排.
Một trận kim phong mới mới bay.

綿 愁 箕 逃 几 山 囤.
Mối sầu kia ải kẻ làm vầy.

腔 棋 剌 哈 悉 瀝.
Giăng kẻ cuả hay lòng sạch.

膾 穿 簫 燈 意 私.
Gió xuyên rèm tỏ ý mầy.

禎 冷 趟 娘 孤 鷹 永.
Chăn lạnh dạy nàng con nhạn vắng.

脂 踐 蜘 忍 刻 更 迟.
Đêm dài ngồi nhìn khắc canh chầy.

悉 秋 八 吸 韌 欺 仄.
Lòng thu bát ngát trong khí ấy.
倭 拮 心 忉 吏 拯 忉 ,
Thầu cật lâm thuây lại chẳng thuây.

柳 營 秋 月.
Liễu - dinh thu nguyệt.

斬 墜 乔 清 瀝 熄 震.
Cám cõi giới thanh sạch khói mù.
柳 營 烝 暴 燧 腔 秋.
Liễu - dinh chưng thuở giải giăng thu.
金 風 熙 海 穿 萌 柳.
Kim phong hây hây xuyên mành liễu.
玉 兎 滷 滷 暎 隘 榆.
Ngọc thỏ lấu lấu ánh ải du.
席 腦 執 爍 樓 將 帥.
Tiệc nuộc chớp soi lầu tướng soái.
悉 圭 添 燻 耒 征 夫.
Lòng quê thêm tỏ mặt chinh phu.
奴 兎 覧 吏 憊 房 秋 永.
Nô nao lại thấy phòng thu vắng.

共 淡 春 風 暱 觴 虞.
Cùng đượm xuân phong thuở Chuấn Ngu.

重 陽 菊 酒.
Trùng dương cúc tửu.

30 B.

迨 節 重 陽 醞 菊 囲.
Gặp tiết trùng dương rượu cúc vây.
包 饒 知 已 余 行 楼.
Bao nhiêu trí kỷ mấy hàng cây.
暱 閑 淋 嘶 花 黃 淬.
Ngày nhàn lâm chén hoa hoàng rót.
徐 演 迎 壺 席 玉 迟.
Thẻ diễn nghiêng hồ tiệc ngọc chậy.
几 梅 獐 束 頭 煖 雪.
Kẻ hái giậu đông chân bén tuyết.
得 蓮 樓 北 楣 瞳 漂.
Người lên lâu bắc mặt trông mây.
茱 黃 棋 邊 弦 怯 女.
Thù du cài tóc càng yêu nữa.
路 嗨 仙 翁 到 墜 西 ½.
Lọ hỏi tiên ông đến cõi tây.

秋 月 照 庭 樹.
Thu nguyệt chiếu đình thụ.

秋 月 棋 墀 暉 澹 靄.
Thu nguyệt kê sân thuở tạnh mùa.
岸 樓 熙 海 邊 清 逸.
Ngàn cây hây hây gió thanh dưa.
鑓 篩 余 襟 茉 高 湿.
Vắng dậy mấy khóm chồi cao thấp.
泊 點 隊 站 膝 日 踈.
Bạc điểm đôi chòm bóng nhật thưa.
汜 筆 詩 仙 吟 拯 掣.
Nấy bút thơ tiên ngâm chẳng xuể.
潴 獸 醐 聖 興 滌 乘.
Dậy bầu rượu thánh hứng thêm thừa.
尼 尼 風 景 和 知 已.
Nơi nơi phong cảnh hoà tri kỷ.
路 說 蘭 庭 吏 審 習.
Lọ thuyết lan đình lại thẩm xưa.

佛 跡 山 寺.
Phật tích sơn tự.

語 喃 曉 蓮 佛 跡 山.
Ngứa mặt trông lên Phật tích Sơn.
嫩 高 徒 位 恪 凡 間.
Non cao vời vợi khác phàm gian.
鴟 鵰 孛 柳 兼 梭 絲.
Chim bay dặng liễu dường thoi giết.
沿 泣 泓 蓮 似 滋 彈.
Nước chảy ao Sen tựa suối tan
橋 點 參 行 雯 矯 傘.
Thông bấy, tám hàng che kiểu tán.
遷 南 五 式 撫 台 慢.
Mây năm, ba thức phủ thay mãn.
31a 詩 人 哏 固 兜 欣 女.
Thi nhân rằng có đâu hỏn nữa.
朱 客 吁 心 沒 幅 端.
Cho khách xin lấn một bức đoan.

白 鵰 洞
Bạch ác động.

沒 准 乾 坤 沒 准 春.
Một chốn can khôn một chốn xuân.

亭 惇 風 景 趣 清 新.
Đã danh phong cảnh thú thanh tân.

觥 孤 渚 碧 溫 閑 坎.
Quanh co nước biếc dành muôn khóm.

重 壓 嫩 撑 砆 余 吝.
Chũng chập non xanh đá mấy lần.

快 堷 塵 空 每 听.
Quết bụi trần không mọi sở.

吹 悤 客 興 迸 分.
Xui lòng khách hứng mười phần.

閑 帝 僔 聖 貼 睜 戩.
Nhàn nào đấng thánh xem ngày trước.

別 特 虛 空 樌 固 神.
Biết dược hư không máy có thần.

玉 女 山.
Ngọc nữ sơn.

鎮 南 溟 鳥 睬 碧.
Trấn nam minh đảo thuở xưa.

春 秋 亭 余 固 鈇 諸.
Xuân thu đã mấy có chũng chưa.

趣 式 泊 欺 霜 用.
Giới thức bạc khi sương dụng.
倘 味 花 暝 遶 逗.
Choảng mùi hoa thuở gió đưa.
薑 摸 腋 曛 牟 更 燻.
Gường mượn giảng soi mâu lại thổ.
邋 嗜 遄 援 日 時 踈.
Cóc khoe mây vén nhật thời thưa.
搆 殼 量 黷 乾 坤 蘚.
Cấu thủng lượng rộng Can, khôn sánh.
玉 砆 包 餽 潛 揔 辞.
Ngọc đá bao nhiêu chở chẳng từ.

31 B.

双 山 魚.
Song sơn ngư.

山 水 搦 眄 淮 有 情.
Sơn thủy so xem chốn hữu tình.
烝 低 憪 覽 選 和 清
Chưng đây mừng thấy lạ hoà thanh.
扛 昂 波 弹 運 昊.
Giăng ngang bể đạn vẫn lồng.

高 眞 垂 嶄 屹 撐.
Cao sực giới chon vớt xanh.

閂 劫 朝 徜 殿 北 極.
Muôn kiếp chầu về đến bắc cực.

斬 秋 撥 跬 墜 南 溟.
Ngăn thu chống khoẻ cõi nam minh.

蔑 蔑 柱 石 權 衝 渚.
Đời đời trụ thạch quyền trong nước.

天 下 帝 埃 極 別 名.
Thiên hạ nào ai chẳng biết danh.

三 岐 江.
Tam kỳ giang.

洞 滌 巴 我 邏 柔 包.
Đông tuôn ba ngả lạ dường bao.

八 呅 隊 番 麵 碧 濤.
Bát ngát đuổi phen mặt bích đào.

破 破 岸 異 啦? 吭 ?.
Phá phá ngàn kia ngột nhạt.

批 批 壞 怒 渚 腥 蚤.
Phe phe bãi nọ nước tanh tao.

鮓 吸安 麵 渚 散 彙 兎.
Cá ăn mặt nước tan vằng thỏ.

潮 汜 頭 嫩 津 湊 蛟.
Chiều dí' đầu non lụt vũng giao.

侈 覓 沒 船 融 睏 仄.
Sảy thấy một thuyền trong thuở ấy.

羨 如 漁 父 落 桃下 源上 ㇀.
Dường như ngư-phủ lạc đào nguyên.

32 a

白 藤 江.
Bạch đằng giang.

了 了 濕 撑 渚 似 油.
Leo leo dành xanh nước tưởa dầu.

暮 滉 斉 瀝 汕 徘 朝.
Chăm ngoi ngăn lạch chảy về chầu.

渚 空 汰 汰 繩 吳 痲.
Nước không thảy thảy thằng Ngô dại.

淹 每 凌 凌 客 越 侯.
Dảy mọi lăng lăng khách Việt hầu.

怒 嵐 泰 山 停 冷 女石.
Nọ linh Thái-Sơn đình lạnh đó.

吊	塊	鳥 -	馬	落	懶	兜.
Nāo	hồn	⓪ -	mã	lạc	loãi	tâu.
單	方	滂	浪	鯨	朋	秃.
Bốn	phương	phẳng	lặng	kình	bằng	thúc.
通	且	油	些	補	鯉	勾 ½.
Thong	thả	du	ta	bổ	lươi,	câu.

漁 江 晚 望.

Ngư giang vãn vọng.

滝	弄	弄	渚	溟	溟.	
Sông	lồng	lộng	nước	mênh	mênh.	
練	練	潮	戈	納	納	翰.
Ren	rén	cheo	qua	nép	nép	mình.
邊	嚴	嚴	船	閑	閑.	
Gió	hiu	hiu	thuyền	be	bé.	
灑	噴	噴	嫩	鯨	鯨.	
Mưa	phun	phún	nón	kềnh	kềnh.	
鐘	凜	買	買	工	工	棟.
Chuông	chiền	mãi	mãi	công	công	giống.
棋	社	數	數	谷	谷	令.
Mõ	xa	lâu	lâu	cuốc	cuốc	lênh.

渡 柳 兜 兜 尋 夢 夢.
Bến liễu đâu đâu tìm mộng mộng.

塘 徘 坦 坦 月 征 征.
Đường vê đất đất nguyệt chênh chênh.

花 園 景.
Hoa viên cảnh.

32 B.

芾 淮 芾 罘 挶 圄 緣.
Nào chồn nào lai chẳng có duyên.

悬 群 麻 差 景 花 園.
Long còn mai ở cảnh hoa viên.

帶 蓮 幀 鋪 樓 臺 玉.
Dưới thềm tranh vẽ lâu đài ngọc.

嫩 渃 獃 終 世 界 仙.
Non nước bầu chung thế giới tiên.

香 果 務 贊 边 怒 庙.
Hương bốn mưa thỏm bên nọ miếu.

鐘 南五 更 揀 屢 巽 墨.
Chuông năm canh giống mái lìa chiền.

風 光 兼 仄 慍 兼 仄.
Phong quang dường ấy vui dường ấy.

堪 下 碧 岭 嗳 喈 嚐.
Kham hạ xứa nay núc tiếng khen.

鐘 普 賴 月 平 灤生.
Chung Phổ. lại. nguyệt Bình. than.

鐘 箕 月 怒 改 前 身.
Chuông kia nguyệt nọ ấy tiền thân.
況 吏 添 器 閣 鳳 麟.
Huống lại thêm là các phượng lân.
余 喈 抌 殘 汚 竹 國.
Mấy tiếng dầm tan miền trúc quốc.
沒 暈 印 律 膊 蛟 人.
Một vầng in lọt bóng giao nhân.
脂 清 景 永 得 庄 俗.
Đêm thanh cảnh vắng người chăng tục.
酬 吠 詩 吟 席 固 春.
Rượu uống thơ ngâm tiệc có xuân.
欺 興 免 盃 悉 卞 練.
Khi hứng mến vui lòng bẽn lẽn.
君 親 梗 礫 楚 斬 斤.
Quân thân gánh nặng dù nghìn cân.

32 B

又，花園。
Hựu, Hoa viên.

准	芾	拯	啐	播	塵	緣。
Chốn	nào	chẳng	chúl	bọn	trần	duyên。
城	市	低	兼	景	翠	園。
Thạnh	thị	dây	dường	cảnh	thuý	viên。
沃	鄭	乾	坤	歎	爲	玉。
Một	trạnh	cān	khôn	bầu	dưới	ngọc。
巴	斬	世	界	塿	囤	仙。
Ba	ngān	thế	giới	cõi	vây	tiên。
箕	神	白	帝	習	群	庙。
Kia	thần	Bạch	đế	xứa	cơn	miếu。
怒	停	天	尊	戮	囤	廛。
Nọ	bụl	thiên	tôn	trước	có	chiên。
蹋	箇	山	川	停	冷	帝。
Giấu	cũ	Sơn	xuyên	đình	lạnh	đây。
堪	之	天	下	嗜	吨	嗜。
Khan	chi	thiên	hạ	tiếng	đơn	khen。

四趣。
Tứ thú。

漁.

Ngư.

玻	犁	閂	坎	式	籃	嗜.
Pha	lê	muôn	khóm	thức	lom	khom.
侈	賚	繩	紂	蹲	帝	瞰.
Sảy	thảy	thăng	chai	đứng	đảy	nom.
萌	襖	挋	搶	粒	怗.	
Manh	áo	quang	mang	líp	nhớp.	
捧	潮	揬	蹲	林	欽.	
Quai	chèo	xách	đứng	lom	khom.	
魚	鰕	捾	雖	撥	隱.	
Ngư,	hà	vẩy	đuôi	chúi	ẩn.	
鷗	鷺	哈	机	昨	睏.	
Âu,	lộ	hay	cơ	ngó	rồn.	
固	仉	必	恩	唳	吇	嘖.
Cố	kẻ	lắm	ơn	nheo	nhéo	mách.
箕	箕	范 -	蠈	賈	箕	墢.
Kìa	kìa	Phạm -	Lãi	mái	kìa	mom.

樵.

Tiều.

罰 皮 嶄眞 屹兀 膊 嬤 嗆.
Cư bê chon vál bóng non om.
糊朗 憬 的与 樵 笆 細田 晴南.
Sáng thấy người tiều đã tới nom.
風 月 沒 枕 拦 滴 滴
Phong nguyệt một đôn mang xếch xếch.
炟囘 霞 堆 鈽 掛 欽 欽.
Yên hà đòi buá quảy khom khom.
歌 之 曲 笆 寬 蹟 項.
Ca gì khúc đã khoan chân hãng.
嬤 石 基 催 眾 鬼 晒.
Non thạch cơ thôi chúng quỉ rõm.
周 睏果 惡? 賒余 暈 鶵 熾.
Có thuở ác xa vầng ác xế.
提 頭眞 唋 叼 蹬 頭 墜.
Giê chân nheo nhéo đứng đầu mom.

耒井.
Canh.

南五 更 布 穀 蹬 嗃 嗆.
Năm canh bố cốc đứng kêu om.

33 B.

叼 叼 耕 夫 創 奄 暗.
Nhéo nhéo canh phu sáng đã̃ non.
邊 岸 撐 磋 傘 嫩.
Gió ngān xanh xây tán nón.
濛 崗 緣 儔 駭 欽.
Mbửa núi lục cúi lủng khom.
蓼 南 陽 奄 寬 頭 眞 靖.
Lêu̇ Nam-dương đã̃ khoan chân dứng.
嫩 富 春 戈 拮 粗 賙.
Non Phú-xuân qua cất mật rơm.
娶 坦 娶 鐺 怯 閉 借.
Tác dất tác vãng yêu bấy tá.
隶 灰 噸 嗨 暱 頭 墝.
Bồ hồi xôn hỏi thuở đầu mon.

牧.
Mục.

頭 岸 要 要 草古 撐 嗜.
Đầu ngān eo éo cỏ xanh om.
且? 且? 眞 眞 沙 吏 暗.
Thả thả chân chân ít lại non.

鞠 犧 躖 蹎 蹲 趾。
Mũi nghé lui chân đứng nghỉ.

巢 樓 扑 胳 雌 欽。
U trâu bám cật ngồi khom,

嗵 笛 竹 噸 啅 退。
Vang địch trúc xôn xao thổi.

聯 歌 艘 昅 瞲 睡。
Mảng ca sướng gật ghé nồm.

蒸 棵 徜 和 欺 捴 櫓。
Chưng thuở về hoà khi hái củi.

捶 忤 鶵 缶 贗 箕 墳。
Chẳng ngờ ác đã mái kia mom.

34 a

又 和 前 韻。
Hựu hoạ tiền vận.

漁。
Ngư.

船 埃 隻 閉 嘴 和 喑。
Thuyền ai chiếc bé tiếng hoà om.

賃 要 繩 紂 蹲 永 瞲
Thấy lưỡi thẳng chai đứng vững nom.

半 心 襖 戴 雯 衰 衰.
Nửa tấm áo tới che cửn cửn.

沒 斤 勾 竹 捥 欽 欽.
Một cân câu trúc uấn khom khom.

漁 鰕 双? 曰? 暱 常 楚.
Ngư, hà song viết ngày thường dư.

虫半 鵬鳥 堆 孤 劳 碍 腦.
Bạng, duật đòi có thế ngại rõm.

潛 暱 源 桃 仙 修 逭.
Chớ thuở nguồn đào tiên sấy gặp.

穷 饒 咁近 咬支 暱 頭 墝.
Cùng nhau cắn kẽ thuở đầu mom.

樵.
Tiều.

頭 嫩 垂 淨 媿 群 喑.
Đầu non đa̋ tỉnh khói cõn om.

余 珂 樵 夫 垂 劇 暗.
Mấy gã tiều phu đa̋ sáng nom.

半 鈽 煙 霞 搓 董 鼎.
Nửa buá yên hà mang đựng tỉnh.

堆 边 風 月 掛 琳 欽.
Đối bên phong nguyệt quảy lom khom.
丟 尧 曝 掌 船 安 差.
Giữ Nghiêu ngay Thuấn mình yên ổ.
崩 石 岩 台 昧 虎 腦.
Đỉnh thạch nham đai mắt nguộc nõm.
約 憊 買 - 匡 麽 此 嗨.
Ước thấy Mãi - Thân mà thử hỏi.
哏 碧 退 主 厦 节 墝.
Rằng xưa gặp chúa mái nào mom.

34 B.

耒井
Canh.

蜜田 撑 淼 碧 吸 藍 喑.
Ruộng xanh nước biếc ngát lam om.
泄 泄 耒井 夫 奄 細田 目南.
Xế xế canh phu đã tới nom.
隊 禹 沁 霜 腮 湿 湿.
Đội Vũ tắm mưa tai thấp thấp.
肉 周 掬 月 肯 欽 欽.
Nội Chu cước nguyệt cạt khom khom.

耕 伊 儈 𠊛 民 商 睹.
Cay Y cúi ta dân Thương ngóng.
蔡 葛 南臥 退 主 漢 睚.
Leü Cát nằm lui chuá Hán rõm.
固 課 農 来 欺 簡.
Có thuở nông rõi khí giản.
條 囂 吼 沫 斧 逃 墳 y.
Diü hiu hóng mál ở ngoài mon.

牧.
Mục.

暇 群 劇 渚 嗟 喑.
Ngay cõn sớn chuá ta. om.
仉 牧 提 頭 𠊛 細 日南.
Hẻ mục giê chân ta tứ nom.
伴 笘 肉 平 嗔 鷩 鷩.
Bạn xóm nọi bình cuiễ thốc thốc.
犂 術 圩 狹 騎 欽 欽.
Trâu vẽ ngõ hẹp cuiễ khom khom.
嘴 歌 窩 戚 棋 腮 睹.
Tiếng ca Nịnh. Thích kẻ tai ngóng.

曲 蚩 桓 伊 醫 古 昭.
Khúc dịch Hoàn. Y nghiên cổ nơm.
群 固 妮 吊 恬 趣 女
Còn có nơi nào vui thú nữa.
妈 粥 穷 合 汶 頭 壞
Giải, giai cũng hợp một đầu mom.

四 趣 相 語.
Tứ thú tương ngữ.

35a. 腌 悚 暱 来 合 果 得.
Đêm nơi ngay nơi hợp bởi người.
穷 排 吓 趣 保 餓 遡
Cùng bầy thừa thú bảo nhau chơi.
猥 犊 佩 腠 粗 的 鼻
Con trâu tó béo cơm người trắng.
捷 檜 的 敲 魚 佩 魚 鮮.
Gánh củi người nhiều cá tó tươi.
報 暝 太 平 的 悦 佩.
Báo thuở thái bình người nên tó.
渚 恚 憂 愛 佩 穷 的
Chó lòng ưu ái tó cùng người.

把 琴 孤 雪 情 期 到.
Cái cầm con tuyết tình cờ đến.
補 嫩 雷 頭 驚 驚 棋 y.
Bổ non lui chân thốc thốc cuối.

漁.
Ngư.

壞 頭 嘴計 單 趣 閑 居.
Nẻo đâu kẻ bôn thú nhàn ư.
双 曰 埃 平 双 曰 漁.
Song viết ai bằng song viết ngư.
叁八 幅 江 山 收 拢 叁八.
Tám bức giang san thu vẹn tám.
哥 勝 風 景 楚 和 哥.
Ta mua phong cảnh đủ hoà ta.
洞 船 待 仙 蘇 子.
Đông thuyền đợi tiên Tô - tử.
拍 棹 歌 曲 楚 蔺幸.
Gác chèo ca khúc Sở - tư.
怒 怒 磻 溪 功 業 奇.
No no Bàn - khê công nghiệp cả.

春 秋 左 右計 參八 迸 餘.
Xuân thu giờ kể tám mười dư.

樵.
Tiều.

沒 鉊召 沒 鈽布 貝古 歗 遙.
Một rìu một búa cuả hâm dao.
双 曰 埃 平 双 曰 樵.
Song viết ai bằng song viết tiều.
吝 月 披 霜 日尋 腦 嶂.
Lẫn nguyệt pha sương ngày thang Chuẩn.
35B. 尋 橋 嗨 桂 淄 嫩 尧.
Tìm thông hỏi quế nước non Nghiêu.
遷 雯 頭 岸 僮 伞.
Mây che đầu ngàn tùng tán.
溺 喿 腮 九一 執 韶.
Suối vang tai chín chục thiều.
吧恐 咽腔 哭 南刖 花 聖 主.
Không chẳng anh nam đời thánh chúa.
仌 之 吝 右計 事 前 朝 ½.
Lòm chi lẫn kể sự tiền triều.

耕.

Canh.

沒 耦 沒 掬 分 陀 仃.
Một cay một cuốc phận đa đành
双 曰 埃 平 双 曰 耕.
Song viết ai bằng song viết canh.
撼 物 耨 拎 權 將 帥.
Diệt, vật tay cầm quyền tướng soái.
乘 驢 秀? 渚 祿 公 卿.
Thừa lư tú chửa lộc công khanh.
功 阿 衡 到 至 碧.
Công A-Hành đến giữi biếc.
節 子 陵 胖 崗 撐.
Tiết Tử-Lăng còn núi xanh.
逑 意 固 妮 欣 趣 女.
Ngoài ấy có nơi hớn thú nữa.
竜田 饍 唯 特 種 如 饍.
Ruộng lành nỏ được giống nhà lành./.

牧.

Mục.

乳	哥	兒	固	夫	童	仆.
Nếu	ra	thì	có	phu	đứng	bộc.
双	曰	埃	平	双	曰	牧.
Song	viết	ai	bằng	song	viết	mục.
日	月	堆	暈	扉心	嫩	雞.
Nhựt	nguyệt	đôi	vầng	tấm	nón	nam.
江	山	斾	黮	沒	由	竹.
Giang	sơn	nghìn	dặm	một	rõ	trúc.
册	碧	奚	戚	覽	群	傳.
Sách	xưa	Hề,	Thích	thấy	còn	truyền.
芸	盛	舜	堯	恫	以	福.
Đời	thịnh	Thuấn,	Nghiêu	mừng	ấy	phúc.
昕	了	伹	然	生	産	彰.
Lúc	liễu	tự	nhiên	sinh	sản	nhiều.
太	平	耜	撫	歌	隊	曲.
Thái	bình	tay	vỗ	ca	đai	khúc.

漁 人 舟占.
Ngư nhân thuyền.

南五	湖月	占	特	准	鈎	紭.
Năm	hồ	chiếm	được	chới	câu	chài.

丙 說 姑 蘇 翬 鬧 臺.
Bīng thuyết Cô. tô cư có dai.
殺 瀝 潛 渟 南五 黑七 蔓.
chui sạch giập ginh nam, bảy lá.
撧 芹 按 撿 沒 堆 帶.
Chēo cần noi nắm một doi dai.
席 囲 四 友 曾 慣 紅?
Ciếc vậy tui huữ tưng quen nrén?
芹 対 三 公 惜 拯 恢.
Cần doi tam công tiếc chẳng hoài.
風 月 亾 豺 双 曰 楚.
Phong nguyệt il nhiều song viết tử.
拯 兜 潟 備 肯 朱 埃 ㄆ.
Chẳng ai uơ bảy chẳng ai cho.

又
Bai thứ hai

罘 務 双 曰 沒 船 紂.
Bốn mua song viết một thuyền chai
劇 淮 江 湖 最 月 臺.
Sáng choi giang hồ toi nguyệt dai.

捒	撫	絲	鐳	与	仄	詔
Tay	du	to	vang	nghi	ay	chieu
皺	扣	雪	鉑	悟	哏	帶
Lưng	deo	tuyết	bạc	ngõ	rang	dai
恒	安	性	分	栽	堯	舜
Hang	yên	tính	phận	doi	Nghiêu	Thuấn
肯	对	軒	裳	盞	棘	梅
Khang	doi	hiên	thường	đan	cúc	mai
余	將	中	興	調	孟	美
May	tướng	trung	hưng	điều	mạnh	mẹ
拯	咍	扶	鑊	仄	功	埃
Chẳng	hay	phù	vạc	ay	công	ai

又

Bai thu ba.

暟	恒	鎒	壞	杜	煞	紂
Ngay	hang	cuoi	bai	đỗ	phoi	chai
吝	呂	暟	閑	腦	小	大
Lan	lữa	ngay	nhan	tháng	tiểu	đai
渚	澅	泃	洞	怪	直	膜
Nước	nguội	xuoi	dong	mang	chục	nón

醪留 唁言 漱粹 对 管 悄料 帶.
Rượu ngon nhạt đối quản liêu đai.
頂 繚 帆 濊 揚 擲 桂.
Lênh leo buồm vượt giương cheo quế.
拉 剌 殺 潮 買 眡 槐.
Lấy của mui năm mấy giác hoè.
出 處 隊 暝 調 沛 道.
Xuất xứ đoài ngày điều phải đạo.
衝 世 尉 周 余 林 埃 y.
Trong đời hai có mấy lâm ai.

藍 橋 遇 仙.
Lam kiều ngộ tiên.

恠如 福 絲 紅 分 毛 悄料.
Nhờ phúc tơ hồng phận đã liêu.
劇 悯 迎 客 登 藍 橋.
Dậy mừng gặp khách ở lam kiều.
姑 仙 式 點 柿 挽 藥.
Cô tiên thức điểm chầy tâm thuốc.
弄 - 玉 吁 心 伴 退 簫.
Lòng - Ngọc xin lâm bạn thối tiêu.

隔 糢 花 簾 絿 卷.
Cách mạt hoa rèm bằng quấn.

竜中 殿 玉 象 香 炧.
Trong điện ngọc nén hương thiêu.

能 舫 准 仪 瞻 陀 丕.
Người Hàng chơi ấy xem đà vậy.

拯 恪 長 安 悟 馭 鑣.
Chẳng khác Trăng an ngỡ ngựa biêu.

隻 粧 山.
Chiếc đuã Sơn.

37 a

鎮 塋 南 溟 曇 暝 習.
Trấn cõi nam minh nẻo thuở xưa.

栽 尭 渚 奇 退 能 諸.
Dải Nghiêu nước cả gặp hay chửa.

源 滌 蜜 朕 蝨 瀉.
Nguồn tuôn xuống tanh tao lạch.

潮 汜 蓮 鏝 吒 吟.
Chiều dậy lên mặn ngọt ủa.

促 昌 魚京 沁 拯 重力.
Xúc xướng kinh tâm chẳng động.

捷 悉 波 湧 坤 撕.
Giò lòng bè sóng khôn lưà.

泥 尼 胖 底 安 南 擾.
Nói nay còn tè' An-nam muộn.

畫 燻 平 吳 買 買 吹.
Hoạ tò' bình Ngô mới mới vưà.

寡 山.
Quả sơn.

砚 砆 埃 挖 撻 鈡 垌.
Hòn đá ai tem đặt giữa đồng.

唎 得 少 女 哈 得 瞳.
Mía người thiếu nữ lạ người trông.

肪 撚 粉 雪 潤 顏 色.
Gia giời phấn tuyết nhuần nhan sắc.

頭 澹 霑 春 瀝 培 紅.
Đầu gội mưa xuân sạch bụi hồng.

暇 瞸 美 鳥 派 渚.
Ngày ngắm gương ô đầy nước.

脂 棋 畧 鬼 連 空.
Đêm cài lược thờ trên chồng.

紲 矜 織 迺 包 饒 佐.
Đoái nay tuổi đã bao nhiêu tá.
懍 懍 紩 肝 渚 祕 戴
Đạnh đạnh bền gan chuả lấy chồng.

天 福 寺.
Thiên phúc tự.

乾 坤 援 少 沒 歟 東.
Kiền khôn vẹn thiếu một bầu đông.
乃 乃 超 然 今 遥 逈.
Nay nay siêu nhiên chẳng lạ lùng.
香 宇 牋 禪 日曇 烕 烕.
Hương vũ giăng thuyền soi vặc vặc.
雲 窓 啃 玉 攝 茏 茏.
Vân song tiếng ngọc nện bồng bồng.
池 清 汀 汀 魚 龍 會.
Trì thanh leo leỏ ngư long hội.
嫩 統 重 重 錦 繡 封.
Non nhiều trùng trùng cẩm tú phong.
論 世 界 尼 風 月 仪.
Trọn thế giới nay phong nguyệt ấy.

37 B.

固 朝 廣 大 固 靈 通.
Cố chiêu quảng đại cố linh thông.

鎮 武 觀.
Trấn vũ quan.

名 唆 千 古 𥫱 戦 鏢.
Danh lưỡng thiên cổ đa nên biêu.

怖 悟 光 輝 每 每 朝.
Bố ngộ quang huy mọi mọi chiêu.

景 物 圪 圪 調 閬 苑.
Cảnh vật nới nới đều lang - uyển.

宮 墻 仪 仪 盍 雲 霄.
Cung tường ấy ấy đám vân tiêu.

羅 滌 濕 桂 牟 淶 潮.
La tuôn danh quế mâu lai láng.

錦 瀝 塘 花 客 蹋 跕.
Gấm lạch đường hoa khách đạp đui.

搆 特 英 威 恒 哦 嗖
Cấu đuộc anh uy hằng nhức dậy.

拍𠊎 功 德 仪 悯 包 饒.
Sửa công đức ấy biết bao nhiêu.

法 雨 寺.
Pháp vũ tự.

無 边 功 德 哦 唆 名.
Vô biên công đức dầy lưng danh.

怖 惱 壺 天 景 秀 清.
Bồ ngõ hồ thiên cảnh tú thanh.

玉 兎 沒 暈 印 地 軸.
Ngọc thỏ một vầng in địa trục.

蟠 龍 隊 勞 鸐 圖 悌.
Bàn long đoi thế mở đồ tranh.

琴 橋 風 眷 欺 宣 法.
Cầm thông phong quyện khi tuyên pháp.

38a 花 宝 霽 篩 睍 演 經.
Hoa báu mưa dầy thuở diễn kinh.

鄧 迋 昇 平 因 賞 玩.
Tiết gặp thăng bình nhân thưởng ngoạn.

慧 光 台 特 氣 鍾 灵.
Tuệ quang thay đức khí chung linh.

法 雲 寺.
Pháp vân tự.

汶 盎 郊 原 玉 爲 戒.
Một đám giao nguyên ngọc đúc nên.

撈 鈡 淨 界 泣 三 千.
So trung tịnh giới khắp tam thiên.

珍 珠 壯 麗 層 層 揮.
Trân châu trang lệ tầng tầng sáp.

金 玉 端 莊 烘 烘 印.
Kim ngọc đoan trang rờ rờ in.

啼 咳 慈 風 拥 性 俗.
Khắp hay từ phong dưỡng tính tục.

滿 滿 智 月 炤 机 禪.
Lấu lấu trí nguyệt tỏ cơ thuyền.

掜 貼 廕 庇 神 通 開.
Nghiệm xem ấm tí thần thông bày.

普 度 芾 兜 極 斐 願.
Phổ độ nào đâu chẳng phỉ nguyền.

又.

Bài thứ hai

艮 象 磋 戒 凭 楣 丞.
Cấn tượng xây nên vững cột giữi.

塊 南 槊 槊 害 印 排.
Coĩ nam sóc sóc khéo in bay.

墻 磚 絶 嶺 抛 艘 猢?
Cường xay tuyệt tỉnh phau sưng

渚 池 清 泉 點 昌 磈.
Nước day thanh tuyền điểm hạt trai.

花 妥 珠 淚 垾 琥 白鬼.
Hoa nở châu rơi nền hổ phách.

蓊 印 靠 木 式 玳 瑁.
Rêu in cơ mục thức đồi mồi.

傍 人 唵 嗨 包 秋 佐.
Bàng nhân uớn hỏi bao thu tá.

唫 計 春 秋 悯 余 迸 ?.
Lần kể xuân thu biệt mấy mươi.

39 B.

又
Bai thứ ba.

趟 哦 神 机 志 翻 拱.
Dạy giậy thần cơ chí mở mang.

功 收 收 院 正 朝 綱.
Công thu thu viện chính triều cương.

敬 排 面 面 圖 珪 璧.
Kính bái giện giện đồ khuê bích.

謹 特 康 康 准 異 常.
Cẩn dược khang khang chốn dị thường.

恠 福 重 重 擄 地 厚
Nhỡ phúc trùng trùng so địa hậu.

想 恩 地 厚 聘 天 長.
Tưởng ơn địa hậu sánh thiên trường.

淨 扶 芳 渚 兼 如 在.
Tịnh phù thế nước dường như tại.

深 潘 高 瞳 悟 太 陽
Thăm thẳm cao trông ngõ thái dương.

鎮 國 寺.
Trấn quốc tự.

中 立 乾 坤 凭 帝 都.
Trung lập can khôn vững đế đô.

嘯 名 鎮 國 荃 西 湖.
Mảng danh Trấn-quốc ở Tây-hồ.

春 秋 添 固 迸 分 遐.
Xuân thu thêm có muôi phận la.

花 草古 仃 台 汶 式 舖.
Hoa cỏ danh thay một thức phô.
唏 嗨 香 歪 賛 慷 麝.
Hay hay hương giời thơm ngo~ xạ.
滿 滿 灺 停 糊 如 蘇.
Lâu lâu đen bụt sáng như tô.
箕 埃 董 鵬 心 之 帝.
Khi ai đứng đỉnh lâm chi đấy.
汶 嗨 鯨 拉 汶 狩 謨 ½.
Một tiếng kình khiêu một chữ mô.

39 a.

南 鴻 山.
Nam công sơn.

矽 仄 昌 草古 仄 氅毛.
Đá ấy xưởng cỏ ấy lông.
歪 南 竽 钟 嗆 南 鴻.
Giời nam đứng giữa gọi Nam - công.
棋 祿 霍 雲 民 閂 戶.
Mùa vai bóng vịn dân muôn họ.
掁 翅 托 扶 洛 於 重.
Giương cánh nâng phù nước chín trùng.

矰	炀	乾	坤	世	界	
Lóng	lánh	cān	khôn	thế	giới	.
晴	唱	春	夏	秋	冬	
Xênh	xang	xuan	hạ	thu	đông	.
能	哭	種	垄	生	固	
Hay	lā	giống	giới	sinh	có	.
顒	古	朝	蹝	坦	祖	龍
Ngóng	cổ	chaū	vế	tải	tổ	long .

39B.

神	符	山		
Thần	- phù	sơn	.	
分	墜	南	州	坦	愛	州
Phân	coĕ	Nam	châu	tải	Ái	- châu .
掌	王	坤	摹	景	神	符
Bùl	Vương	khôn	mạc	cảnh	Thần	- phù .
塊	坡	壠	泊	滝	溇	淛 .
Mưới	pha	bai	bạc	sông	sâu	ngoáy .
藍	染	椄	撑	尚	絶	滝 .
Lam	nhuộm	cây	xanh	núi	tuyệt	vời .
塊	館	遷	岸	滝	炕	炕 .
Khói	quán	mây	ngan	tuôn	ngụt	ngụt .

聚 圭 溪 波 撫 幽 幽.
Chợ quê sông bể vỗ ủ ủ.

異 埃 沼 瀝 融 念 俗.
Khác ai rửa sạch trong niềm tục.

沒 隻 船 勾 遘 月 秋.
Một chiếc thuyền câu chờ nguyệt thu.

嫩 渚 寺.
Non nước lụ.

尼 号 蓬 尼 号 渚.
Nói hiệu bồng nói hiệu nước.

台二 边 恰 吟 嫩 渚.
Hai bên gợi lắm Non - nước.

石旻 撞 凡 湿 凡 高.
Dá chồng hơn thấp hơn cao.

溪 逐 竺 数 竺 戮.
Sông giục lớp sau lớp trước.

佛 虛 無 景 少 乘.
Phật hư vô cảnh thiếu thừa.

客 名 利 帆 次 滉.
Khách danh lợi buồn xuê ngược.

永 暄 蓮 閣 花 花 .
Vâng nghe trên gác bông bông .
惜 懶 帶下 廚 踏 趾 .
Lần thần dưới chuā lần bước .

40 a.

總 瀟 湘 八 景 .
Tổng Tiêu - tương bát cảnh .

沒 頃 清 光 鷄鳴 聚 春 .
Một khoảnh thanh quang nơ chợ xuân .
漁 村 夕 夕 照 紅 輪 .
Ngư thôn tịch tịch chiếu hồng luân .
晚 鐘 坡 塊 嗟 金 界 .
Vãn chung pha khối lưng kim giới .
暮 雪 篩 花 濕 水 津 .
Mộ tuyết dây hoa nhạt thủy tân .
霜 洒 腊 輸 潤 盎 玉 .
Mùa rượi đêm thâu khói đám ngọc .
月 燭 秋 糊 燈 飄 銀 .
Nguyệt soi thu bàng giải bâu ngân .
平 沙 鴈 細 添 奇 麗 .
Bình sa nhạn tới thêm kỳ lệ .

帆 客 賒 徘 順 遶 仁 ㄗ
Buồm khách xa vê thuận gió nhẫn.

淒 盤 溪.
Vuống Bàn-than.

沒 淒 盤 溪 詠 詠 輪.
Một vuống Bàn-than vạnh vạnh tròn.

單 皮 渚 汕 拯 能 痂.
Bốn bề nước chảy chẳng hay mòn.

冬 鋒 紵 拮 边 箕 壠.
Đông vông vó cầl bên kia bãi.

董 鼎 柿 挽 厦 怒 嫩.
Đứng đỉnh chay đâm mái nọ non.

檎 擔 頭 峭 巢 余 隻.
Cầm, nó đầu ghềnh sào mấy chiếc.

潮 濡 粔 渚 硃 台二 九.
Nhấp nhô mặt nước đá hai hòn.

漁 翁 退 掛 寬 時 日.
Ngư-ông đưa dấy khoan thư nhật.

拯 拯 擲 蓮 渚 汜 猥 ㄗ
Non nỏn chèo lên nước dấy con.

40B.

八 詠 起 吟.
Bát vịnh khởi ngâm.

窓 疎 日暮 湓 景 堪 滿.
Song thưa ngày tạnh cảnh kham vời.

吟 謎 隊 旬 洒 洒 鮮.
Ngâm nghĩ đoi tuần rưới rưới tươi.

雪. 月. 風 花 催 興 客.
Tuyết. nguyệt. phong. hoa thôi hứng khách.

琴 棋 詩 酒 披 意 得.
Cầm, kỳ, thi, tửu đòi lòng người.

貽 油 拥 楚 吊 嘟 咀.
Của đi dưng đi nào to tản.

僻 默 於 揚 管 說 唋.
Tịch mặc ư'a dương quản thuyết cười.

恰 趣 牟 術 沒 准.
Gọi thú mấy về một chốn.

迸 分 珠 玉 院 和 迸.
Mười phần châu ngọc vẹn hoà mười.

雪.
Tuyết.

塊由	兜	捾尾	泣	睬果	虛	空.
Bởi	dâu	vaĩ	khấp	thuở	hư	không.
嫩	渃	隊	坭	式	泊	冬.
Non	nước	đoi	nới	thức	bạc	đông.
花	紗六	綺?	鼷悲	忤	藥	粉.
Hoa	sáu	ý'	bay	ngõ	nhị	phấn.
玉	迸	分	捾尾	恰	九	銅.
Ngọc	mười	phân	vaĩ	khấp	hôn	đồng.
剌	程	占	占	悉	求	道.
Của	Trình	chem	chẻm	lòng	cầu	đạo.
城	蔡	熙	熙	志	立	功.
Thành	Thái	hây	hây	chí	lập	công.
清	白	勒?	和	世	界.	
Thanh	bạch	lo	hoà	thế	giới.	
腔	咍	兼	仪	汶	兼	空.
Giàng	hay	dường	aĩ	một	dường	không.

月.

Nguyệt.

世	界	冬	年戚	玉	余	層.
Thế	giới	đông	niên	ngọc	mãy	tầng.

41 B.

栉	洲	拱	覩	沒	彙	朕 。
Chín	châu	cũng	thấy	một	vạn	giáng 。
瀇	瀇	霧	糊	罔	勝	固 。
Lau	lau	bóng	sáng	tư	mưa	có 。
炾	炾	氯	清	沒	援	庄 。
Vặc	vặc	dương	thanh	một	vẹn	chẳng 。
湖	暑	船	遡	悉	范 - 蠡 。
Hồ	thư	thuyền	chơi	lòng	Phạm - Lãi 。
臺	欺	鈎	揄	趣	嚴 - 陵 。
Đài	kia	câu	dư	thú	Nghiêm - Lăng 。
融	庫	無	盡	隊	拥	楚 、
Trong	kho	vô	tận	đoi	dương	tư 。
伎	邊	乘	驢	拱	貝占	恒 。
Kỹ	giỏ	thừa	lư	cũng	của	hằng 。

風
Phong 。

盃	浪	浪	沒	虛	空 。	
Giới	lăng	lạng	một	hư	không 。	
号	令	揚	隊	揾	奇	通 。
Hiệu	lệnh	dương	đoi	vốn	cả	thông 。

達 爾 收 台二 氣 順.
Đạt mờ' thu hai khí thuận.
調 陰 冷 單 勝 穷.
Đều âm lạnh bớn mua cũng.
貼 栘 買 別 憑 姪 - 旦.
Xem cây mới biệt bằng Cô - Đán.
覽 葛 辰 咍 福 沛 - 公.
Thấy cát thì hay phúc Bái - công.
机 造 化 年 生 倚? 固.
Cơ tạo hoá mai sinh ỷ' có'.
花 為 春 楊 恰? 茏 茏.
Hoa vì xuân rè' khắp bông bông.

花
Hoa.

41B. 沒 圍 造 化 窖 咍 罢.
Một khuôn Tạo - hoá khéo hay là'.
喊 恰 和 栘 森 式 花.
Nên gớp hoà cây trăm thức hoa.
其 朵 春 初 泊 蘗.
Mỏ' đoá xuân sơ bạc nhị.

隊 當 秋 悶 標 鑼 坡.
Đôi chōm thu muộn hchóm vang pho.

妃 唐 之 辱 唁 催 吝.
Phi Đường chi nhục tin thôi lận.

主 宋 它 親 發 常 戈.
Chuá Tống đa nhiều phát thường qua.

睬 這 催 潭 廕 吏.
Thuở giới thôi tầm ấm lại.

庫 滔 風 月 貽 茹 些.
Kho đay phong nguyệt cuả nhà ta.

琴.
Cầm.

斟 幅 憑 踈 弭 女 芯.
Tầm bức lòng thơ nhẹ nuã tâm.

拢 恆 吓 趣 沒 彈 琴.
Giúp nui thuả thú một đan cầm.

曲 山 水 永 坐 絲, 竹.
Khúc sơn thủy vang chang tơ trúc.

道 聖 賢 碧 固 魡 鴻.
Đạo thánh, hiền xưa cô ca, chim.

南五 揖歌 碧 兼 吏 覽.
Năm ngón ca xưa dưỡng lại thấy.
知音 伴 翫 約 宮 尋.
Tri âm bạn cũ ước cùng tìm.
边 窓 徐 朗 閑 自 在.
Bên song tiếu lạng nhàn tự tại.
拱 局 棋 揭 膊 睏 淹 ½
Cũng cuộc cờ giường bóng thuở êm.

棋.
Kỳ.

事 戰 爭 箕 覽 倚 於.
Sự chiến tranh kia thấy ỷ ơ.
固 欺 ノ 簡 睏 遡 棋.
Có khi phải giản thuở chơi cờ.
湿 高 抵 默 得 聞 智.
Thấp cao để mặc người đâu trí.
輸 特 恒 隊 將 別 机.
Thua dược hằng dời tướng biết cơ.
世 漢 楚 貼 陀 余 祝.
Thế Hán, Sở xem đà mấy chốc.

42a

局 秦 隋 樹 仍 包 除。
Cuộc Tần, Tuỳ thời những bao giờ.

除 鞆 年 久 虫 苗 泊。
Chỗ trong mấu ấy người bẩn bạc.

分 付 仙 人 睟 嗜 疎 少。
Phân phó tiên nhân thuở người thơ.

詩。
Thi.

義 碧 伴 翳 睟 情 期。
Nghĩa xưa bạn cũ thuở thanh kỳ.

開 嗢 吹 悉 托 點 詩。
Náo núc xui lòng thác tiếm thơ.

某 什 風 騷 珠 貝 玉。
Mỗ thập phong tao châu mấy ngọc.

舉 悉 憂 愛 邋 穷 絲。
Cất lòng ưu ái tóc cùng tơ.

歌 桃 胖 底 斾 蔑 法。
Ca đào còn để nghìn đời phép.

編 旦 座 戈 沒 道 斈。
Biên đến chàng qua một đạo thơ.

撚 功 些 欺 潤 筆.
Giúp công ta khi nhuận bút.
醋 埃 拽 吏 塞 咍 机.
Rượu ai dem lại khéo hay cờ.

酒.
Rượu.

委 朱 听 祿 圮 饋.
Giới cho thuả lộc nơi lãnh.
扜 自 然 揾 特 名.
Nghĩ tự nhiên vẫn được danh.
沒 式 抛 抛 賢 可 濁.
Một thức phau phau hiền khá trục.
迸 分 汀 汀 聖 罗 清.
Mười phân leo léo thánh la thanh.
隊 味 料 律 教 除 相.
Đời mùi liệu luật Ngao từ tướng.
某 戰 寬 台 宋 搶 兵.
Mỏi chén khoan thay Tống cướp binh.
濃 辣 倚 ? 君 子 志.
Nồng nhạt ỷ dường quân tử chí.

琴 棋 詩 酒 余 怡 情.
Cầm, kỳ, thi, tửu mấy hay tình!

八 詠 結 吟.
Bát vịnh kết ngâm.

貽 伹 然 次 黜 埃 朱.
Cuoả tự nhiên ấy bỏả ai cho.
扪 固 乘 驢 恰 汜 浦.
Nghĩ có thừa lư khắp dấy phô.
雪 月 風 花 油 興 楚.
Tuyết, nguyệt, phong, hoa dầu hứng tả.
琴 棋 詩 酒 默 拥 餓奴.
Cầm, kỳ, thi, tửu mặc dùng no.
恩 坦 北 怒 陀 重 壑.
Ơn đến bắc nợ đà chồng chất.
吟信 隘 南 箕 弦 哏 咽.
Tiếng ải nam kìa cũng hẹn hò.
民 計 億 閂 抎 撫 治.
Dân kế ức, muôn tay phủả tự.
公 侯 埃 拯 僘 碎 舖!
Công, hầu ai chẳng dựng tôi phô.

花.
Hoa.

劌 玉 生 成 種 遐 養.
Cuả ngọc sinh thành giống lạ dưỡng.
花 花 擯 妥 嗳 味 香.
Hoa hoa dua nó' nức mùi hương.
膦 紅 買 學 ? 粉.
Má hồng mới học giồi phấn.
蘗 玉 渚 今 変 霜.
Nhị ngọc chớ hễ bến sương.
嗜 卒 欣 爇 堰 閒 苑.
Khoe tốt hớn chứng vườn lang-uyển.
結 堆 群 待 主 東 皇.
Kết đôi còn đợi chuá đông-hoàng.
吏 悃 特 坦 繁 花 女.
Lại mừng được đất phồn hoa nữa.
梗 玉 隊 欺 結 菓 鐲 /.
Cành ngọc đoi khi kết quả vàng.

43a

解 語 花.
Giải ngữ hoa.

國 色 貼 平 玉 買 冬.
Quốc sắc xem bằng ngọc mới dùng.

哈 嘆 哈 吶 倚 養 花.
Hay cười hay nói ỷ dưỡng bông.

彰 番 嗨 月 扣 啼 桂.
Nhiều phen hỏi nguyệt đeo hỏi quế.

余 丿 朝 春 劍 藁 紅.
Mấy phút chiều xuân kém nhị hồng.

沒 式 簪 萩 樓 閣 鳳.
Một thức thơm tho lầu các phượng

迸 分 鮮 卒 粨 腮 蝀.
Mười phần tươi tốt mặt tai rồng.

边 城 隔 語 悬 諸 丕.
Bên thành cách ngõ lòng chưa vậy.

包 摸 玄 都 搭 鵲 蓬 丫.
Bao mượn huyền đô đáp tinh bằng.

紙 花.
Chỉ hoa.

脂 戈 朙 覽 氣 陽 回.
Đêm qua mừng thấy khí dương hồi.

女 庄 除 郎? 羯? 鼓 催.
Nữ chẳng chờ lang hiệt trống thôi.
南五 式 羅 紅 陵 世 界.
Nam thức la hồng lăng thế giới.
台二 梗 錦 霸 爐 樓 臺.
Hai cảnh gấm đỏ choáng lâu đài.
會 饍 特 預 琼 林 宴.
Hội lành được dự quỳnh lâm yến.
雪 玉 庄 讓 御 史 梅.
Tuyết ngọc chồng nhường ngự sử mai.
占 特 畢 務 春 富 貴.
Chiếm được bốn mùa xuân phú quí.
帝 曾 流 落 細 塵 埃.
Nào từng lưu lạc tới trần ai.

花 影.
Hoa ảnh.

43B.

閬 苑 覃? 歌? 曰尋 腦 迈.
Lãng uyển đầm hâm ngày tháng chay.
衝 花 霎 鵪 乙 群 磋.
Trong hoa bóng ác đã cùn xây.

欺 枇 發 揚 干 邊.
Khi phe phất giương cỏn gió.
暴 箠 節 抉 盈 纔.
Chuổ ruỗm đa quết tàm mây.
蝓 杜 瘠 痕 梗 玉 杜.
Ong đỗ nhục nhẫn cảnh ngọc đỗ.
蛵 鼻悲 慍? 惱 蘗 鐄 鼻悲.
Buớm bay áo não nhị vàng bay.
仙 娥 仍 霥 香 皮 遲.
Tiên nga nhưng bong hương vừa lạ.
岑 到 与 畏 悯 呂 台 小.
Giải đến nghỉ lài mừng rỡ thay.

菊 花.
Cúc hoa.

悝 那 聰 認 恰 熜 傾.
Nết na nhìn nhận khác chúng loài.
占 特 秋 遰 巡 固 台二.
Chiếm dược thu chơi il có hai.
香 乙 今 彩 鐄 拱 固.
Hương ất chín nhiều vàng cũng có.

雪 陀 庄 梁 鉑 庄 派.
Tuyết đà chẳng nhuộm bạc chẳng phai.
巴 塘 蔣 翊 魂 添 日.
Ba đường Tưởng Hủ hồn thêm nhật.
余 ノ 淵 明 興 拯 踐.
Mấy phút Uyên Minh hứng chẳng dai.
悶 覽 重 陽 犧 拯 負.
Muống thấy trùng dương nên chẳng phụ.
憫 叅 時 節 唉 扣 帶.
Muộn chừng thì tiết hẳn deo đai.

牡 丹.
Mẫu đơn.

養 謹 堰 仙 貼 遐 兼.
Dưỡng kín viên tiên của lạ dường.
森 花 鮮 卒 𠓨 謙 讓.
Trăm hoa tươi tốt đã khiêm nhường.
式 紅 占 特 春 天 下.
Thức hồng chiếm được xuân thiên hạ.
44a 價 重 堪 誇 坦 洛 - 陽.
Giá trọng kham khoa tại Lạc - dương.

泣 韵中 栽 嗜 國 色.
Khấp trong đời khen quốc sắc.
欣 熬 伴 放 花 王.
Hớn chẳng bạn khai hoa vương.
油 添 哈 吶 哈 嘻 女.
Dù thêm hay nói hay cười nữa.
燒 糯 韵中 悉 隆 斷 腸.
Cháy mặt trong lòng lường đoạn trăng.

梅 樹.
Mai thụ.

擐 梗 南 占 沒 茉.
Lời cành nam chiếm một chòi.
唁信 春 買 買 點 椮 梅.
Tin xuân mới nuối điểm cây mai.
精 神 糊 睬 膝 淨.
Tinh thần sáng thưa giàng tạnh.
骨 格 冬 欺 邊 催.
Cốt cách đông khi gió thổi.
節 勁 丈 夫 松 仪 伴.
Tiết kính trượng phu tùng ấy bạn.

惶 沖 君 子 竹 罗 堆.
Nếl trong quân tử trúc lá đọi.

茹 傳 渚 白 庄 曾 塊.
Nhà truyền chửa bạch chẳng từng khỏi.

丕 称 名 贊 掌 一 鬼斗 ½.
Vậy xưng danh thơm để nhất khỏi.

老 梅.
Lão mai.

洞 孤 江 陵 喘 奄 吨.
Đông nọ Giang-lăng tiếng đã đồn.

鞋 群 欣 女 暱 群 嫩.
Già còn hớn nữa thuở còn non.

春 添 骨 格 香 強 倍.
Xuân thêm cốt cách hương càng bội.

雪 撚 精 神 玉 駭 群.
Tuyết giúp tinh thần ngọc hãy còn.

唫 耐 哈 橋 調 伴 索.
Khê mặt hay thông đều bạn sách.

44 B. 跣 頭 眞 竹 仍 婇 孤.
Theo chân xem trúc những em, con,

節 畧 矽 鉄 漆 嗜 悶.
Tiết lai dai, sắt thêm khoe muộn.
直 嗰 名 贊 刼 拯 痂.
Sực núc danh thơm kiếp chẳng mòn.

早 梅.
Tảo mai.

堰 春 睡 唯 奄 迟 時.
Vườn xuân dơm rồi đã chậy thời.
易 国 林 - 連 悧 特 咍.
Rẻ có Lâm - Bô biết dược hay.
葩 鉋 抛 抛 侵 氣 雪.
Ba bạc phau phau xâm khí tuyết.
荔? 撑 要 要 潑 唏 霖.
Sai xanh éo éo nhạt hơi may.
燄 詳 房 客 欺 潭 廕.
Tỏ tường phòng khách khi đầm ấm.
漏 泄 悉 春 段 薑 鞣.
Lậu tiết lòng xuân đoạn đắng cay.
堪 下 調 羹 胖 底 特.
Kham hạ điều canh còn đề đợi.

矯 胖 桃 樓 仍 柴 来.
Kẻo còn đao, mận nhưng thay lay!

水 中 梅.
Thuỷ trung mai.

渚 箕 汐 汐 也 無 情.
Nước kia leo leo đa vô tình.

梅 現 踈 踈 屬 粵 清.
Mai hiện thưa thưa hết tác thanh.

遭 坤 移 梗 董 點.
Giá khôn rời cành tưởng tỉnh.

膠 鼠 憊 霽 竜 玲.
Giăng rèm thấy bóng long lanh.

扶 姑 - 射 裙 胖 雪.
Lưa Cô - xạ quần còn tuyết.

格 王 - 維 筆 龜 悌.
Cách Vương - Duy bút vẽ tranh.

恩 嚅 隊 鞣 弦 骨 格.
Nhắn như đội giá căng cốt cách.

油 潭 拯 湟 式 撐 撐.
Dù đầm chẳng nát thức xanh xanh.

45a

畫梅.

Hoạ mai!

花燹碧戚暍鴈霜.
Hoa giải xưa nên thuở đốc sương.
極殘極翳駭風光.
Chẳng tàn chẳng cũ hoài phong quang.
棋軒落語仙姑射.
Kê hiên lạc ngữ tiên Cô-xạ
燻霏疑罘主壽陽.
Choáng bông nghi lai chuá Thọ-dương.
腌固遷帝眷日.
Đêm có mây mào quyện nhật.
暍油邊恠退香.
Ngây dư gió bén đưa hương.
精神嗯乳眄弦遝.
Tinh thần nhắn nhủ xem càng lạ.
冬論冬油春沒兼.
Đông trọn đông dư xuân một đường.

又.

Bài thứ hai.

清 貴 平 梅 沙 仉 齊.
Thanh quí bằng mai ải kẻ tay.

形 容 摹 特 遥 遥 台.
Hình dung mạc đuợc lạ lùng thay.

月 恒 扣 對 春 恒 唯.
Nguyệt hằng đeo đuối xuân hằng rỗi.

霜 極 抛 嵩 雪 極 移.
Sương chẳng phao tung tuyết chẳng rời.

式 翠 糙 得 易 記 別.
Thức thuý giời người rẽ biết.

味 姜 司 噤 世 坤 咍.
Mùi gương ngậm thế khôn hay.

恰 常 吏 固 妮 欣 女.
Khác thường lại có nói hờn nứa.

花 艾 楼 戚 拱 沒 暱.
Hoa nở cây nên cũng một ngày.

松 樹.
Tùng thụ.

伞 撑 突 突 霎 虛 空.
Tán xanh đột đột rợp hư không.

戈 尒 森 秋 暴 抱 蓬.
Qua mấy trăm thu thuở bão bồng.
節 勁 挺 鷹 霜 雪 変.
Tiết cứng chẳng kinh sương tuyết bén.
才 高 養 抵 廟 堂 拥.
Tài cao dưỡng để miếu đường dụng.
奇 園 種 遥 吊 抔 及.
Cả vườn giống lạ nào so kịp
度 嶺 名 贅 鄙 聘 穷.
Đứ-linh danh thỏm nẻ sánh cùng.
弦 覽 三 公 扣 戚 重.
Cũng thấy tam công đeo chức trọng
丈 夫 蒯 仍 勍 秦 封.
Trượng phu hoái nhưng chịu Tần phong.

45 B.

竹 樹.
Trúc thụ.

奇 園 養 誘 鼠 初 冬.
Cả vườn dưỡng dụ nẻo sơ đông.
美 粔 頭 梗 暴 潘 搽.
Tiện một đầu cành thuở giờ dung.

遷 拯 侵 咍 節 勁.
Giá chẳng xâm hay tiết cứng.

膝 仍 燄 別 悉 空.
Giăng nhưng tỏ biết lòng không.

臺 王 - 子 永 閑 腔 鳳.
Đài Vương tử vắng nhàn xoang phượng

沉 葛 坡 清 鼻 化 蝀.
Chăm Cát - pha thanh nê hoá rồng.

天 下 知 音 咍 固 余.
Thiên hạ tri âm hay có mấy.

梅 辰 御 史 丈 夫 松 ||.
Mai thì ngự sử trượng phu tùng.

君 子 竹.
Quân tử trúc.

種 遐 江 陵 乙 特 停.
Giống lạ giang - lăng ắt được danh.

沒 栽 咍 占 特 高 名.
Một mai hay chiếm được cao danh.

悉 空 拯 俎 舖 愴 俗.
Lòng không chẳng vả phô niềm tục.

氣 勁 恒 辰 汶 鄧 清.
Khí kính hằng thời một tiết thanh.

創 群 扣 鴞 鳳 翥.
Sáng còn deo chim phượng đỗ.

鬟 除 木 猥 蟲 撐.
Khuya chỗ mọc con rồng xanh.

堪 之 世 喻 哭 君 子.
Kham chi thế gọi là quân tử.

霜 雪 吊 今 焌 躬 ⅓
Sương tuyết nào hề bén mình.

46a

嫩 蓮.
Nộn liên.

妙 妙 藍 田 玉 買 鈿.
Diệu diệu lam điền ngọc mới tường.

湖 清 色 暎 粔 兼 美.
Hồ thanh sắc ánh mặt dường gương.

玉 印 心 儀 錢 初 鑑.
Ngọc in lâm dáng tiền xưa đúc.

藍 染 臧 牟 傘 渚 揚.
Lam nhuộm nên màu tán chưa giương.

瀑 碧 覓 開 眉 太 - 母.
Nhạt biếc mới khai my Thái - mẫu.

赤 紅 群 謹 膴 王 - 嬸.
Thắm hồng cõn kín mái Vương - Cường.

客 詩 興 噴 嫌 諸 楚.
Khách thơ hứng người hiềm chúa tứ.

迸 丈 花 時 迸 丈 香 y.
Mười trượng hoa thời mười trượng hương.

晴 蓮.
Tình liên.

46 B. 爛 域 叁 清 突 突 椮.
Vắng vạc giời thanh dột dột cây.

清 台 暗 淨 景 湖 西.
Thanh thoi ngay tạnh cảnh Hồ - tây.

渴 暴 夕 鞋 撑 祝.
Mưa thưở tịch hai xanh chúc.

邊 欺 唯 傘 緣 碁.
Gió khi rơi tán lục xây.

西 子 點 催 香 馥 馥.
Tây - tử điểm thời hương phức phức.

楊 妃 浸 血 玉 移 移.
Dương-phi tẩm tã ngọc dây dây.

衝 欺 仄 埃 瞺然 瞷乳.
Trung khi ayí ai nhiên nhỏ.

趣 味 翁 瀟 血 悧 諸.
Thú vị ông Liêm tã biết chúa.

風 蓮.
Phong liên.

拯 焚 淋 汝如 貝古 恪 常.
Chẳng bén lâm như cuả khác thường.

瞺然 貼 奇 灘 遐 彰 兼.
Nhiên xem cải gió lạ nhiều dường.

汶 滿 太 液 彡干 層 碧.
Vân vơ Thái-dịch nghìn tầng biếc.

真 嘔 西 湖 余 黮 香.
Sực nức Tây-hồ mấy dặm hương.

魚今 哈 藍 鑓 沪 淸.
Cá hớp nhị vàng lưa sóng.

魚由 持 釀 玉 動 姮.
Rua trì nhường ngọc động giường.

圆 蕃 天 清 爛 域.
Có phen thiên thanh vãng vặc.
董 戴 行 伞 綠 張.
Dông nên hàng tán lục trương.

老 蓮.
Lão liên.

47 a.

惶 那 君 子 恰 羔 常.
Nếl na quân tử khác chúng thường.
骨 格 藤 強 清 汶 豪.
Cốt cách giã cang thanh một dường.
霎 芳 畧 踈 朝 景 悶.
Bóng nay lá thưa chiều cảnh muộn.
躰 恒 扣 等 煲 味 香.
Mình hằng đeo đẳng bén mùi hương.
陣 花 將 屯 旗 撐 捲.
Trận hoa tướng dã cờ xanh quán.
宮 渚 仙 群 伞 罽 張.
Cung nước tiên còn tán cũ trương.
況 吏 魚由 灵 穷 結 伴.
Huống lại rùa linh cùng kết bạn.

穢	陀	斬	嘀	腦	曝	長
Cuối	đà	nghìn	kẻ	tháng	ngày	trường

觀 四 蓮 圖
Quan tứ liên đồ

丹	青	汶	幅	畢	圖	蓮
Đan	thanh	một	bức	bốn	đồ	liên
埃	覽	辰	調	固	意	瞋
Ai	thấy	thời	điều	có	ý	nhìn
邊	沫	紅	庄	點	俗	
Giọ	mát	hồng	chẳng	điểm	tục	
霽	催	碧	固	牟	顛	
Mưa	thôi	biếc	có	mầu	đen	
式	嫩	引	引	香	初	淡
Thức	non	dẫn	dẫn	hương	sơ	đượm
節	悶	康	康	檜	駭	紆
Tiết	muộn	khang	khang	gói	hãi	bên
畢	仄	秉	清	調	摹	特
Bốn	ấy	đường	thanh	điều	mạc	được
悉	蓮	汶	心	摹	庄	穢
Lòng	sen	một	tấm	mạc	chẳng	nên

47 B.

蓮.

Liên.

玉 井 霤 催 霽 爍 鮮.
Ngọc tỉnh mưa thôi bóng nắng tươi.
蓮 蓮 麪 渃 傘 初 揚.
Sen liên mặt nước tán sơ giương.
清 爗 烕 印 黨 月.
Thanh vắng vặc in vầng nguyệt.
糊 滷 滷 燻 霽 美 司.
Sáng lấu lấu tỏ bóng gương.
西 - 子 坡 胚 趠 胞 客.
Tây - Tử pha phôi xiêu gia khách.
太 - 眞 浸 免 嗳 味 香.
Thái - Chân tẩm dã núc mùi hương.
堪 之 茂 - 叔 憙 麾 麰.
Kham chi Mậu - Thúc lòng mà ở.
趣 味 哏 欣 恰 世 常.
Thú vị rằng hơn khác thế thường.

又.

Bài thứ hai.

君 子 能 名 種 恪 常.
Quân tử năng danh giống khắc thường.

式 霞 恬 慡語 綠 印 鏡.
Thức hà bỏ ngỡ lục in gương.

屯 屯 邅 合 招 猥 鼾.
Đun đun may hợp chau, con làm.

屹 屹 幅 雯 洞 唯 鄙.
Ngân ngất bức che dòng rỏi sang.

歌 謔 奈 西 陵 水 國.
Ca nguội a Tây lăng thủy quốc.

粔 氷 払 赦 淡 天 香.
Mật bàng chăng Sáu đượm thiên hương.

繁 花 占 祕 衄 湖 太.
Phồn hoa chiếm lấy trong hồ thái.

衄 湌 陀 滅 貝古 汶 豢.
Trong nước đà nên của một dường 1.

月 中 桂.
Nguyệt trung quế.

仄 極 蹥 宮 丹 桂 囲.
Ải chăng thiềm cung đan quế vây.

世 間 亦 仉 特 味 辣.
Thế gian ik kẻ duộc mùi cay.
秋 清 爽 燥 迸 分 謹.
Thu thanh sáng tó mười phân bín.
湖 瀝 香 冬 余 解 浩.
Hồ sạch hương đông mấy giải đầy.
檜 掏 罩 務 吳 唯 鈽
Cửi hái bón mùa Ngô roĩ buá.
藥 挖 汶 嘰 兒 停 栺.
Thuốc tâm một chén thỏ giường chầy.
欺 躰 弭 戚 鞋 翌.
Khi mình nhẹ nên bay liềng.
占 特 嶝位 高 罩 波 浩.
Chiếm duộc ngôi cao bón bể đầy.

48a

槐 搔.
Hoè ác.

歪 剪 蔼 蔼 睬 暗 迟.
Gió hè đăng đăng thuở ngày chầy.
熠 熠 慢 槐 霹 買 搔.
Dăng rặc man hoè bóng mới xoay.

烃 烃 花 鐄 逗 灕.
Chơi chới hoa vàng đưa gió.
屯 屯 傘 綠 揚 颻.
Đun đun tán lục dương mây.
衆 如 宰 相 森 合
Trong nhà tể tướng xum họp.
逃 剌 公 侯 愒 囲.
Ngoài cửa công hầu vui vầy.
添 圂 琴 蟜 恒 纓.
Thêm có cầm ve hằng nói.
遣 得 吼 沫 動 愔 西.
Khiến người hống mál động niềm tây.

海 棠 睡.
Hải đường thụy.

沉 香 暟 永 麝 磨 衝.
Trầm hương ngày vắng xạ xưa xông.
花 海 棠 陀 汶 嘆 燶.
Hoa hải đường đà một chén nồng.
癌 疫 灕 枚 黯 渚 援.
Ngủa ngày tóc mai thấm chưa vén.

慵 恍 吟信 蝶 蕊 胖 封.
Mơ mang tin diệp nhị cơn phong.
樓 春 諸醒 巳 更 月.
Lâu xuân chửa tỉnh ba canh nguyệt.
帳 紗 添 冷 沒 朵 紅.
Trướng vóc thêm nguồng một đoá hồng.
潴 曝 溫 泉 欺 浸 奄.
Chứa thuở ôn tuyền khi tắm đã.
卒 鮮 記 動 興 玄 尊.
Tốt tươi rê~ động hứng Huyền-tông.

48 B.

芭 蕉.
Ba tiêu.

趣 粧 林 泉 粧 市 城.
Thú nữả lâm tuyền nữả thị thành.
捧 掩 全 隊 德 高 撐.
Vun giồng toàn đội đức cao xanh.
育 加 勤 斗 驚 狂 殼.
Giục gió guồm đầu kình cuồng khấu.
蓼 捲 猜 春 象 太 平.
Lá quấn cỏ xuân tượng thái bình.

沖 瀝 碧 黏 次 節.
Trong sạch xưa sau ấy tiết.

霖 霽 潤 濬 軸 躬.
Mộc mưa nhuần gọi trong mình.

停 台 種 固 能 扶 諾.
Dành thay giống có hay phù nước.

猥 招 裁 裁 唯 挺 生 以
Con, cháu đời đời nối tính sinh.

帝 遇 木 犀 娘.
Đế ngộ Mộc-tê-nương.

丹 桂 徐 暇 覽 木-犀.
Đan quế từ ngày thấy Mộc-tê.

極 群 塢 到 每 傾 榜.
Chẳng còn ai đến mọi loài cây.

擷 式 鉑 迸 分 卒.
Giới thức bạc mười phần tốt.

嗢 味 香 余 觧 潛.
Nức mùi hương mấy học thầy.

喑 抑 悉 春 徐 壈 次.
Ấm ức lòng xuân từ nẻo ấy.

燥 詳 事 月 貿 僧 低.
Tào tường sự nguyệt mậu tăng đay.
惜 台 退 免 唏 唏 悶.
Tiếc thay gặp đã hỏi hỏi muộn.
流 落 人 間 免 余 退.
Lưu lạc nhân gian đã may chay.

49 a.

仄
Qua.

吭 平 機 沫 平 節.
Ngọt bằng mít mát bằng nứa.
助 渴 吊 戈 汶 債 茶.
Trợ khát nào qua một trái dừa.
味 美 唁 得 易 重.
Vị mỹ ngon người rẻ chuộng.
精 神 邏 世 調 悄.
Tinh thần lạ thế điệu ưa.
悬 丹 黏 主 念 庄 煬.
Long đan thờ chuá niệm chăng giải.
襖 綠 傳 家 祿 固 乘.
Áo lục truyền gia lộc có thừa.

仁 厚 夥 為 掩 坦 福.
Nhân hậu nhiều vì giữ đất phúc.
代 代 兒 招 盛 欣 碧.
Đời đời con cháu thịnh hơn xưa.

Xem tiếp quyển 3

N38
(3)

洪德國音詩集

V.3

三山三

芋

Vu.

乃	乃	蘪	今	種	饋	
Nãy	nãy	khoai	chỉn	giống	lành.	
棒	椯	垂	悳	周	撐	撐
Vun	giống	dã	cây	có	xanh	xanh.
吒	猳	垂	董	團	帥	傘
Cha,	con	dã	dưng	đoãn	dù,	tán.
招	猺	強	勢	預	粹	穆
Cháu,	chắt	cãng	nhiều	dự	vuốt,	nanh.
坎	計	衢田	垠	名	長	者
Khóm	kẻ	ruộng	nường	danh	trưởng	giả.
餂	哖	終	鑊	祿	公	卿
Bứa	ăn	chung	vạc	lộc	công	khanh.
嘵	罢	時	披	祕	埶位	糬
Nếu	-la	-thời	bẻ	lấy	ngôi	trước.
沒	盞	如	些	埃	監	爭
Một	đám	nhã	ta	ai	giám	tranh.

芥

Giới.

如	些	固	改	捾	圮	埌.
Như	ta	có	cải	vải	nói	nường.
坦	福	生	成	貯	遲	兼.
Đất	phúc	sinh	thành	của	lạ	dường.
襖	𠱠	鉏	撐	鉏	式	綠.
Áo	dã	tường	xanh	tường	thức	lục.
頭	庄	隊	鈾	隊	花	鑲.
Đầu	chăng	đội	bạc	đội	hoa	vàng.
巴	冬	春	色	因	慘	雪.
Ba	đông	xuân	sắc	nhân	chứng	tuyết.
沒	節	陰	柔	拯	管	霜.
Một	tiết	âm	nhu.	chẳng	quản	sương.
盤	泊	咪	辣	隊	吧	世.
Bàn	bạc	chua	cay	đoi	miệng	thế.
免	罢	𠱠	特	暱	拥	搓
Miễn	lã	dã	được	thuở	dưng	mang.

燈 花.
Đăng hoa.

星牢	𠆢	鼈	玉	𠆢	黨.
Sao	lâm	vẻ	ngọc	lâm	vàng

路 路 蜀 務 保 事 憫.
Lỗ lộ thục mưu bảo sự mưng.

炷 精 神 冬 沒 點.
Dầu tinh thần đông một điểm.

瞳 世 界 恆 河 塵.
Soi thế giới khắp nghìn tầng.

潭 陰 玉 燭 鍾 載 治.
Đầm âm ngọc chúc trong đời trị.

悟 悟 語 金 蓮 曜 院 能.
Bỏ ngộ kim liên thuở viện năng.

閣 漢 歇 救 朝 直 主.
Các Hán hôm mai chầu chực chúa.

南五 更 也 撿 曜 凌 凌 凌.
Năm canh đã dư hết lâng lâng.

灶.
Táo.

坦 靈 全 仍 侍 三 魁.
Dầu thiêng toàn những đứng tam khôi.

天 下 權 用 也 賴 兜位.
Thiên hạ quyền dùng đã lớn ngôi.

嘭 嗵 更 欺 体 泮.
Bảng tiếng canh khi thể cạn.
罢 鄽門 閣 睏 朝 催.
Ra cửả các thuở chầu thôi.
巴 身 恫 特 緣 香 炤
Ba thân mình được duyên hương lửả.
沒 餂 吊 忔 義 主 碎.
Một bữả nào khuây nghĩa chuá tôi.
調 鑊 彭 番 扶 跬 渚.
Điều vạc nhiều phen phù khoẻ nước.
功 名 烃 烃 唯 閉 芾.
Công danh choi chói roỉ muộn đời!

赤 頭 翁.
Xích đầu ông.

樓 和 湟 睏 戚 身.
Lầu hoà nết thuở nên thân.
暯 腩 恒 朝 割 灶 君.
Ngaỹ thang hằng chầu cửả táo quân.
美 味 八 珍 當 咽.
Mỹ vị bát trân tường miệng.

50 a

樣 身 三 島 唏 則.
Dáng thân tam đảo hỏi gần.

和 羹 寺 拋 從 丞 相.
Hoà canh thí phao việc thừa tướng.

添 炷 脂 料 斫 將 軍.
Thêm bếp đèn liệu chước tướng quân.

於 鑊 撻 安 平 崗.
Chín vạc đặt yên bằng núi.

埃 哏 恩 極 到 閂 民.
Ai ràng ơn chẳng đến muôn dân.

笠
Lạp.

霧 帝 戾 曦 帝 歐.
Mưa nào lệ nàng nào âu.

各 攜 心 穢 嬝 隊 頭.
Các cứ lâm nên món đội đầu.

鎲 詠 養 平 彊 日 月.
Vành vạnh dường bằng vầng nhật nguyệt.

運 運 余 似 傘 公 侯.
Vần vần mây tựa tán công hầu.

金 盃 麵 玉 味 香 淡.
Kim giới mặt ngọc mùi hương đượm.
蹺 塘 花 霧 鵾 輸.
Giáo đường hoa bóng ác thâu.
奇 憫 世 間 如 撫 稟.
Cả muốn thế gian như phủ rợp.
吊 埃 哭 拯 隊 連 頭.
Nào ai lai chẳng đội trên đầu.

承 鑵.
Chứa đang.

拮 撻 行 拥 𠓨 圄 蹴位.
Cất đặt hàng dưng đã có ngôi.
51a 權 朱 掀 役 沛 被 坳.
Quyền cho sửa việc phải vừa nơi.
歆 救 恒 貂 习 帶 竹.
Hôm, mai hằng chịu deo đai trúc.
曰尋 腦 尊 朱 鄧 鑊 梅.
Ngày tháng tôn cho đặng vạc mai.
嗔 歆 歆 欺 閣 劇.
Chực hầm hầm khi gác sớn.

朝 占 占 暝 更 催.
Chầu chơm chơm thuở canh thâu.

包 饒 瞞 昧 陀 收 閟.
Bao nhiêu man muội đã thu hết.

沒 餉 吊 慵 義 主 碎.
Một bữa nào quên nghĩa chuá tôi.

蟾 蜍.
Thiềm thư.

渚 暝 軾 身 心 襖 綠.
Chú thuở nên thân tấm áo sồi.

准 嚴 深 潘 沒 躬 剌.
Chốn nghiêm thẳm thẩm một mình ngồi.

娘 腮 余 丿 威 猶 踮.
Nường tai mấy phút uy hùm nép.

則 祐 隊 吝 衆 覞 潘.
Các lưỡi đoi lần chúng kiến trôi.

慲 憶 彈 猥 墨 召 廕.
Mường thấy đàn con ra triều ấm.

礼 群 奈 素 結 吟 堆.
Lấy còn ai tố kết làm đôi.

廟 堂 固 睍 嗦 膠 嘵.
Miếu đường có thuở vang tai tiếng.
撥 特 民 饑 矯 曠 旺.
Giúp được dân lành kẻo nặng nỗi lo.

518.

蟻義.
Nghĩa.

舖 類 奇 糾 迎 郎.
Phố loài cả vóc nghênh ngang.
悶 悶 双 牟 蜆 貫 弦.
Mọn mọn song mâu kiến mấy căng.
道 別 君 臣 尊 讓.
Đạo biệt quân thần tôn nhường.
机 哈 天 地 柔 剛.
Cơ hay thiên địa nhu cường.
報 恩 義 奇 名 胖 底.
Báo ơn nghĩa cả danh còn để.
穿 玉 才 高 嘵 駭 嗦.
Xuyên ngọc tài cao tiếng hãy vang.
固 睍 陣 罷 兵 父 子.
Cố thuở trận ra binh phụ tử.

奇 奇 正 正 排 排 行.
Cơ cơ chính chính sắp bay hàng 1.

針.
Châm.

鍊 節 勁 本 拯 邪.
Luyện tiết cứng vốn chẳng tà.

坤 捥 心 鈎 渚 似 俄.
Khôn uẩn lâm câu chớ lấy nga.

窖 窖 挽 蓮 南 五 式 綫.
Khéo khéo dem lên nằm thức giây.

卒 鮮 添 特 果 務 花.
Tốt tươi thêm được bốn mươi hoa.

托 撓 仍 登 兩 臺 閣.
Nâng niu nhưng ở tay đài các.

兜 合 包 饒 席 綺 纙.
Đâu hợp bao nhiêu tiệc ỷ la.

紗 緋 衣 鐄 功 第 一.
May vá còn vàng công đệ nhất.

油 才 山 甫 乙 左 戈 1.
Dù tài sơn phủ ất chẳng qua.

52 a.

紙鳶.

Chí' duyên.

颺	嚢	嚢	弭	翅	鴻.	
Gió	hửu	hửu	nhẹ	cánh	hồng.	
昂	育	油	些	高	漲	空.
Ngang	giọc	du	ta	cao	chựl	không.
嶺	崗	拋	拋	麼	式	泊.
Đỉnh	núi	phau	phau	mà	thức	bạc.
鈡	歪	路	路	煬	暈	紅.
Giữa	giời	lố	lộ	giải	vầng	hồng.
牧	吝	繚	颺	油	從	且.
Chín	lần	leo	gió	du	thong	thả.
罩	波	悬	恆	垂	眼	瞳.
Bốn	bể'	lồng	vui	phi'	ngóng	trông.
固	睬	羽定	遡	逃	六	合.
Có	thuở	liềng	chơi	ngoài	lục	hợp.
虛	空	頊	鵄	把	同	同.
Hư	không	loài	ác	bà'	dùng	dùng.

高人.

Cao nhân.

紩	躬	隊	嬾	睏	戈	於.
Thất	lùng	đội	nón	thuở	qua	ứa.
如	主	傳	朱	守	畨田	茶.
Nhã	chủ	truyền	cho	giữ	ruộng	dưa.
捒	襖	拂	披	睏	遹	
Tay	áo	phất	phơ	thuở	gió.	
蒲	泵	呂	渚	欺	霜.	
Bồ	hôi	lã	chã	khi	mưa.	
摳	頦	鳥	鼠	趁	朱	圓
Khua	loài	điểu,	thử,	đi	cho	quạnh.
吧	彡	田	夫	凵	怲	踈.
Dì	đứa	điền	phu	lâm	bịnh	thưa.
嗻	歁	歁	坡	畨田	次.	
Chực	hằm	hằm	bờ	ruộng	ấy.	
閉	數	缶	特	菓	芾	諸
Bấy	lâu	đã	được	quả	nào	chứa.

菊
Cúc.

霜	沒	陣	汜	泏	花.	
Mưa	một	trận	đi	ngoài	hoa.	

52 B.

權 乃 朱 彭 鎮 墜 賒.
Quyền nay cho đi trấn coi xa.
蝬 援 鼈 郢 滶 碧.
Sấu vườn lửng ngang suối biếc.
蝀 呵 咽 吸 盪 灑.
Rồng hà miệng hớp dành la.
憃 空 弄 弄 得 貼 覽.
Lòng không lồng lộng người xem thấy.
塘 利 汐 汐 渚 泣 戈.
Đường lợi ao ao nước chảy qua.
恩 主 別 才 咍 拮 撻.
On chuá biết tài hay cất đặt.
緣 愉 魡 渚 泣 和 妛.
Duyên ưa cá nước khắp hoà nhã.

土 盂.
Thổ vu.

穌 乃 陀 犈 鬵 咽 咍.
Giống nay đà nên vợng miệng hay.
席 花 伴 玉 預 蝌 排.
Tiệc hoa bạn ngọc dự ngồi bầy.

名 贊 唆 咏 香 群 嗎.
Danh thơm lừng lẫy hương còn nức.
量 奇 從 容 世 少 齊.
Lượng cả thong dong thế thiếu tày.
合 緬 彰 得 欺 咕 咽.
Hợp mặt nhiều người khi chém miệng.
美 慮 恚 吊 仉 拯 托 痂.
Đẹp lòng nào kẻ chẳng nâng tay.
歆 殺 濘 淂 為 茄 主.
Hôm mai nênh nước ui nhà chủ.
沒 餐 舌 粗 咹 拯 監 忯.
Một bữa cơm ăn chẳng giám khuây.

欖 椰.
Cây lang.

恩 主 捧 掩 仍 睏 吊.
Ơn chúa vun giồng nhưng thuở nào.
沒 南 年 罢 沒 忍 蓮 高.
Một năm lá một nhẫn lên cao.
房 董 招 猥 包 製 喑.
Phòng dưng chau, con bao xiết kể.

53a

如	浩	客	厮	嗨	嘩千	嘲.
Nhã	doãy	khách	thứa	hỏi	han	chão.
躅	恒	帶	紩	霽	潤	澮
Lưng	hằng	đai	thắt	mưa	nhuần	gội.
頭	毛	幾	雯	曰巢	拯	包.
Đầu	đã	tần	che	nắng	chẳng	vào.
沖	尖	占	占	戚	梁	梗.
Giữa	giữi	chem	chẻm	nên	dường,	cột.
邊	奇	油	搭	拯	出	覓
Gió	cả	du	dung	chẳng	chút	nao.

又.

Hựu.

特	准	彭	徜	卒	遐	遙.
Được	chốn	đi	về	tốt	lạ	lùng.
為	得	駑	遣	式	誇	紅.
Vì	người	rẽ	khiến	thức	khoe	hồng.
躬	棋	襟	緣	批	雌	鳳.
Mình	kẻ	xiêm	lục	phe	đuổi	phượng.
霽	炎	池	清	掩	曲	蟲.
Bóng	tiện	trì	thanh	uẩn	khúc	rồng.

節 勁 可 當 君 子 竹.
Tiết kính khả đương quân tử trúc.
颺 高 挺 讓 丈 夫 松.
Gió cao chẳng nhường trượng phu tùng.
歪 周 意 生 油 緾 女.
Gười có ý sinh dư nên nữa.
傘 壘 花 花 剩 相 公.
Tán rợp đuề đuề cưả tướng công.

鷄.
Kê.

底 朱 自 晝 養 緾 身.
Hỏ Chu tự thuở dưỡng nên thân.
南五 德 兼九 餓奴 勇 智 仁.
Nam đức gồm no dũng, trí, nhân.
頭 隊 文 冠 高 余 與.
Đầu đội văn quan cao mấy tác.
蹟 揚 武 距 釘 迸 分.
Chân dương vũ cưả nhọn mười phân.
尭 番 心 伴 衆 牕 宋.
Nhiều phen lâm bạn trong song Công.

53 B.

余	丿	逻	得	塊	隊	秦、
Một	phút	dưa	người	khỏi	dưỡ	Tần.
油	忍	歡	芾	風	雨	女、
Dư	nhẫn	hôn	nao	phong	vũ	nữa.
乙	庄	拯	負	戚	司	晨.
Ất	chăng	chẳng	phụ	chúc	tư	thần 丿.

鵾 卵.

Ốp noãn.

鶉	蹉	如	埃	拯	醲.	
Trứng	ở	nhà	ai	chẳng	nung.	
沒	凡	混	沌	氯	初	冬.
Một	hơn	hỗn	độn	neỏ	sơ	đông.
逖	印	太	素	迸	分	鉑.
Ngoài	in	thái	tố	mười	phân	bạc.
衝	染	丹	砂.	沒	點	紅.
Trong	nhuộm	đan	sa	một	điểm	hồng.
覇	譁	芾	埃	拯	禁	吻.
Giàu	khó	nao	ai	chẳng	chép	miệng
碧	矜	余	仉	質	戚	重.
Của	nay	mấy	kẻ	chất	nên	trùng.

種 鐺 女 底 巴 冬 冷.
Giống lạnh nỡ dế ba dông lạnh.
舍 漫 金 鷄 把 秋 宗.
Xá mượn kim kê ậ̀p lấy tông.

扇.
Phiến.

托 叄 軟 耳 造 化 權.
Thác ở trong tay Tạo-hoá quyền.
沒 騙 黏 主 晝 夏 天.
Một mình thỡ chuá thuở hạ thiên.
躺 霧 窈 窕 迸 森 嶽.
Lúng mẽn yểu điệu mười lâm tuổi.
膲 點 燕 脂 墨七 參八 蘿.
Má điểm yến chi bấy, tám khuyên.
黮 柳 面 曾 雯 稠 玉.
Dặm liễu đã tưng che mặt ngọc.
塘 花 固 晝 捾 得 仙.
Dường hoa có thuở phải người tiên
細 秋 吏 覭 怯 當 女.
Tỏi thu lại thấy yêu dường nữa.

馬? 潴 憚 之 妾 泊 緣.
Mã chó giận chi thiếp bạc duyên 1.

蚊.
Văn.

54 a

蝞 唉 眉 生 甲 子 吊.
Muỗi hỏi may sinh giáp tí nào?
脂 脂 端 細 鞔 篷 蚤.
Đêm đêm luôn tối cửa buồng tao.
曰尋 時 董 鼎 边 樓 王.
Ngày thì đứng đỉnh bên lâu ngọc.
歆 魚 舂 升 煑 腯 桃.
Hôm đa thung thăng tiện má đào.
嚇嬌 妲 娥 欺 月 現.
Ghẹo hằng nga khi nguyệt hiện,
咁擦 神 女 睬 占 包.
Trêu thần nữ thuở chiếm bao
更 虧 吝 橘 心 朱 辱.
Canh khuya lần quất lòng cho nhục
針 惌 逆 肢 周 揣? 牢 1.
Châm chút ngoài gia có chuỷ sao.

石犬

Chạch khuyển.

吝	嗇計	春	秋	別	余	逝.
Lẫn	kẻ	xuân	thu	biệt	mấy	mươi.
剨	嚴	深	濸	沒	躰	蚓.
Cửa	nghiêm	thăm	thẳm	một	mình	ngòi.
朕	清	月	炯	芒	暗	月.
Đêm	thanh	nguyệt	giải	mãng	trùng	nguyệt.
暘	永	吼	咆	怲	哈	蛛.
Ngày	vắng	mõm	vêu	biếng	ngáp	nuôi.
恨	仉	小	人	芾	兌	咽.
Giận	kẻ	tiểu	nhân	não	đoái	miệng.
嘲朝	得	君	子	路	拋	雖.
Mừng	người	quân	tử	lọ	phao	đuổi.
嘮嗓	竜中	飭	固	斬	斤	礦.
Ví	trong	sức	có	nghìn	cân	nặng.
油	固	埃	抹	拱	拯	移.
Dù	có	ai	lay	cũng	chẳng	rời.

檜 搓.

Cối xay.

548.

造	化	酸	喊	窖	了	台.
Tạo	hoá	gây	nên	khéo	léo	thay.
達	心	汶	檜	底	麼	搓.
Đạt	lắm	một	cối	để	mà	xay.
逦	躬	拱	固	巴	迸	磉.
Ngoài	lưng	cũng	có	ba	mươi	nặng.
竜中	肫	恒	辰	汶	節	瑄.
Trung	giạ	hằng	thì	một	tiết	ngay.
固	暔	嗆	嗆	干	寮	動.
Có	thuở	ư	ư	còn	sấm	động.
隊	番	沼	沼	昌	霤	雞.
Đội	phen	lẫy	chẫy	hạt	mưa	bay.
腋	紩	骨	凭	閂	芾	盛.
Lưng	bền	cốt	vững	muốn	đời	thịnh.
運	轉	良	民	楚	脳	暑.
Vận	chuyển	lường	dân	đủ	tháng	ngày.

榜	打	揣.
Cây	đánh	đu.

果	楫	蘆	諸	撩	底	拎.
Bốn	cột	chờ	lo	cấm	để	giông.

如 陀 打 丐 如 蚓 瞳.
Ở dã đánh cái ả ngươi trông.

齊 后 土 欽 欽 脏.
Tề hậu - thổ khom khom cật,

拜 皇 天 嚣 嚣 悉.
Bái hoàng - thiên ngửa ngửa lòng.

畀 幅 裙 紅 鞋 派 派.
Bốn bức quần hồng bay phới phới.

台二 行 頭 玉 彎 双 双.
Hai hàng chân ngọc duỗng song song.

遡 春 矯 闖 春 兼 仗.
Chơi xuân kẻo hết xuân dường ấy.

榾 擔 抡 徜 底 魯 空.
Cật rỏ đem về để lỗ không.

猶
Vượn.

獸 圄 頭 數 圄 銀.
Cuộc có đầu sau có đuôi.

顆 次 每 物 嚕 畀 猶.
Lớn hơn mọi vật gọi là vượn.

55a

畢	頭	蹂	蹂	欺	移	急.
Bốn	chân	thuộl	thuộl	khi	di	kíp,
台二	目末	澄	澄	目果	等	瞳.
Hai	mắl	trừng	trừng	thuở	dứng	trông.
彭	勝	連	骸	嶽位	聖	帝.
Bành	thắng	trên	lừng	ngôi	thánh	đế.
鐘	打	累	古	道	賢	倍.
Chưng	đeo	dưới	cổ	đạo	hiền	tôi.
玆	兜	辰	帝	貼	浩	棟.
Đến	đâu	thì	đấy	đem	đấy	đứng.
班王	乃	吟	惟	吏	周	胎

Ban nầy nỡ quên lại có với ./.

杖 笠.

Trượng, lạp.

物	賤	雖	讎	遂	吓	求.
Vật	tiện	tuy	chưa	toại	sở	cầu.
欺	拥	玆	貴	別	娘	年.
Khi	dưng	đến	mới	biết	rằng	mầu.
節	瑄	斜	主	干	危	險.
Tiết	ngay	thờ	chúa	còn	nguy	hiểm.

量 穬 容 得 睏 燴 油.
Lượng rộng dong người thuở giàu giàu.
跬 揫 江 山 傲奴 唯 唯.
Khoẻ chống giang sơn no rồi rồi.
褋 雯 世 界 泣 兜 兜.
Rợp che thế giới khắp đâu đâu.
哭出 擔 捾尾 机 樞 冉.
Ra trở, vậy cơ khu nhiệm.
權 登 衝 痂 戢 登 頭.
Quyền ở trong tay chúc ở đầu ½.

寒 砧.
Hàn châm.

蔓 蔓 更 迟 雪 染 侵.
Dằng dằng canh chầy tuyết nhuộm xâm.
鵬 鐺 兜 騸 啃 寒 砧.
Đỉnh đang đâu ruồi tiếng hàn châm.
栺 魚京 刎 悟 繩 童 攘.
Chầy tỉnh vắn ngõ thẳng đông nện.
檜 兎 秉 陀 奶 織 挖.
Cối thỏ dường dai ả Chúc đâm.

55 B

淑 女 哉 挑 愔 緻 絲.
Thục nữ tai bào mưu gửi giệt.
騷 人 暎 喂 興 詩 吟.
Tao nhân ánh ải hứng thơ ngâm.
永 腮 仕 懦 念 憂 愛.
Vĩnh tai sẽ trạnh niệm ưu ái.
芒 象 羔 朋 撫 願 音.
Mang tượng dương bằng phủ nguyện âm.

冬 夜 早 起.
Đông dạ tảo khởi.

喑 更 辰 拱 藷 聒 散.
Với canh thì cũng chuả nghe tan.
仕 戢 為 叅 慍 襖 導.
Sửi giấc vì chưng mảnh áo đón.
艄 簡 愔 聒 荦 拈 珀.
Góc giậu buồn nghe lau gõ phách.
边 墻 砑 愣 蜻 歌 彈.
Bên tường ngại mảng giế ca đàn.
故 吏 姑 射 暑 揀 劑.
Có gì Cô - xạ khuya lay cuả.

麽 逐 玄 冥 劇 擱 鞍.
Mā giục huyền minh sớm gác yên.
君 子 憚 憃 瞳 倅 女.
Quân tử giận lòng nghe chúl nữa.
汶 殺 固 仉 綽 春 迎.
Một mai có kẻ rước xuân sang.

倚 食.
Ỷ thực.

恰 江 山 赤 汶 乖.
Góp giang sơn xách một quai.
量 朋 滝 波 極 古 埃.
Lượng bằng sông bể chẳng từ ai.
堰 桃 圩 槾 曾 躪 蹈.
Vườn đào ngõ mận tưởng len lỏi.
閣 紫 樓 粮 默 悄 愃.
Gác tía lầu son mặc nghỉ ngợi.
飯奴 別 世 情 味 鹵曼 澁.
No biết thế tình mùi mặn nhạt.
管 包 日 用 餘 浩 淫.
Quản bao nhật dụng bỏa đầy vơi.

王 孫 暴 戮 心 鞠 佐.
Vương tôn thuở trước lâm sao tá.
拜 將 封 侯 次 仍 埃 v.
Bái tướng phong hầu ấy những ai.

56a

瀟 屋.
Lậu ốc.

蓼 賤 巴 間 疎 曝 霜.
Lều tiện ba gian thưa nắng sương.
覽 歪 睡 蜜下 別 歪 傷.
Chầy giời rơm xuống biết giời thương.
洙 澁 垂 特 恠如 恩 渚.
Rồi dao dai được nhờ ơn nước.
燻 細 強 添 燻 霽 美司.
Soi tế cang thêm tỏ bóng gương.
脂 固 奈 腔 心 伴 鬱.
Đêm có ả giăng lâm bạn cũ.
日尋 時 姨 邊 扇缺 边 株.
Ngày thời đi gió quạt bên giường.
吏 群 沒 鑠 清 光 女.
Lại cơn một vẻ thanh quang nữa.

王 露 浩 蠻 底 吒汪 常
Ngọc lộ dây mâm đế uống thường.

57a.

古 城
Cổ thành.

花 草古 停 碧 榕 榕 蒺
Hoa cỏ dành xưa gốc gốc già.
别 包 秋 硬 尒 野 戈
Biệt bao thu trải mấy hè qua.
猞 嗃 吠 吒沃 班王 歪 最
Cáo kêu eo óc ban giờ tối.
鬼 哭 條 鬣 陣 月 斜
Quỉ khóc dìu hiu trận nguyệt tà.
功 業 暮 碧 矶 砂 孚
Công nghiệp ngày xưa hòn đá giựng.
伯 王 坪 鋤 曷 霿 沙
Bá vương nên cũ hạt mưa sa.
嗱 埃 醃 孚 城 者 仄
Khen ai gây giựng thành đó ấy.
仄 貯 先 王 貯 國 家
Ấy của tiên vương của quốc gia.

像 婆 俵
Tượng Bà - Banh.

惟 龍 宮 景 界 尼.
Chốn long cung cảnh giới nầy.

唼 埃 等 帝 躲 露 台.
Uầy ai đứng đấy loã lồ thay.

咽 嗱 漢 許 花 印 藍.
Miệng cười hớn hở hoa ấn nhị.

膦 覲 紅 紅 邋 拨 漣.
Má đỏ hồng hồng tóc uốn mây.

仪 恆 拂 旗 嘹 嗆 小.
Dự rất phất cờ trêu ghẹo tiểu.

哈 懵 丨 粘 此 清 傑.
Hay toan bóc gạo thử thỉnh thầy.

極 蓮 寶 殿 蚓 從 且.
Chẳng lên bảo điện ngồi thong thả.

窖 等 咄 磨 等 買 低 y.
Khéo đứng du mà đứng mải đây.

57 B.

朗 吟
Lãng ngâm.

齊 - 姜, 宋 - 子 猗 吊 衝.
Tề - Khương, Tống - tử gả nào xong.

扒 吏 鄉 開 兌 妾 穷.
Chàng lại hường quan đoái thiếp cùng.

鬳 橋 綿 愁 澗 余 黯.
Quanh quất mối sầu khơi mấy dặm.

淚 味 津 玉 瘉 堆 洞.
Sụt sùi giọt ngọc rỏ đôi dòng.

客 術 易 已 遣 得 宮 驛 緬.
Khách về rẽ khiến người cau mặt.

得 差 強 添 室 綿 愁.
Người ở càng thêm rất mối sầu.

梅 驛 數 牢 唁 急 騷.
Mai dịch may sao tin kíp ruổi.

喬 悉 得 世 汝 強 瞳.
Kẻo lòng người thế nhớ càng trông.

宮嬪
Cung tần.

恩 連 傷 到 分 賒 欵
Ơn trên thương đến phận xa xôi.

剌 玉 身 閣 濫 細 躔.
Cuả ngọc thân nhân lạm tới lưu.
黏 裳 仍 恠如 唏 雪 煖.
Có áy nhưng nhỡ hỏi tuyết bén.
豁 淺 慚 覺 霽 陽 燻.
Hang sâu mừng thấy bóng dương soi.
濫 瞰 連 固 悉 湖 海.
Cụm nom trên có lòng hồ hải.
仃 別 身 庄 餒 淒 淶.
Danh biết thân chẳng nỡ vưng lấy.
指 岑 南 心 禮 謝.
Chỉ núi nam lấm lễ tạ.
補 悉 恢 遠 分 心 倅 儿.
Bổ lòng hoài viễn phận lấm tôi.

吟興
Ngâm hứng.

58a

悟 趣 慍 罟 趣 登 兜.
Ngộ thú mưu lã thú ở đâu.
拯 悞 慍 登 住 左 歐.
Chẳng ngộ mưu ở chốn chẳng âu.

渚 貪 聚 吋 戦 嬾 永.
Chớ tham chợ giậy nên non vắng.
群 累 長 歌 変 波 愁.
Cồn lụy trường ca biến bể sầu.
鴟 塊 籠 戦 得 趣.
Chim khỏi lồng nên đắc thú.
棲 逝 坦 買 鮮 牟.
Cậy ngoài chậu mới khoe mầu.
冀 埃 董 鄙 宮 廊 狭.
Kia ai đủng đỉnh cung lang hẹp.
粗 沃 堕 渚 沃 歎.
Cỏm một nai nước một hầu.

花 月.
Hoa nguyệt

花 買 撩 梗 月 買 墨.
Hoa mới treo cành nguyệt mới ra.
室 清 辰 月 卒 辰 花.
Rất thanh thì nguyệt tốt thì hoa.
月 高 月 燦 欺 花 芷.
Nguyệt cao nguyệt tỏ khi hoa chúm.

花 湿 花 鮮 暝 月 斜.
Hoa thấp hoa tươi thuở nguyệt tà.
月 唫 愧 花 欺 夏 細.
Nguyệt ngậm ngùi hoa khi hạ tới.
花 傲 惨 月 暝 秋 戈.
Hoa ngao ngán nguyệt thuở thu qua.
世 情 盤 鉑 花 穷 月.
Thế tình bàn bạc hoa cùng nguyệt.
花 拯 派 贇 月 拯 裟.
Hoa chẳng phai thởn nguyệt chẳng già.

玩 詠.
Ngoạn vịnh.

氣 海 啼 陽 嗳 淡 潤.
Khí hảy hởi dương núc đượm nhuần.
春 徜 宇 宇 辱 憑 春.
Xuân uể nō vō nhục lòng xuân.
共 味 赫 伇 味 派 意.
Cũng mùi thắm ấy mùi phai ấy.
麽 准 欣 分 准 劍 分.
Mà chớn hởn phần chớn kém phần.

588.

曝	鉑	恒	浪	揚	陣	蝶.
Ngay	bạc	hằng	nường	dường	trận	điệp.
脂	清	曾	唱	找	銅	斤.
Đêm	thanh	từng	đoái	nhắc	đồng	cân.
吊	器	惜	景	仃	伶	丕.
Nao	lã	tiếc	cảnh	đinh	linh	vậy.
僥	曝	辰	花	奄	別	身.
Thấy	nắng	thì	hoa	đã	biết	thân.

相逢.
Tương phùng.

仄	困	能	喃	儡	吊	怍.
Dự	khuôn	hay	méo	thợ	nao	lừa.
法	蹩	嗜	埃	抖	末	鋸.
Mười	đáng	khen	ai	đối	mạt	cưa.
蛤	餒	兜	辞	孤	蛤	退.
Rắn	đoái	đầu	từ	con	cóc	thối.
猫	喻	之	惰	片	南	飛.
Mèo	thèm	chi	giới	miếng	nem	thừa.
蝓	繞	拢	毒	針	花	蘤.
Ong	già	bướng	độc	châm	hoa	rứa.

羝	癭	揶	艘	頊	楬	踈.
Giê	yêu	vàng	sưng	hức	giậu	thưa.
於	許	錢	鑄	撋	纚	綵.
Ô	hõ	tiền	chĩ	mua	vải	sủi.
坳	帋	墝	仄	窖	印	被 y.
Nõi	nao	vung	ấy	khéo	in	vứa y.

自述.
Cự thuật.

埃	輕	些	麾	些	慷	埃.
Ai	khinh	ta	mà	ta	sợ	ai.
計	頊	通	責	仉	無	頊.
Kể	loài	thông	trách	kẻ	vô	loài.
覇	畏	分	蹕	畏	分	
Giàu	là	phận	khó	là	phận,	
輕	默	得	重	默	得.	
Khinh	mặc	người	trọng	mặc	người.	
羹	蹌	蛤	朽	羹	蹌	買
Mềm	gói	cóc	khô	mềm	gói	mẫy.
拽	艘	草 (動)	雹 (术)	拽	艘	踐.
Uấn	lưng	chúa ruã	bão nước	uấn	lưng	dài.

59 a

油 坤 油 瘐 隨 机 帝.
Dū khôn dū dại tuỳ cơ dáy
榮 辱 台二 塘 便 奇 台二 /.
Vinh nhục hai đường tiện cơ hai.

又.
Bāi thứ hai.

恼 覩 人 情 渃 水 潮.
Buồn thấy nhân tình nước thủy chiều.
懞 嘲 仍 性 拯 悄 嘲.
Mong chào những tính chẳng quen chào.
拎 朋 固 暴 揮 斨 鑷.
Cầm bằng có thuổ trao nghìn nén.
共 拯 称 之 礦 沒 調.
Cũng chẳng xứng chi nặng một điều.
用 稟 今 仃 怗 役 稟.
Dùng lắm chỉn danh lo việc lắm.
恩 得 歐 罕 妏 得 尭.
Ơn người âu hản nhớ người nhiều.
渃 嫩 易 貝 員 得 仁 智.
Nước non rẻ phục người nhân trí.

怒 怒 南 陽 拱 固 蔡 /.
Nọ nọ Nam - dương cũng có lều.

世 情
Thế tình.

喭錦 覩 人 情 曲 嚇 嗱.
Ngậm thấy nhân tình khúc khích cười.
貝古 歪 鞘何 女 惜 得 哉.
Của giời sao nỡ tiếc người đời.
拥 包 拿 消 包 拿.
Dùng bao ná tiêu bao ná.
哎 余 迸 默 余 迸.
Ơi mấy mươi mặc mấy mươi.
麵 鞋古 辟 鐳 滇 仉 嗨.
Mặt cổ tịch vàng chan kẻ hỏi.
悬 粮 些 麵 鼎 易 埃 唧.
Lòng son tay trắng rẽ ai mời.
更 催 乙 拱 世 饒 渚.
Canh thôi ấy cũng thế nhau chờ.
仪 仪 得 哉 仪 貝古 歪 /.
Ấy ấy người đời ấy của giời.

59 B.

樂 酒.
Lạc tửu.

拯 之 欣 戰 酣 咽.
Chẳng gĩ hỡn chén ruợu dong.
千 愁 盡 釋 矯 盒 蓬.
Thiên sầu tận thích kẻo bỗn bồng.
尋 伴 切 彡 迸 味.
Tìm bạn thiết di mới mọc.
迍 得 惆 到 嗶 咚.
Đón người quen đến ruớc giong.
唆 咏 賦 詩 喝 吼.
Lúng lấy phú, thi, hát hống.
陰 恍 卷 哨 彈 哃.
Âm thầm quyển, sáo, đan đồng.
杪 迸 南 年 女 油 箕 怒.
Chín, mười năm nữa dư kia nọ.
解 結 埃 群 周 惜 嵩.
Giải kết ai còn có tiếc tung.

又.
Bài thứ hai.

極 嗜 德 極 嗜 才.
Chẳng khoe đức chẳng khoe tài.

免 特 恩 連 駭 甦 賤.
Miễn được ơn trên hãy sống dai.

包 管 舌 欣 包 管 苦.
Bao quản thiệt hớn bao quản khổ.

固 辰 咦 默 固 辰 澍.
Có thì ăn mặc có thì chơi.

机 運 轉 畧 机 冉.
Cơ vận chuyển lại cơ nhiệm.

貝古 流 通 以 貝古 荒.
Cuả lưu thông ấy cuả dời.

孤 給 心 之 歐 極 路.
Cô cấp lam chi âu chẳng lọ.

免 生 辰 養 默 悉 至.
Dễ sinh thì dưỡng mặc lòng giời.

又.
Bài thứ ba

停 悴 慢 潛 掙 掙.
Đứng rủi rảl chờ lanh chanh.

扦 櫂 歪 朱 乙 固 仃.
Then may giờ cho ấl có danh.
猪 默 啃 冤 術 崗 綠.
Cáo mắc tiếng oan về núi lục.
猢 甘 鼠 瀚 准 棱 撑.
Sóc cam chịu gió chốn rừng xanh.
梅 蓮 嫩 嶺 弦 添 選.
Mai trên non lĩnh cung thêm lạ.
蘭 迊 唏 春 嚷 氣 生.
Lan gặp hội xuân lắm khí sinh.
院 字 忠 勤 朱 論 道.
Vẹn chữ trung cần cho trọn đạo.
渚 遡 鼕 貝 秒 眙 輕
Chó chơi trống bởi trẻ xem khinh.

又.

Bai thứ tư.

塘 名 利 丙 村 蹟.
Đường danh lợi biền chen chân.
特 趣 清 閒 底 養 身.
Được thú thanh nhàn để dưỡng thân.

永 永 歌 群 吟 白 雪.
Vĩnh vĩnh ca cơn ngâm bạch tuyết.
嵷 嵷 腮 毛 拉 紅 塵.
Lăng lăng tai tơ lấp hồng trần.
戰 爭 撿 瀝 墓 查 襍.
Chiến tranh giữ sạch cỏ tra tuổi.
生 殺 洞 空 紙 捲 芹.
Sinh sát dòng không chỉ quấn cần.
漢 楚 默 埃 油 吠 嘯.
Hán, Sở mặc ai dư giục lái.
嶺 頭 砦 趾 盞 浮 雲.
Gềnh chân ngại bước đám phù vân.

怀遠
Hoài viễn.

滝 沖 腔 濕 鼈 星 疎.
Sông trong giăng nhạt vẻ sao thưa.
閣 貓 蔡 摩 立 閨 詩.
Các cũ rêu giấy lấp giấu thơ.
霜 淨 花 愁 朝 濕 沫.
Mưa tạnh hoa sầu chiều lệ mới.

60B

春 衛 燕 慘 啃 嗽 吟.
Xuân vê yến thảm tiếng u ơ.

烟 殘 膩 紩 魂 疎 壳.
Đèn tàn nuột thất hồn xơ xác.

襖 隻 珠 潭 瞰 惜 憶.
Gối chiếc châu đầm giác ngắn ngơ.

葉 攢 詩 排 懞 扎 斫.
Lá thắm thơ bài mong bắt chước.

渚 泣 詩 虐 別 包 蓁.
Nước xuôi thơ ngược biệt bao giờ.

謝.
Ca.

才 悶 悶 戚 掌 午 昂.
Tài mọn mọn nên làng ngơ ngang.

探 花 恫 僥 幅 龍 章.
Thám hoa mừng thấy bức long chương.

啞 聖 咳 勾 勾 玉.
Nhỏi thánh giậy câu câu ngọc.

筆 神 排 字 字 香.
Bút thần bay chữ chữ hương.

仍 拉 梅 青 籠 式 雪.
Nhưng rắp mai thanh lồng thức tuyết.
芾 咍 靠 愛 煲 唏 陽.
Nào hay cỏ ấy bén hơi dương.
壽 恩 礙 傑 恩 礙.
Vua ơn nặng thay ơn nặng.
唷 托 辰 群 鑿 到 昌.
Dầu thác thì còn tạc đến xương.

自述
Tự thuật.

覇 默 分 蟫 埃 皮.
Giàu mạc phận khó ai bì.
度 清 閒 倚 一 而二.
Độ thanh nhàn ỷ nhất nhị.
嗉 嚼 勾 詩 愛 喻.
Vếu váo câu thơ cũ dịch.
熙 呵 盞 爾 興 廅.
Hê ha chén rượu hăng ê.
膝 清 邊 沫 畧 相 哉.
Giăng thanh gió mát lai tương thức.

61a

諾 碧 嫩 撑 仄 故 知.
Nước biếc non xanh ấy có tri.

世 事 堆 狐 油 世 事.
Thế sự đôi co dư thế sự.

撿 空 汰 汰 極 公 之.
Giữ không thấy thấy chẳng công chi.

憶 友.
Ức hữu.

秋 靜 歪 斜 隻 鴈 淵.
Thu tĩnh gió tà chiếc nhạn khơi.

懍 愴 忙 忙 仇 賒 敉.
Cảnh niềm xưa nhớ kẻ xa xôi.

揩 琴 怲 披 宮 流 水.
Ôm cầm biếng gảy cung lưu thủy.

捌 卷 愴 吟 曲 遠 怀.
Rõ quyển buồn ngâm khúc viễn hoài.

塊 鎖 坳 桃 鴿 嘲 柬.
Khói tỏa nội đào chim gáy thốc.

潮 登上 淩 柳 留 扛 鼠.
Chiều giăng bến liễu dịch giăng dai.

客 呢 覓 恼 庄 些.
Khách nói nao buồn chẳng tá.
咍 底 恼 尼 固 沒 埃 ㄚ.
Hay để buồn này có một ai.

柳 營.
Liễu doanh.

冷 汀 恼 之 盎 墜 坡.
Lạnh leo vui chi đám cỏi bờ.
措 罢 域 淄 救 民 踈.
Chở lã việc nước cứu dân thơ.
南五 更 邊 嗯退 揀 昆 搏.
Nam canh gió thổi lay côn vác.
疑千 黮 霜 翫 淡 蓦 旗.
Nghìn dặm sương bay đượm lá cờ.
器先 肯 萌 腮 怪 匝 匝.
Cuốc cật mạnh tai mang tới tới.
連 頭 斤 雪 鉑 披 披.
Trên đầu cân tuyết bạc phơ phơ.
今 傷 悉 衆 彭 辛 蓥.
Chỉn thương lòng chúng nhiều cay đắng.

双 秩 如 春 盥 邏 絲 小
Song việc nhà vua giám tóc tơ.

618.

敎 逸.
Dạy dỗ.

空 如 固 固 如 空.
Không như có có như không.
免 戈 夏 免 崙 冬.
Miễn qua hạ miễn luôn đông.
富 貴 芹 勾 嚴 - 子.
Phú quí cần câu Nghiêm - tử.
功 名 猥 馱 塞 翁.
Công danh con ngựa Ải - ông.
寧 清 閒 眙 似 玉.
Thư thanh nhàn xem tựa ngọc.
塘 奔 走 弭 朋 氈.
Đường bôn tẩu nhẹ bằng lông.
仍 免 賤 唏 耨 卒
Những miễn dai hời nau tốt.
身 賴 爭 悳 固 盡 終 小
Thân riêng đã cậy có giời chung.

賭 博
Đổ bác.

衆中	干	棋	鉑	宴	多	端.
Trong	cỏn	cờ	bạc	thức	đa	đoan.
拯	余	瑄	崇	仍	吝	奸.
Chẳng	mấy	nghe	sòng	nhưng	lận	gian.
鼻	粗	猥	顛	怜	揀	鉎.
Rễ	mạt	con	đen	lừa	đóng	sống.
愜	粞	廊	覿	鴬	搞	乾.
Cậy	tay	làng	đỏ	sướng	vơ	càn.
少	巴	両	亜	蘇	苔	鑲.
Thiếu	ba	lạng	đã	to	đầy	nén.
囤	點	銭	哏	楚	洗	貫.
Có	bấy	tiền	rằng	đủ	một	quan.
埃	乃	仃	調	蘇	辜	土.
Ai	nấy	đứng	điều	to	trái	thổ
狩	朱	土	呵	買	侯	懪
Giữ	cho	thổ	khá	mới	hầu	toàn.

一 水.
Nhất thủy.

62 a

劳	劳	逊	腔	刎	挞	怃.
Lao	lạo	ngoài	lưng	vẫn	chẳng	ngõ.
襫	胖	鑌	奄	吋	包	緣.
Túi	cơn	vàng	đã	thởn	bao	giờ.
惜	牟	渚	竫	和	沖	汙.
Tiếc	mãi	nước	tưng	hoà	trong	leo.
底	幅	巾	蘇	浪	濁	濫.
Đế	bức	khăn	tô	cần	dục	lỗ.
猶	餖	之	朱	胖	菓	噤?
Khỉ	đói	chi	cho	cơn	quả	héo.
貓	嗽	牢	慆	咽	腩	乘.
Mèo	thèm	sao	giời	miệng	nem	thừa.
玉	陀	固	疝	埃	恍	女.
Ngọc	đã	có	vết	ai	mang	nữa.
坳	瀆	坤	寒	別	慗	諸.
Nơi	lỗ	khôn	hàn	biết	thẹn	chừa.

答.
Đáp.

奄	吋信	吁	叭	嗋	女兼	与.
Đã	tin	xin	bắt	tiếng	hiềm	nghi.

潲	洒	包	穅	沫	閉	穅。
Mưa	rươi	bao	giờ	mát	bầy	giờ。
劇	別	双	它	群	院	院。
Sớm	biết	song	đa	cõn	vẹn	vẹn。
憫	悄	穢	拔	器	瀘	瀘。
Muốn	quên	nên	nỗi	khí	lờ	lờ。
愩	艚	雖	罽	仍	群	苦。
Tranh	tàu	tuy	cũ	nhưng	cõn	
香	芒	停	贊	可	管	乘。
Hương	mang	danh	thơm	khá	quản	thuả。
認	曰	心	之	唉	吃。	
Nhận	viết	lãm	chi	hãi	hót。	
余	得	如	若	透	能	諸〻
Mấy	người	như	nước	thấy	hay	chửa。

七　出。
Thất xuất。

月	老	碧	箕	窖	悚	斤。
Nguyệt	lão	xưa	kia	khéo	vụng	cân。
心	之	叼。	鳴	辱	精	神。
Lãm	chi	léo	nhéo	nhục	tinh	thần。

62 B.

三 從 戳 娘 免 磊.
Tam tùng thước nàng tã lỗi.
七 出 吟 劇 英 買 分.
Thất xuất nay dậy anh mới phân.
館 楚 默 埃 賞 月.
Quán Sở mặc ai thưởng nguyệt.
宮 秦 極 禁 遡 春.
Cung Tần chẳng cấm chơi xuân.
徐 吟 南 北 分 堆 我.
Tư nay nam, bắc phân đôi ngả.
沃 幅 離 書 放 外 人.
Một bức ly thư phóng ngoại nhân /.

答.
Đáp:

扎 咳 堆 些 義 免 斤.
Căng hỏi đôi ta nghĩa tã cân.
說 嚂 極 慌 固 靈 神.
Thuyết thề chẳng hồ có linh thần.
粿 穷 沙 伴 与 對 合.
Cuốc cùng lâm bạn ngõ sau hợp.

劇 俸 瞳 埃 女 急 分.
Dậy bổng nghe ai nữ kíp phân.
還 諾 脆 扎 油 薄 義.
Mấy nước giạ chăng dư bạc nghĩa.
葛古 花 朝 妾 唉 朝 春.
Cô hoa chiều thiếp hai chiều xuân.
別 兜 奄 駙 兜 欣 女.
Biết đâu đã nể đâu hờn nữa.
麽 重 新 人 負 尚 人 y.
Mà trọng tân nhân phụ cựu nhân.

63 a

元 帝 卽 位.
Nguyên đế tức vị.

炎 劉 垂 翳 運 重 光.
Viêm Lưu giữ nỡ vận trùng quang.
巍 宝 碧 踏 撫 畢 方.
Ngôi báu xứa giẫy vỗ bốn phương.
捽 蝶 觔 阿 声 隶 芳 諾.
Tuốt vó gươm a thuỡng thề nước.
添 蹎 嫩 泰 侃 甌 鑌.
Thêm chân non thái vững âu vàng.

中 朝 攸 襖 殿 楓 審.
Trung triều duỏ áo điện phong thẩm.
逦 墺 迎 腮 啫 德 嗥.
Ngoài cõi nghiêng tai tiếng đức vang.
航 海 梯 山 調 拱 服.
Hàng hải thê sơn điều củng phục.
凌 乱 嫌 沒 焠 胡 羌 ɣ.
Lăng loạn hiềm một chút Hồ Khương.

天 下 太 平.
Thiên hạ thái bình.

瑞 應 怙 鐥 順 邊 霈.
Thụy ứng đêm lạnh thuận gió mưa.
唐 虞 枕 吏 泰 和 碧.
Đường Ngu đem lại thái hoà xưa.
钟 至 占 占 區 鑞 達.
Giữa giời chem chẻm âu vàng đặt.
參 墺 滿 滿 燔 玉 拋.
Cám cõi lấu lấu đuốc ngọc phao.
隘 燧 熄 狼 空 女 抉.
Ải tắt khói lang không nữ quét.

波 清 楼 蜃 滂 如 詞.
Bê thanh lâu thận phẳng như tơ.

箋 安 余 仉 怗 趫 戮.
Ê yên mấy kẻ lo nghẽo trước.

性 渚 恚 遷 烺 拯 除 ɣ.
Tính nước lòng mây dại chẳng chừa.

帝 問 左 右.
Đế vấn tả hữu.

63 B.

森 離 区 今 却 心 得.
Trăm năm ấy chữ hiệp lâm người.

迸 約 矜 慚 院 奇 迸.
Mười ước nay mừng vẹn cả mười.

茂 治 兵 陀 餗 怜 搏.
Đời trị binh đã vai nghỉ vác.

時 平 民 吏 眠 惔 愃.
Thời bình dân lại giấc êm ngủ.

權 衡 唆 吶 囉 迸 坦.
Quyền hành lừng lẫy ran mười dặm,

困 法 榮 邦 驥 妗 歪.
Khuôn phép vinh vang rộng chín giời.

養 以 鞘 諸 平 志 朕.
Dưỡng ấy sao chửa bằng chí trẫm.
嘼 慍 憲 朕 默 舖 的 ½
Giúp vui lòng trẫm mặc phô người.

左 右 奏 帝.
Tả hữu tấu đế.

混 圣 之 底 隆 暘 圣.
Con giời chí để lường ngày giời,
慍 周 夷 欣 趣 味 得.
Vui có gì hơn thú vị người.
舞 榭 擇 埋 仙 嶽 洞.
Vũ tạ muá may tiên dưới động.
詩 歌 喋 讀 客 遠 萊.
Thơ ca vang người khách trên đưa.
玉 擄 鼠 卒 輸 味 呅.
Ngọc so vẻ tốt thâu mùi ngát.
花 聘 朝 清 劍 調 嗛.
Hoa sánh chiều thanh kém điệu cười.
戒 學 戮 箕 潟 聖 智.
Nên học trước kia với thánh trí.

斟 斤 堵 澡 汶 腌 遡 ɣ.
Nghĩn cân đổ tháo một đêm chửi,

選 取 宮 女.
Tuyển thú cung nữ.

詔 蔣 南 瀍 規 膴 紅.
Chiếu xuống nam mây kiến má hồng.
帶 歪 埃 鼜 監 諱 鼀.
Dưới giời ai rẻ giám khoe lưng.
唁 鞠 書 雪 跲 閇 黕.
Tin sao thư tuyết giong muôn dặm,
64a 粔 泊 眉 光 揲 教 宮.
Một bạc mi quang chọn sáu cung.
例 鼸 湯 文 仃 湟 紙.
Lệ cũ Thang, Văn dành nết giấy
鬨 磬 絑 紂 疋 膛 銅.
Gương xưa Kiệt, Trụ dã tanh đồng.
長 歌 糌 醒 魂 蝴 蝶.
Trang ca chưa tỉnh hồn hồ điệp.
御 柳 噉 鬉 陣 朔 風.
Ngự liễu dun mềm trận sóc phong ɣ.

王嬙奉詔登程.

Vương. Tường phụng chiếu đăng trình.

鳳詔嘵腮嗜嚣鑕.
Phượng chiếu vang tai tiếng giới vang.

車鑾嘐嗜跕培蓮塘.
Xe loan giống giả vội lên đường

湯遷閔黮棋貯愴.
Thang mây muốn dặm kẻ gần gửi

宮桂斬重夾舉學.
Cung quế nghìn trùng giáp tắc gang.

花柳敖宮濶國色.
Hoa liễu sáu cung nhuần quốc sắc.

綺羅南五式淡天香.
Ỷ la năm thức đượm thiên hương.

波濤監砑唖鐳與.
Ba đào giám ngại nhỏi lãnh dư.

率土穹倅汶剿王.
Suất thổ cùng tòi một cuả vương.

王嬙入宮.

Vương. Tường nhập cung.

硬 徐 蔡 鞚 細 如 鑲.
Trai tư leu co toi nhã vang.
匡 樸 軸 躺 特 澹 鼾.
Khuông phác trong minh dược gọi Sang.
殿 桂 噭 啐 鮮 鉌 月.
Điện quế xon xao tươi vẻ nguyệt.
房 椒 燶 拿 嗯 味 香.
Phòng tiêu nồng nã mùi hương.
彈 鸞 諸 撼 歌 長 樂.
Dan loan chửa giải ca trang lạc.
瞰 蝶 涂 踐 帳 未 夾.
Giấc điệp thêm dai trường rủ ủng.
迎 渚 余 才 當 色 渚.
Nghiêng nước mấy tai dường sắc nước.
款 宮 慬 分 慵 憍 翥 ⁄.
Sau cung tư phận then thùng giường.

延 壽 畫 圖.
Diên-Thọ hoạ đồ.

南 斻 楠 摹 汜 塵 張.
Nam ngan mặt mạc di trần trương.

延 壽 怨 夷 負 阯 王.
Diên. Thọ oán gì phụ họ Vương.

漱 粉 蚵 哏 扣 分 箔.
Nhạt phấn hà răng đeo phận bạc.

泯 粦 為 餒 劍 銅 鐄.
Phai son vì nõi kém đồng vang.

玉 招 厝 最 坤 垠 創.
Ngọc gieo xó tối thôn ngân sáng.

蘭 揗 酳 淶 拱 燼 香.
Lan dấu hang sâu cũng tỏ hương.

唐 突 西 - 施 它 當 罪.
Đường lội Tây - Thi đã đáng tội.

箕 埃 捾 蛤 事 群 姜.
Thìa ai vẽ rắn sự còn gương".

宮 女 圖 成.
Cung nữ đồ thành.

丹 青 斫 軸 進 墀 蟲.
Đan thanh nghìn trục tiến đền rồng.

為 餒 嬋 娟 動 九 重.
Vì nõi thuyền quyên động cửu trùng

鬢 柳 嫋 得 添 式 綠.
Mây liễu nhiều người thêm thức lục,
膚 桃 嚐 仉 摸 牟 紅.
Má đào ghê kẻ mượn mầu hồng.
頓? 怯 姦 鍥 緘 扛? 膿.
Đôn yêu trăm vẻ nên trong bụng
啅 啊 斬 斤 渚 称 憃.
Thắc dâu nghĩn cân chứa xứng long.
國 士 極 為 為 國 色.
Quốc sĩ chẳng vì vì quốc sắc.
胡 塵 戾 女 塔 花 宮.
Hồ trần lệ nữa tháp hoa cung.

65a

宮人獻寵.

Cung nhân hiến sủng.

黜 春 蝓 蚿 噹 咨 嘢.
Bởi xuân ong, bướm giạo tin thăm.
則 炆 香 歪 亜 約 林.
Gần bén hương giời phỉ ước lâm.
吟 稱 箕 埃 哪 賞 吡.
Ủa mặt kia ai vâng thưởng giúc

嗮 緣 怒 仉 特 頒 吮.
Dầu duyên nọ kẻ được ban thẩm.
唱? 唻? 泊 母 与 勾 泊.
Nhờ nhang bạc mẫu nghĩ câu bạc.
給? 錦? 沱 枟 揾 語 沱.
Cấp cẩm chăm tre vấn ngỡ chăm.
女 底 廣 寒 幽 暗 佘.
Nở để quảng hàn u ám mấy.
剋 遷 埃 援 粎 胶 森 ./.
Tắc mây ai vén mặt giăng rằm.

王 嬙 失 寵.

Vương. Tường thất sủng.

墺 鑲 剋 剋 佘 吝 遷.
Đến vàng gang tắc mấy lần mây.
粎 襖 南 五 更 渃 眛 浩.
Tay áo năm canh nước mắt đầy.
春 紐 恆 瞲然 花 酒 粎.
Xuân tới biếng nhìn hoa giải mặt.
秋 徜 慖 僥 柳 珠 鬱.
Thu về thẹn thấy liễu châu mày.

? ? 悵 鸞 魂 虯 汐.
trường loan hồn bườm vấn.

林 鵲 已 為 隻 鷹 戀.
Cấu thước bỏ vơ chiếc nhạn bay.

傷 咍 紅 顏 願 免 磊.
Thương như hồng nhan nguyện dã lỗi.

閣 藤 恢 遺 仍 埃 為.
Các đằng nhỏ gió nhủng ai vậy.

單 于 求 親.
Thuyền - vu cầu thân.

658. 漢 胡 徐 睏 定 通 家.
Hán, Hồ từ thuở định thông gia.

擔 崗 嚂 滝 義 講 和.
Eo núi thề sông nghĩa giảng hoà.

秦 晉 緣 恰 通 隘 使.
Tần, Tấn duyên ưa thông ải sứ.

北 南 約 貓 揮 干 戈.
Bắc, nam ước cũ sắp can qua.

吒 陳 磊 限 謀 猥 難.
Hỡ Trần lỗi hẹn mưu con trẻ.

妈 呂 招 書 嗳 織 靴.
Gái Lã giao thư giới tuổi giả.
天 子 肯 聽 通 苗 約.
Thiên tử chẳng nghe thông cựu ước
沒 歪 歐 罕 沒 書 車.
Một giới âu hãn một thư xa.

元帝和親.

Nguyên đế hoà thân.

漢 胡 爛 業 順 天 人.
Hán, Hồ mở nghiệp thuận thiên nhân.
閂 諾 群 瞳 路 諾 則.
Muôn nước còn trông lọ nước gần.
劉 - 敬 嘆 徐 登 砠 奇.
Lưu - Kính nếu từ giảng chước cả,
高 皇 智 拱 遣 和 親.
Cao hoàng xưa cũng khiến hoà thân.
參 荒 約 券 森 南 年 褸.
Cám dỗi ước khoán trăm năm lẻ.
沒 綿 車 書 罕 波 春.
Một mối xa thư bốn bể xuân.

況 朕 矜 哪 垾 攝 嬰 猫.
Huống trẫm nay vâng nên nếp cũ.
女 之 徹 教 狹 藩 臣.
Nữ chi thanh giáo hẹp phiên thần ;

帝 諭 王 嬙 嫁 胡.
Đế dụ Vương-Tuồng giá Hồ.

漢 胡 厝? 憫 撋 羸 塘.
Hán, Hồ thố muốn vẹn trăm đường.
蚵 朕 偏 私 囿 負 娘.
Hà trẫm thiên tư có phụ nàng.
北 國 雖 哏 逌 異 俗.
Bắc quốc tuy rằng ngoài dị tục.
王 庭 双 拱 沒 边 方.
Vương đình song cũng một biên phương.
餈 低 杏 橎 戚 梅 潳.
Bơ dây hạnh thắm nên mai nhạt.
衛 帝 蓮 錢 掇 草古 香
Vệ đấy liên tiền rưới cỏ hương.
嫩 諾 管 之 賒 戈 意.
Non nước quản chi xa rặc ấy.

66 a

爐 辰 衣 鉢 仕 還 鄉.
Rỏ thì y bát sẽ hoàn hương.

王 嬙 拜 謁.
Vương - Tường bái yết.

辞 難 坤 咍 役 君 王.
Từ nan khôn chơi việc quân vương.
唯 唯 添 劾 餒 斷 腸.
Rời rỗi thêm đau nỗi đoạn trường
坎 儉 簷 頭 逆 陛 王.
Khóm nóm cúi đầu ngoài bệ ngọc.
慚 憔 罢 麵 靸 如 鑌.
Chẹn thung la mặt trước nhã vàng.
麵 花 嗹 嗹 兼 扣 雪.
Mặt hoa đuội đuội dường đeo tuyết.
眉 柳 油 油 傑 鴣 霜.
Mày liễu dầu dầu dáng ủ sương.
酪 灤 番 凡 春 女 負.
Hàng thảm phen này xuân nỡ phụ.
悉 葵 坤 別 向 術 陽.
Lòng quì khôn biết hướng vì dương.

王嬙容貌.

Vương-Tường dung mạo.

沒 蝶 憐 貼 沒 惱 懷.
Một vẻ nhìn xem một não nùng.

香 垂 坤 摳 鄂 遽 籠.
Hương giời khôn giấu dưới mây lồng.

麵 吹 春 色 花 羞 朵.
Một xuy xuân sắc hoa ngàn đoá.

眉 柳 秋 声 月 羞 鋑.
Mày liễu thu thanh nguyệt nửa vòng.

鮓 玘 鴈 沙 憫 膞 粉.
Cá nhảy nhạn sa mùng mát phấn.

桃 派 柳 塢 慵 裙 紅.
Đào phai liễu ủ thẹn quần hồng.

衝 欺 愁 慼 群 羙 仪.
Trong khi sầu tủi còn dường ấy

66 B

喋 柳 嗔 梅 嗞 拯 穷.
Cột liễu cười mai khe chẳng cùng.

帝問王嬙.

Đế vấn Vương-Tường.

躡 玉 寬 寬 淡 猪 鞴.
Gót ngọc khoan khoan dượm giờ giấy.
傷 喪 鞘 塞 遷 遇 台.
Thương ôi sao khéo lạ lùng thay.
碧 鞘 澁 粉 泐 香 仪.
Xưa sao nhạt phấn phai hương ấy.
劙 俸 嘯 花 懺 月 尼.
Sớm bổng chường hoa chán nguyệt nay.
春 芷 躡 頭 包 織 褸.
Xuân chúm gót đầu bao tuổi lẻ.
墽 鑕 朝 喳 仝 秋 迟.
Đến vàng châu chực mấy thu chầy.
九 重 矜 奄 則 剛 則.
Cửu trùng nay đã gần gang tấc.
嘫 寔 愴 丹 朕 特 記 /.
Giải thực niềm đơn trẫm dược hay.

王 嬙 奏 答.
Vương - Tường tấu đáp.

仝 餒 磬 黏 盬 嘫 芾.
Mấy nỗi Xưa sau giám giải nào.

事 尼 西 襪 黜 払 毛.
Sự này tây tuí bỏi chang Mao.
脽 喬 对 淡 得 鑵 覿.
Mỏi Son dối duịm người vang đo,
分 蒲 撥 朱 客 膰 桃.
Phận bạc giun cho khách má đào.
台二 叅八 慚 扫 旬 月 缺.
Hai tám thẹn lao tuần nguyệt khuyết.
巴 秋 隘 遖 霍 灺 滈.
Ba thu lưỡng chục bóng đeñ khao.
天 陽 嗐 拯 燸 圯 屘.
Thiên dương vi chẳng Soi nỏi khuất.
鞐 内 花 閒 分 別 鞘 ㄐ.
Cỏ nội hoa nhàn phận biết Sao.

帝 喜 王 嬙.

Đế hỉ Vương - Tường.

廣 寒 徐 燦 燧 媗 娥.
Quảng hàn tư tỏ giải hằng nga,
湿 湿 唏 香 淡 襖 綵.
Thấp thấp hỏi hương duịm áo là.

宮 桂 慵 怳 醒 瞰 蝶.
Cung quế mơ màng say giấc điệp.
帳 春 迎 囂 聘 牟 花.
Trướng xuân nghiêng ngửa sánh mâu hoa.
南 更 烟 糊 巴 秋 月.
Năm canh đến sáng ba thu nguyệt.
萬 壽 脂 遲 余 曲 歌.
Vạn thọ đêm chầy mấy khúc ca.
汶 刻 斗 鐫 坤 拭 特.
Một khắc nghìn vàng khôn đổi được.
銅 龍 容 約 演 更 鷄.
Đồng long khách ước diễn canh gà.

王 嬙 謝 母.
Vương Tường tạ mẫu.

君 親 台 揀 碾 朋 嫩.
Quân thân hai gánh nặng bằng non.
沛 道 碎 辰 慨 道 猥.
Phải đạo tôi thời lỗi đạo con.
分 泊 諸 垣 功 厚 載.
Phận bạc chửa đền công hậu tải.

67 a

塘 賒 添 少 禮 承 歡.
Đường xa thêm thiếu lễ thừa hoan.
覽 融 怜 穿 至 高 岦.
Thấy trong chén chữ gửi cao ngất.
憐 餧 堆 方 膞 烤 燔.
Thạnh nỗi đòi phương miệt héo hon.
祝 壽 唉 吁 添 徐 壽.
Chúc thọ hay xin thêm thê thọ.
浦 珠 固 睬 吏 鄉 閑 小.
Phố châu có thuở lại hương quan.

67 B.

王 嬙 出 宮.
Vương - Tường xuất cung.

辞 嗜 碧 數 潛 屬 唑.
Từ giã xưa sau chửa hết nhời.
墡 花 娘 𠓨 練 頭 移.
Thêm hoa nàng đã rén chân rời.
遷 闌 宮 桂 巴 更 月.
Mấy trăn cung quế ba canh nguyệt.
邊 簇 旗 旄 仝 黕 至.
Gió thốc cờ mao mấy dặm giời.

閬 - 苑 春 殘 唯信 燕 捲.
Lãng - uyển xuân tàn tín én giải.
衡 陽 嫩 濕 隻 鴻 溝.
Hành - dương non thấm chiếc hồng khơi.
銀 河 隔 阻 群 蕃 合.
Ngân hà cách trở cõn phen hợp.
胡 漢 堆 方 別 尒 哉 !
Hồ, Hán đôi phương biệt mấy tơi.

母 慰 王 嬙.
Mẫu úy Vương - Tường.

北 南 坤 掣 餒 泠 汀.
Bắc, nam khôn xiết nỗi lênh đênh.
抔 吏 弦 添 縕 事 情.
Nhỉ lại càng thêm rối sự tình.
雖 裕 梅 粧 霜 拯 管.
Duy gốc mai giá sương chẳng quản.
傷 茉 柳 要 曝 包 惇.
Thương chồi liễu yếu nắng bao đành.
城 胡 泠 汀 猥 閧 黮.
Thành Hồ lạnh leõ con muỗn dậm.

奎 漢 已 為 婇 汶 騶.
Giới Hán bỏ vợ mẹ một mình.
邇 帝 沛 隨 跣 灘 帝.
Sang đấy phải tuỳ theo thói đấy.
台二 朝 拱 特 顯 尊 榮. v.
Hai triều cũng được hiển tôn vinh.

王 嬙 登 程.
Vương - Tường đăng trình.

踣 鑌 北 使 曰 唸信 邇.
Vội vàng bác sứ nhật tin sang.
汶 段 相 思 余 跐 塘.
Một đoạn tương tư mấy bước đường.
悅 主 黤 棵 車 吝 橋.
Mến chuá dặm hoe xe lắn quất.
恠如 茹 塘 杏 馭 踁 跐江.
Nhớ nhà đường hạnh ngựa giềnh giang.
燕 筵 雪 元 奎 閧 丈.
Yến duyên tuyết ngật giới muôn trượng.
句: 注 霜 淋 月 姅 姜 v.
Câu chú sương lâm nguyệt nửa giường.

68 B.

丿 猪 瞳 澄 京 國 鼂.
Phút giờ trông chừng kinh quốc cữ.
膟 蚕 肝 獧 湟 恭? 漿 y.
Ruột tằm, gan vượn nát cung tường

王 嬙 出 塞.

Vương. Tường xuất tái.

關 山 斬 黮 隔 嫩 滝.
Quan san nghìn dặm cách non sông.
馭 对 淫? 鑌 碍 騞 駃.
Ngựa đối dầm vàng ngại nước giòng.
帳 月 冷 凊 城 不 雨
Trướng nguyệt lạnh lùng thành bát vũ.
旗 旄 抹 擄 隘 無 風.
Cờ mao lay lỗ ải vô phong.
琵 琶 余 曲 愁 朋 波.
Tỳ bà mấy khúc sầu bằng bể.
縲 綺 巳 更 冷 女 銅.
La ỷ ba canh lạnh nữa đồng.
塖 漢 罵? 誇 才 制 衽.
Tới Hán mà khoe tài chế ngự.

干 城 帝 令 麵 英 雄 y.
Can thành nào mày mặt anh hùng.

王 嬙 怨 朝 廷
Vương. Tường oán triều đình.

物 之 獗 鞑 監 唆 亂.
Vật gì mường. cổ giám lăng loạn.

歐 罕 韋中 朝 巫 仉 頑.
Âu hãn trong triều il kẻ ngoan.

相 覓 書 胡 文 破 胆.
Mặt thấy thư Hồ văn phá đởm.

腮 瑄 樂 北 武 慼 肝.
Tai nghe nhạc bắc vũ run gan.

腾 芠? 隘 底 餧 讐 殼.
Mỡ văn lường để nuôi thù khấu.

塭 潼 帝 咍 搭 隘 關.
Bùn lòng nào hay đắp ải quan.

68 B 域 渚 嘻 咄 才 衛, 霍.
Vực nước vì dù tài Vệ. Hoắc.

腥 灰 之 底 累 紅 顏 y.
Tanh hôi chi để lụy hồng nhan.

王 嬙 怨 江 山.
Vương Tường oán giang sơn.

蹺 戈 黯 柳 硬 廊 槐.
Cất qua dậm liễu trải lang giêu.
愁 質 嫩 滝 礫 沒 歎.
Sầu chất non sông nặng một bầu,
深 玉 台 行 滇 波 慘.
Giọt ngọc hai hàng chan bể thảm
眉 珠 堆 崬 戛 城 愁.
Mày châu đôi đính giật thành sầu.
藍 坡 碍 覽 濕 撑 粗.
Lam pha ngại thấy dành xanh mặt,
漣 沒 添 怗 砂 泊 頭
Mây nổi thêm lo đá bạc đầu.
漁 笛 樵 歌 兜 哮 唯.
Ngư địch, tiều ca đâu giọng nỉ.
边 腮 同 望 嘴 韶 嗷.
Bên tai đồng vọng tiếng thiều tấu.

王 嬙 入 胡 宮.
Vương Tường nhập Hồ cung.

風 景 他 鄉 今 還 遥.
Phong cảnh tha hương chỉn lạ lùng.
蹐 鞜 銀 砧 睍 包 宮.
Gót giầy ngân ngại thuở vào cung.
帳 氈 驚 這 殿 沙 漠.
Trướng chiên kinh giá đến Sa mạc.
歌 聲 喏 腮 陣 朔 風.
Ca rợ nhầm tai trận Sóc phong.
花 柳 嗤 吟 緣 押 枉.
Hoa liễu cười ngâm duyên ép uổng.
諾 嶽 慊 愷 分 竜 冬.
Nước non vui gượng phận long đong.
香 垒 坤 煲 膩 汝 仪.
Hương giời khôn bén tanh nhơ ấy.
芟 薑 爹 帝 唉 化 工.
Cay đắng dường nào hỡi Hoá-công.

69 a

王 嬙 自 嘆.
Vương-Tường tự thán.

柳 鬟 坤 愷 陣 東 風.
Liễu mềm khôn gượng trận đông phong.

嘆 咀 吊 埃 仉 透 穷.
Than thở nào ai kẻ thấu cùng.
嗆 悯 悬 狼 鳩 遺 與.
Ngậm giận lòng lang cưu thói dữ.
吏 傷 分 薄 累 裙 紅.
Lại thương phận bạc luỵ quần hồng.
愁 春 極 管 花 瘨 瘍.
Sầu xuân chẳng quản hoa gầy gạc.
刀 雪 朱 戚 玉 冷 凊.
Dao tuyết cho nên ngọc lạnh lùng.
身 妈 滂 黴 包 擘 嘖.
Thân gái bụt bẽo bao xiết kể.
惜 台 恩 漢 礫 斉 重 /.
Tiếc thay ơn Hán nặng nghìn trùng.

憶 漢 伯 情
Ức Hán tự tình.

鼆 澄 宮 漢 余 重 賒.
Trông chừng cung Hán mấy trùng xa.
唯 唯 隊 覚 悶 膞 舵.
Rõ ràng tỏ nào quặn ruột đau.

襘 鳳 諸 怳 朝 捋 玉.
Gối phượng chùa khuây chiều tựa ngọc.

褪 鸞 群 躅 戢 印 花.
Chăn loan cuỗn mải giấc in hoa.

方 嘔 論 沒 仃 徐 雞.
Đức yêu trọn một đành từ trẻ.

義 拯 敷 台二 毛 決 鞾.
Nghĩa chẳng thờ hai dạ quyết già.

咄 恩 主 胡 悬 押 枉.
Dù nhắn chúa Hồ lòng ép uổng.

鑲 紆 鉄 勁 監 差 訛 1.
Vàng bền sắt cứng giám sai ngoa.

王 嬙 自 剄.
Vương Tường tự vẫn.

69 B.

唫 悯 腥 灰 淮 不 毛.
Ngậm giận tanh hôi chốn bắt mao.

滦 鑲 戚 累 客 踈 桃.
Suối vàng nên luỵ khách thờ đào.

黃 樑 沒 幅 紳 繯 撸.
Danh lường một bức khăn lã dứ.
Hoàng

捧 月 巴 更 膊 桂 高.
Phủng nguyệt ba canh bóng quế cao.
鼜 兎 冷 凊 慔 帳 錦.
Giường tã lạnh lùng nỏ trướng gấm.
珠 群 咱 說 滝 綟 袍.
Châu cũn thính thót hoẻn la bào.
蚵 傷 節 玉 肝 鐄 伊.
Hà thương tiết ngọc gan vàng ấy.
俾 漢 坐 貼 粗 鼾 节.
Cơ Hán ngồi xem mặt mũi nào.

單 于 嘆 惜.
Chuyên vu thán tích.

玉 湟 珠 沉 兎 丕 時.
Ngọc nát chầu chìm tã vậy thì.
初 暝 拯 別 別 心 之.
Xưa ngày chẳng biết biết lấm chi.
仍 咍 秋 月 鶉 隊 腩.
Những hay thu nguyệt tròn đòi tháng.
拯 悯 春 花 妛 固 期.
Chẳng biết xuân hoa nỡ có kỳ.

盃 搏 佘 胡 鞠 蒲 閔.
Bôi bác may Hồ sao bạc mấy.
汝 瞳 術 漢 仍 緣 之.
Nhớ trông về Hán những duyên chi.
森 分 傷 杓 斬 分 惜.
Trăm phần thương nghĩ nghĩn phần tiếc.
蜀 帝 堪 吊 化 子 規.
Thục - đế kham nào hoá tử - quí !.

元 帝 嘆 想.
Nguyên đế thán tưởng.

哀 怨 徐 聝 鬧 北 边.
Ai oán tứ nghe giản bắc biên.
傷 哀 疥 疱 唋 婵 娟.
Thương ôi đau đớn nhỉ thuyền quyên.
押 緣 塒 竫 胡 陀 惟.
Ép duyên ngồi đứng Hồ đà quấy.
杓 餧 源 千 衆 甚 閒.
Nghĩ nỗi nguồn cơn chứng thậm nhân.
奇 邋 貝 舵 棲 葛 勁.
Cà gió mới hay cây cỏ cứng.

70 a

包 炤 婷 別 飭 鑲 紆.
Vào lò danh biệt sức vàng bên.

却 尼 兎 丕 黏 油 退.
Thiếp này đã vậy sau dù gặp,

蒲 吏 朱 鯩 隻 莫 緣.
Bồ lại cho trọn chếch mác duyên.

二 宮 女 痛 情.
Nhị cung nữ thống tình.

忸 暱 碧 穷 剞 聖 王.
Nhớ thuở xưa cùng cửa thánh vương.

感 情 歉 伴 閉 餓 霜.
Cảm tình bấu bạn bấy nhiêu sương.

胖 扣 恩 登 融 灵 府.
Còn deo ân ơ trong linh phủ.

俸 猪 鞋 蛲 閩 陈 方.
Bổng giờ hài theo giấu trác phương.

滔石 瀋 女 吹 沉 鄧 玉.
Suối thẩm nở xui chìm tiết ngọc.

歪 撑 易 遣 掛 肝 鑲.
Giữ xanh dễ thiện dời gan vàng.

油 和 丙 塊 塵 間 女.
Dư hoà biềng cõi trần gian nữa.
如 膦 群 咏 氣 太 陽.
Như bụng còn e khí thái dương.

放 詔 追 贈.
Ban chiếu truy tặng.

鼜 鬻 為 沒 客 紅 裙.
Về nay vì một khách hồng quần.
嗷 呅 名 簪 透 於 吝.
Ngào ngạt danh thơm thấu chín lần.
勅 玉 封 𠊚 數位 上 等.
Sắc ngọc phong lâm ngôi thượng đẳng.
憃 鑌 垣 捌 義 忠 君.
Lòng vàng đền thửa nghĩa trung quân.
焰 香 賒 達 閂 栽 庙.
Lửa hương xa đặt muôn dời miếu.
鼢 奉 則 頒 各 總 民.
Thờ phụng gần ban các tổng dân.
碎 漢 娶 油 戈 帝 覽.
Tôi hán sau dư qua đấy thấy.

迎 帩 瞻 相 跷 蹟 跕 .
Nghiêng du ghé mắt rảo chân mau.

附 王 嬙 墓 十 首 .

Phụ Vương - Tường mộ thập thủ .

其 一 .

Kỳ nhất

溮 塢 粧 臺 垃 霦 銅 .
Mây ủ trang đài lấp bóng gương .
愁 花 慬 月 陣 慲 恍 .
Sầu hoa tủi nguyệt trận mờ mang .
渭 陵 閂 汏 緣 斂 退 .
Vị lăng muôn một duyên may gặp .
粗 鼾 吊 春 吏 覽 娘 .
Một mũi nào vua lại thấy nàng .

其 二

Kỳ nhị

邋 鐄 蔣 用 魄 虜 女 .
Gió vàng lái dụng hồn Ngu nữ .
波 泊 珠 沉 白鬼 媚 娘 .
Bể bạc châu chìm phách Mỵ - nương .

膠 漆 黐 疎 鴟 嘆 喂.
Giang nhạl sao thưa chim ánh ôi
吊 兜 畏 准 拯 傷 娘.
Nào đâu là chốn chẳng thương nàng.

71a

其 三.
Kỳ tam.

鑌 碍 康 康 節 淑 貞.
Vàng, đá khăng khăng tiết thục trinh.
永 得 閉 劫 唉 資 名.
Vàng người muốn kiếp hay thơm danh.
沒 悉 黐 漢 低 吟 証.
Một lòng thờ Hán đây lâm chứng.
硃 雪 霜 胡 鴟 葎 撐.
Trải tuyết sương Hồ ư cỏ xanh.

其 四.
Kỳ tứ.

巴 秋 宮 漢 群 丸 垣.
Ba thu cung Hán còn hơn đất.
沒 丿 壞 胡 缺 丐 鴟.

Một phút đến Hồ mất cái chim.
𣍐 潑 喆 油 娘 吏 迎.
Chín suối về đây nàng lại gặp.
𠎁 鑊 噸 抎 粔 無 塩.
Nghìn vàng chục đổi một vô duyên.

其 五.
Kỳ ngũ.

𠎁 南 香 火 義 悋 垣.
Nghìn năm hương hoả nghĩa lo đền.
朱 補 巴 秋 噸 霉 炟.
Cho bõ ba thu chục bóng đèn.
扫 慱 分 娘 娘 𠓨 丕.
Deo giận phận nàng nàng dại vậy.
紋 針 包 女 累 嬋 娟.
Gửi châm bao nỡ luỵ thuyền quyên.

其 六.
Kỳ lục.

遝 迢 劇 灡 吏 救 霜.
Rập diu sớm gió lại mai mưa.

71 B.

吝 橘 高 堂 汶 眡 慲.
Lẫn quất cao đường một giấc mơ.
風 景 群 扚 嬭 渚 齯.
Phong cảnh còn đeo non nước cũ.
漢 宮 矜 奄 余 塘 坡 ⁄.
Hán cung nay đã mấy đường pha.

其 七
Kỳ thất.

梅 花 羕 粔 柳 羕 鬻.
Mai hoa dường mật liễu dường mày.
悁 邊 遂 香 弭 女 鼮.
Quen thói dưa hương nhẹ nửa bay.
鬥 黮 揌 撩 霜 莞 鞊.
Muốn dậm giật gieo sương ngọn cỏ.
汲 冷 渚 眛 暴 分 扡 ⁄.
Ngập ngừng nước mắt thuở phân tay.

其 八
Kỳ bát.

頭 岸 旗 翔 余 吝 荸.

Dâu ngân cô mò mây lân lau.
胡 漢 緣 碧 波 変 桃.
Hồ, Hán duyên xưa bè biển giàu.
約 吏 貸 娘 麼 此 嗨.
Ước lại thay nàng mà thử hỏi.
餒 娘 干 故 黜 為 兜.
Nỏ nàng còn cớ bỏi nì đâu //.

其 九.
Kỳ cửu.

72a

分 薄 紅 顏 事 吏 囤.
Phận bạc hồng nhan sự dai vầy.
傷 嗅 坤 掣 睬 芾 忙.
Thương ôi khôn xiết thuở nào khuây.
魂 贊 沒 牖心 歪 閉 黜.
Hồn thơm một tấm giới muôn dặm.
徠 漢 咍 哭 攪 詮 低 //.
Về Hán hay là cúi ở đây.

其 十.
Kỳ thập.

斬 南 碑 底 蟲 鐫 砂.
Ngàn nam bia để long vàng đá.
閒 却 盡 胜 鄧 這 霜.
Muôn kiếp giới còn tiết giá sương.
僧 - 孺 緣 之 麼 返 捧.
Tăng - Như duyên chi mà gặp gỡ.
潘 詞 吟 筆 陣 荒 唐.
Phan từ ngâm bút trận hoang đường.

總 嘆 王 嬙.
Tổng thán Vương Tường.

色 空 沒 ノ 戢 占 包.
Sắc không một phút giác chiêm bao.
宮 廣 瞳 澄 峩 峩 高.
Cung quảng trùng chùng vọi vọi cao.
惜 吹 級 緣 隻 莫.
Tiếc nhỉ gửi duyên chếch mác.
傷 台 藪 淳 劳 刀.
Thương thay bèo bọt lao dao.
晉 秦 女 易 念 恩 愛.
Tấn, Tần nữa rẻ niềm ân ái.

胡 漢 添 傷 義 結 交.
Hồ, Hán thêm thương nghĩa kết giao.
弦 惜 弦 傷 弦 唅 悯.
Cang tiếc cang thương cang ngậm giận.
豈 哏 埃 𠓨 女 𠰺 夠.
Hả rằng ai đã nỡ làm sao.

孔 聖 文 廟.
Khổng thánh văn miếu.

72B.

顯 明 象 固 德 神 明.
Hiển minh tượng cố đức thần minh.
節 序 恒 納 節 上 丁.
Tiết tự hằng nơi tiết thượng đinh.
倫 理 醭 戩 坪 治 理.
Luân lý gây nên nền trị lý.
威 靈 構 特 氣 陽 靈.
Uy linh cấu đúc khí dương linh.
源 開 聖 學 收 諸 史.
Nguồn khai thánh học thu chư sử.
經 奇 綱 常 列 六 經.
Giềng cả cương thường liệt lục kinh.

體 用 張 墨 功 大 用.
Thể dụng rộng ra công đại dụng.
古 今 名 吋 噫 声 名.
Cổ kim danh giây nức thanh danh.

關 帝.
Quan - đế.

熙 熙 正 氣 像 嫩 東.
Hây hây chính khí dạng non đông.
巴 諾 名 陵 沃 相 公.
Ba nước danh lừng một tướng công.
股 棗 熙 熙 猥 昧 鳳.
Gia táo hây hây con mắt phượng.
脉 輪 卒 卒 弓 鬍 蝀.
Mày sơn chót chót cái dâu rồng.
園 桃 徐 曝 順 腹 鉑.
Vườn đào lư thuở nguyên giàng bạc.
隘 紫 隊 番 抉 培 紅.
Ải tía đoi phen quét bụi hồng.
怪 象 威 顏 怦 摹 底.
Bảng tượng uy nhan tranh mạc đế.

鬟 瞳 弦 敬 敬 弦 瞳 小.
Ngừa trông căng kính kính căng trông.

諸 葛 亮.
Gia - cát - Lượng.

淮 臥 龍 崗 志 趣 慳.
Choi ngọa - long - cương chí thú yêu.
憊 迎 鑊 漢 沛 罵 調.
Chấy nghiêng vạc Hán phải ra điều.
摳 吳 皺 膞 散 如 砲.
Khua Ngô vỡ mật tan như pháo.
村 巍 憶 肝 漣 似 鼈.
Dưới Nguỵ run gan giật tựa beo.
擔 捾 扇 缺 拎 沒 斡.
Trò vậy quạt lông cầm một cán.
冉 年 襯 錦 楚 霖 朝.
Nhiễm mầu tươi gấm đỏ trầm chiều.
飭 得 室 隊 韋 兼 仪.
Sức người rất đội thời dương ấy.
祚 漢 双 群 固 閉 饒 小.
Bọ Hán song còn có bấy nhiêu.

趙 - 子 · 龍
Triệu - tử - Long.

槑	槑	習	鮎	汶	節	紆.
Giáo	giáo	xưa	sau	một	tiết	bền.
當	陽	汶	主	餒	躬	情.
Đương-	đương	một	chuá	nõi	mình	quên.
虐	吹	昂	育	劘	行	陣.
Ngược	xuôi	ngang	giục	trong	hàng	trận.
擄	擦	罢	包	戮	黜	先.
Xô	xát	ra	vào	trước	mũi	tên.
鄧	若	猥	傑	淹	錦	錦.
Đứng	nước	con	thấy	êm	nghỉm	nghỉm.
灘	獰	將	賊	切	虔	虔、
Vuốt	nanh	tướng	giặc	chém	kĩn	kĩn.
豬	暑	頟	吏	豬	仁	義.
Già	ngấy	vá	lại	già	nhân	nghĩa.
戈	戈	名	傳	劉	傑	絹 〃.
Rặc	rặc	danh	truyền	chép	thẻ	quyên.

曹 操.
Tào - Tháo.

勢 分 巴 諾 綿 如 絲.
Thế phân ba nước nối như tơ.

眾 波 啉 憚 沒 堺 坡.
Bốn bể làm toan một cõi bờ.

豪 傑 亜 收 心 將 奇.
Hào kiệt đã thu lòng tướng cả.

英 雄 吏 哦 救 民 疎.
Anh hùng lại chắc cứu dân thơ.

摳 吳 固 睏 移 棍 摶.
Khua Ngô có thuở rời còn vác.

挑 蜀 帝 欺 倒 葉 旗.
Khiêu Thục nào khi đảo lá cờ.

飭 仗 尒 得 肝 胆 仗.
Sức ấy mấy người can đảm ấy.

嫌 烝 沒 悴 性 多 疑 //.
Hiềm chưng một chút tính đa nghi.

董 天 王.
Đổng Thiên vương.

精 英 構 特 氣 乾 坤.
Tinh anh cấu được khí càn, khôn.

天 將 喏 凌 氵八 墜 吨。
Thiên tướng vang lừng tám cõi dồn.
聽 嗚 雄 王 肝 忉 役。
Nghe tiếng Hùng-vương bèn nảy việc.
嚮 名 逆 賊 奄 驚 魂。
Mảng danh nghịch tặc đã kinh hồn.
棍 鐧 馭 鉄 恒 遺 辰。
Côn vàng ngựa sắt hằng dí để.
廊 董 嫩 鄒 庙 唉 群。
Lang Dổng, non Trâu miếu hãy còn.
祀 典 奉 南 功 第 一。
Tự điển giới nam công đệ nhất.
陰 扶 國 勢 凭 朋 嫩 小。
Âm phù quốc thế vững bằng non.

褚 童 子。
Chử - đồng - Tử.

賢 討 洞 如 透 碧 天。
Hiền thảo động nhà thấu bích thiên.
停 台 福 善 買 自 - 然。
Dành thay phúc thiện mới Tự - nhiên.

余 秋 站 堪 擾 肝 鉄.
Mấy thu nhem nhuốc gìn gan sắt.

沒 丿 顯 鼠 結 伴 仙.
Một phút giây sang kết bạn tiên.

趙 - 越 难 冲 戦 業 奇.
Triệu - Việt nạn xong nên nghiệp cả.

仰 - 齋 夢 燄 斐 悉 願.
Ức - trai mộng tỏ phi lòng nguyện.

英 靈 宙 貌 嗟 香 煨.
Anh linh miếu mạo lưng hương khói.

群 浩 群 嫩 啃 駭 群 孫.
Con nước con non tiếng hãi con ấy.

李 - 翁 - 仲.
Lý - ông - Trọng.

尋 奇 尋 高 今 出 群.
Tầm cả tầm cao chỉn xuất quần.

氣 靈 光 岳 搆 迸 分.
Khí thiêng quang nhạc cấu mười phần.

扶 南 揲 北 才 文 武.
Phù nam giếp bắc tài văn vũ.

振 諾 踏 歟 飭 鬼 神.
Chấn nuốc giẫy non sức quỉ thần.
峙 峙 瑞 - 香 祠 免 孚.
Vời vợi Thụy - hương từ đã giưởng.
燃 燃 司 - 馬 嗤 胖 嚂.
Nhờn nhờn Tư - mã tưởng còn ran.
扎 高 柯 趙 占 包 煬.
Chăng Cao, gã Triệu chiếm bao tỏ.
弦 慱 安 南 國 有 人.
Cang sợ An - nam quốc hữu nhân.

徵 王.
Trưng vương.

助 民 揲 乱 者 讐 騁.
Cợ dân giẹp loạn giả thù mình.
姉 嘶 穷 婐 拮 義 兵.
Chị dù cùng em cất nghĩa binh.
蘇 定 鼷 魂 嗦 沒 陣.
Tô - Định bay hồn vang một trận.
嶺 南 鶗 塖 凭 森 城.
Lãnh - nam mở cõi vững trăm thành.

貝 蓮 寶 位 墨 恩 驩.
Bối liên bảo vị ra ơn rộng.
冕 隊 花 冠 嚮 福 慶.
Miễn đội hoa quan hưởng phúc lành.
群 諾 群 孃 群 廟 貌.
Cơn nước cơn non cơn miếu mạo.
女 中 第 一 儕 才 名.
Nữ trung đệ nhất đẳng tài danh.

趙 姬.
Triệu. Cơ.

高 汶 丈 奇 迸 暈.
Cao một trượng cơ mười vầng.
邊 昂 髒 来 勃 諸 駿.
Góc ngang vai, vú chấm lưng.
合 衆 棱 撑 威 唑 嗢.
Hợp chúng rừng xanh uy náo nức.
騎 頭 猶 粧 嗜 嗦 哆.
Cưỡi đầu vai trang tiếng vang lừng.
鑄 賤 攜 捾 散 彈 賊.
Vác dại trở, vậy tan đạn giặc.

巍 奇 啉 嗡 似 阯 徵.
Ngôi ca' lâm le tựa họ Trưng.
嗜 固 英 雄 緣 定 買
Vì có anh hùng duyên định mấy.
辰 兜 東 漢 監 龍 凌!
Thời đâu Đông-Hán giám lưng lăng!

完.